TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SĐH NĂM 2022

KẾT QUẢ THI TUYỂN CHUYÊN KHOA CẤP I HỆ TẬP TRUNG KHÓA 27 - NĂM 2022

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm C.Ngành	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
1	1	04221665	NGUYỄN THÚC ĐỊNH	Nam	18/01/1995	Tỉnh Phú Thọ	Chẩn đoán hình ảnh	8.04	9.46		**17.50**	
2	2	04220814	NGUYỄN THỊ NGA	Nữ	10/11/1993	Tỉnh Nghệ An	Chẩn đoán hình ảnh	7.75	8.65	1.0	**17.40**	
3	3	04220308	NGUYỄN HỮU TÀI	Nam	26/11/1995	Tỉnh Tuyên Quan	Chẩn đoán hình ảnh	8.17	8.19	1.0	**17.36**	
4	4	04220117	PHẠM TIẾN DŨNG	Nam	23/02/1994	Tỉnh Ninh Bình	Chẩn đoán hình ảnh	8.50	8.73		**17.23**	
5	5	04220301	NGUYỄN VĂN CÔNG	Nam	30/06/1991	Tỉnh Ninh Bình	Chẩn đoán hình ảnh	8.46	8.71		**17.17**	
6	6	04221179	LÊ THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	14/11/1993	TP Hà Nội	Chẩn đoán hình ảnh	8.29	8.83		**17.12**	
7	7	04220302	NGUYỄN THỊ THẢO	Nữ	11/10/1995	Tỉnh Thái Bình	Chẩn đoán hình ảnh	7.79	9.17		**16.96**	
8	8	04220950	NGUYỄN VĂN HUY	Nam	21/04/1994	Tỉnh Nghệ An	Chẩn đoán hình ảnh	8.58	8.25		**16.83**	
9	9	04220388	TRỊNH THỊ THUỶ	Nữ	10/01/1991	Tỉnh Thanh Hóa	Chẩn đoán hình ảnh	8.31	8.50		**16.81**	
10	10	04220470	HOÀNG VĂN HÀNH	Nam	17/05/1992	Tỉnh Lạng Sơn	Chẩn đoán hình ảnh	8.48	8.15		**16.63**	
11	11	04221193	TRẦN ĐÌNH TRỌNG	Nam	05/10/1988	Tỉnh Phú Thọ	Chẩn đoán hình ảnh	7.63	7.94	1.0	**16.57**	
12	12	04220987	VŨ VĂN GIÁP	Nam	22/04/1993	Tỉnh Thanh Hóa	Chẩn đoán hình ảnh	7.67	8.88		**16.55**	
13	13	04220065	LÊ THỊ LAN	Nữ	05/01/1989	Tỉnh Thanh Hóa	Chẩn đoán hình ảnh	8.38	8.15		**16.53**	
14	14	04220222	NGUYỄN HẢI LONG	Nam	19/05/1995	Tỉnh Nghệ An	Chẩn đoán hình ảnh	8.35	8.15		**16.50**	
15	15	04220721	PHẠM CAO LƯƠNG	Nam	05/12/1988	Tỉnh Thái Bình	Chẩn đoán hình ảnh	8.19	8.23		**16.42**	
16	16	04220024	LÊ THỊ HÒA	Nữ	28/11/1989	Tỉnh Thái Bình	Chẩn đoán hình ảnh	8.10	8.31		**16.41**	
17	17	04221643	VŨ MINH QUÝ	Nam	19/12/1993	Tỉnh Hải Dương	Chẩn đoán hình ảnh	8.04	8.31		**16.35**	
18	18	04221838	HOÀNG ĐOÀN SƠN TÙNG	Nam	18/12/1990	Tỉnh Lạng Sơn	Chẩn đoán hình ảnh	8.50	7.79		**16.29**	
19	19	04221664	THÂN THỊ VÂN	Nữ	29/01/1993	Tỉnh Bắc Giang	Chẩn đoán hình ảnh	8.13	8.13		**16.26**	
20	20	04220439	NGUYỄN BẰNG GIANG	Nam	06/05/1993	TP Hà Nội	Chẩn đoán hình ảnh	8.83	7.42		**16.25**	
21	21	04220199	PHẠM THỊ TUYẾT MAI	Nữ	12/11/1989	Tỉnh Thái Bình	Chẩn đoán hình ảnh	8.04	8.10		**16.14**	
22	22	04221701	ĐÀO THỊ THƯỜNG	Nữ	25/04/1990	Tỉnh Nghệ An	Chẩn đoán hình ảnh	7.33	8.81		**16.14**	
23	23	04220539	ĐẶNG HUY HOÀNG	Nam	04/06/1992	Tỉnh Thái Bình	Chẩn đoán hình ảnh	7.69	8.40		**16.09**	

CKI KHÓA 27

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm C.Ngành	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
24	24	04220003	PHẠM THÀNH CÔNG	Nam	14/09/1985	Tỉnh Nam Định	Chẩn đoán hình ảnh	8.06	7.96		**16.02**	
25	25	04221095	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THÚY	Nữ	07/10/1990	Tỉnh Hà Nam	Chẩn đoán hình ảnh	8.29	7.71		**16.00**	
26	26	04220423	TRẦN KIM CHƯƠNG	Nam	21/03/1992	Tỉnh Nghệ An	Chẩn đoán hình ảnh	8.15	7.81		**15.96**	
27	27	04221449	ĐỖ QUANG TRUNG	Nam	21/10/1989	Tỉnh Thái Bình	Chẩn đoán hình ảnh	8.48	7.38		**15.86**	
28	28	04221559	NGUYỄN THẠCH THẢO	Nữ	20/09/1991	Tỉnh Nghệ An	Chẩn đoán hình ảnh	8.13	7.73		**15.86**	
29	29	04221555	PHÙNG TRUNG ĐỨC	Nam	14/03/1993	Tỉnh Phú Thọ	Chẩn đoán hình ảnh	7.42	7.44	1.0	**15.86**	
30	30	04221405	NGUYỄN THỊ LINH	Nữ	30/06/1993	Tỉnh Hưng Yên	Chẩn đoán hình ảnh	7.73	8.02		**15.75**	
31	31	04220540	LÊ ĐỨC ANH	Nam	24/01/1992	Tỉnh Nam Định	Chẩn đoán hình ảnh	7.69	8.06		**15.75**	
32	32	04221500	NGUYỄN XUÂN BÁCH	Nam	19/03/1992	Tỉnh Ninh Bình	Chẩn đoán hình ảnh	8.08	7.63		**15.71**	
33	33	04220021	TRẦN THỊ NGA	Nữ	27/09/1993	Tỉnh Điện Biên	Chẩn đoán hình ảnh	7.94	6.75	1.0	**15.69**	
34	34	04220700	NGUYỄN LÊ VIỆT	Nam	27/07/1989	Tỉnh Quảng Ninh	Chẩn đoán hình ảnh	7.77	7.90		**15.67**	
35	35	04221354	HOÀNG TRỌNG HIẾU	Nam	14/03/1990	Tỉnh Lạng Sơn	Chẩn đoán hình ảnh	7.75	6.92	1.0	**15.67**	
36	36	04220658	NGUYỄN NGỌC HẢI	Nam	08/09/1987	Tỉnh Sơn La	Chẩn đoán hình ảnh	7.54	7.13	1.0	**15.67**	
37	37	04221119	TRẦN THỊ OANH	Nữ	25/10/1994	Tỉnh Nghệ An	Chẩn đoán hình ảnh	7.67	7.92		**15.59**	
38	38	04220797	TRẦN THỊ HOA	Nữ	20/04/1991	Tỉnh Bắc Ninh	Chẩn đoán hình ảnh	8.08	7.48		**15.56**	
39	39	04220690	TRẦN THU HẰNG	Nữ	13/10/1995	Tỉnh Phú Thọ	Chẩn đoán hình ảnh	8.29	7.17		**15.46**	
40	40	04220059	NGUYỄN XUÂN QUYẾT	Nam	25/04/1991	Tỉnh Hưng Yên	Chẩn đoán hình ảnh	7.58	7.88		**15.46**	
41	41	04221114	BÙI THU HƯƠNG	Nữ	02/02/1994	Tỉnh Thanh Hóa	Chẩn đoán hình ảnh	7.33	7.13	1.0	**15.46**	
42	42	04221486	LÊ THỊ TRANG	Nữ	06/07/1989	Tỉnh Thanh Hóa	Chẩn đoán hình ảnh	7.65	7.79		**15.44**	
43	43	04221308	ĐỖ NGỌC THỊNH	Nam	06/07/1993	Tỉnh Thái Bình	Chẩn đoán hình ảnh	8.04	7.27		**15.31**	
44	44	04220418	NGUYỄN TIẾN THÀNH	Nam	12/10/1994	Tỉnh Lạng Sơn	Chẩn đoán hình ảnh	7.46	6.83	1.0	**15.29**	
45	45	04221043	NGUYỄN NGỌC KHUÊ	Nam	23/07/1990	TP Hà Nội	Chẩn đoán hình ảnh	8.21	6.94		**15.15**	
46	46	04220567	ĐỖ GIA HOÀN	Nam	08/05/1995	Tỉnh Thái Nguyê	Chẩn đoán hình ảnh	7.58	7.52		**15.10**	
47	47	04221840	NGUYỄN HOÀI NAM	Nam	18/02/1992	Tỉnh Thái Nguyê	Chẩn đoán hình ảnh	6.58	7.40	1.0	**14.98**	
48	48	04221284	PHẠM THỊ NGA	Nữ	18/07/1991	Tỉnh Hải Dương	Chẩn đoán hình ảnh	7.75	7.21		**14.96**	
49	49	04220074	DƯƠNG VĂN QUÂN	Nam	18/05/1994	Tỉnh Thái Nguyê	Chẩn đoán hình ảnh	7.65	7.19		**14.84**	
50	50	04220136	NGUYỄN LÊ HOÀNG	Nam	10/09/1991	Tỉnh Thanh Hóa	Chẩn đoán hình ảnh	7.69	7.13		**14.82**	

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm C.Ngành	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
51	51	04220131	LẠI THỊ HỒNG LIÊN	Nữ	16/06/1992	Tỉnh Hà Nam	Chẩn đoán hình ảnh	7.63	7.19		**14.82**	
52	52	04220574	ĐOÀN QUANG KÌNH	Nam	06/09/1990	Tỉnh Hải Dương	Chẩn đoán hình ảnh	7.25	7.56		**14.81**	
53	53	04221713	MÙNG DUY TÂN	Nam	10/09/1992	Tỉnh Bắc Giang	Chẩn đoán hình ảnh	7.33	7.46		**14.79**	
54	54	04220382	PHẠM THÀNH LUÂN	Nam	16/05/1992	Tỉnh Ninh Bình	Chẩn đoán hình ảnh	7.21	7.54		**14.75**	
55	55	04220952	NGUYỄN THỊ NGOAN	Nữ	08/10/1989	Tỉnh Nam Định	Chẩn đoán hình ảnh	7.73	6.96		**14.69**	
56	56	04220225	LÊ THÁI BÌNH DƯƠNG	Nam	22/08/1989	Tỉnh Hà Tĩnh	Chẩn đoán hình ảnh	6.69	7.98		**14.67**	
57	57	04221257	NGUYỄN THỊ MAI ANH	Nữ	01/05/1992	Tỉnh Thanh Hóa	Chẩn đoán hình ảnh	8.06	6.58		**14.64**	
58	58	04220099	NGÔ THỊ THÙY DƯƠNG	Nữ	07/06/1993	Tỉnh Hải Dương	Chẩn đoán hình ảnh	7.60	7.04		**14.64**	
59	59	04220352	NGUYỄN THANH TÙNG	Nam	24/10/1993	Tỉnh Thanh Hóa	Chẩn đoán hình ảnh	6.60	6.96	1.0	**14.56**	
60	60	04221112	BÙI TUẤN VŨ	Nam	10/01/1991	TP Hà Nội	Chẩn đoán hình ảnh	8.31	6.21		**14.52**	
61	61	04221023	HOÀNG THỊ LAN ANH	Nữ	31/10/1990	Tỉnh Thanh Hóa	Chẩn đoán hình ảnh	7.13	7.38		**14.51**	
62	62	04220514	TRƯƠNG THANH SƠN	Nam	27/10/1990	Tỉnh Thanh Hóa	Chẩn đoán hình ảnh	7.17	7.31		**14.48**	
63	63	04220414	ĐÀM THỊ TRANG	Nữ	20/06/1989	Tỉnh Thanh Hóa	Chẩn đoán hình ảnh	7.10	7.38		**14.48**	
64	64	04221699	NÔNG VIỆT DŨNG	Nam	15/05/1993	Tỉnh Điện Biên	Chẩn đoán hình ảnh	6.94	6.44	1.0	**14.38**	
65	65	04220861	PHẠM VĂN THƯỞNG	Nam	10/03/1993	Tỉnh Nghệ An	Chẩn đoán hình ảnh	7.83	6.46		**14.29**	
66	66	04220528	PHẠM THỊ THANH THỦY	Nữ	22/08/1993	Tỉnh Ninh Bình	Chẩn đoán hình ảnh	7.79	6.38		**14.17**	
67	67	04220241	ĐỖ THỊ THÙY LINH	Nữ	22/12/1992	TP Hà Nội	Chẩn đoán hình ảnh	7.52	6.65		**14.17**	
68	68	04221593	NGUYỄN THẾ THỐNG	Nam	12/10/1994	Tỉnh Bắc Ninh	Chẩn đoán hình ảnh	7.35	6.77		**14.12**	
69	69	04221227	KIỀU TIẾN THÀNH	Nam	08/12/1990	Tỉnh Hà Nam	Chẩn đoán hình ảnh	7.02	7.08		**14.10**	
70	70	04221309	PHÙNG VĂN VIỆT	Nam	14/10/1991	Tỉnh Vĩnh Phúc	Chẩn đoán hình ảnh	7.19	6.88		**14.07**	
71	71	04221451	NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	Nữ	14/10/1994	TP Hải Phòng	Chẩn đoán hình ảnh	7.08	6.98		**14.06**	
72	72	04220216	NGUYỄN BÁCH CHIẾN	Nam	16/07/1991	TP Hà Nội	Chẩn đoán hình ảnh	7.27	6.77		**14.04**	
73	73	04220549	NGÔ THU THUỶ	Nữ	30/01/1993	Tỉnh Quảng Ninh	Chẩn đoán hình ảnh	6.98	7.00		**13.98**	
74	74	04220316	HOÀNG VĂN THÁI	Nam	21/08/1986	Tỉnh Lạng Sơn	Chẩn đoán hình ảnh	6.67	7.31		**13.98**	
75	75	04220120	PHÙNG MINH NHẬT	Nam	19/09/1992	TP Hà Nội	Chẩn đoán hình ảnh	7.69	6.27		**13.96**	
76	76	04220406	TRẦN THỊ NGUYỆT ÁNH	Nữ	10/01/1994	Tỉnh Nghệ An	Chẩn đoán hình ảnh	6.85	7.10		**13.95**	
77	77	04220626	NGUYỄN MINH HẰNG	Nữ	30/10/1995	Tỉnh Bắc Ninh	Chẩn đoán hình ảnh	7.23	6.69		**13.92**	

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm C.Ngành	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
78	78	04221106	ĐOÀN TUẤN ANH	Nam	16/09/1989	Tỉnh Lào Cai	Chẩn đoán hình ảnh	6.79	6.08	1.0	**13.87**	
79	79	04220154	BÙI THÀNH CÔNG	Nam	05/04/1994	Tỉnh Yên Bái	Chẩn đoán hình ảnh	6.96	5.90	1.0	**13.86**	
80	80	04220820	NGUYỄN THỊ KIM OANH	Nữ	26/10/1986	Tỉnh Thanh Hóa	Chẩn đoán hình ảnh	6.75	7.10		**13.85**	
81	81	04220612	ĐỖ THÁI SƠN	Nam	08/12/1989	TP Hà Nội	Chẩn đoán hình ảnh	6.31	7.44		**13.75**	
82	82	04221475	VŨ KIỀU OANH	Nữ	17/10/1990	Tỉnh Lào Cai	Chẩn đoán hình ảnh	6.17	6.56	1.0	**13.73**	
83	83	04221953	TRẦN MINH CHƯƠNG	Nam	15/07/1989	Tỉnh Nam Định	Chẩn đoán hình ảnh	7.38	5.33	1.0	**13.71**	
84	84	04220519	HOÀNG THỊ PHƯƠNG	Nữ	20/12/1991	TP Hà Nội	Chẩn đoán hình ảnh	7.06	6.58		**13.64**	
85	85	04220239	HOÀNG THỊ HÀ	Nữ	07/11/1992	Tỉnh Bắc Kạn	Chẩn đoán hình ảnh	7.15	6.46		**13.61**	
86	86	04220930	BÙI THỊ HIỀN THẢO	Nữ	04/11/1994	Tỉnh Hòa Bình	Chẩn đoán hình ảnh	7.29	6.15		**13.44**	
87	87	04220943	ĐẬU THỊ HƯƠNG	Nữ	22/09/1989	Tỉnh Thanh Hóa	Chẩn đoán hình ảnh	6.67	6.75		**13.42**	
88	88	04221645	NGÔ HOÀNG SƠN	Nam	06/04/1991	TP Hà Nội	Chẩn đoán hình ảnh	6.83	6.40		**13.23**	
89	89	04220232	VŨ TIẾN LỰC	Nam	09/11/1992	Tỉnh Ninh Bình	Chẩn đoán hình ảnh	7.06	6.15		**13.21**	
90	90	04220285	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	01/07/1990	Tỉnh Thanh Hóa	Chẩn đoán hình ảnh	6.85	6.31		**13.16**	
91	91	04221710	NGUYỄN THỊ LÝ	Nữ	25/03/1994	Tỉnh Hải Dương	Chẩn đoán hình ảnh	6.98	6.06		**13.04**	
92	92	04220805	VŨ THỊ THANH	Nữ	05/02/1989	TP Hà Nội	Chẩn đoán hình ảnh	7.02	6.00		**13.02**	
93	93	04220198	VŨ DUY ĐOÀN	Nam	19/10/1985	Tỉnh Vĩnh Phúc	Chẩn đoán hình ảnh	6.54	6.48		**13.02**	
94	94	04220004	TỐNG PHÚC THÂN	Nam	03/05/1992	Tỉnh Ninh Bình	Chẩn đoán hình ảnh	6.98	5.98		**12.96**	
95	95	04220910	NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	Nữ	25/11/1993	TP Hà Nội	Chẩn đoán hình ảnh	7.06	5.83		**12.89**	
96	96	04221443	BÙI THỊ MINH	Nữ	09/11/1993	TP Hà Nội	Chẩn đoán hình ảnh	6.50	6.21		**12.71**	
97	97	04221426	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	Nữ	22/09/1989	TP Hà Nội	Chẩn đoán hình ảnh	6.27	6.13		**12.40**	
98	98	04220718	NÔNG THỊ BÍCH NGỌC	Nữ	23/10/1991	Tỉnh Lạng Sơn	Chẩn đoán hình ảnh	7.40	4.92		**12.32**	
99	99	04221170	LÊ ĐỨC HẠNH	Nữ	10/11/1992	Tỉnh Thanh Hóa	Chẩn đoán hình ảnh	5.29	6.92		**12.21**	
100	100	04221014	NGUYỄN HÀ PHƯƠNG	Nữ	20/12/1993	Tỉnh Thanh Hóa	Chẩn đoán hình ảnh	6.40	5.79		**12.19**	
101	101	04221865	HOÀNG THANH NA	Nữ	15/11/1990	Tỉnh Tuyên Quan	Chẩn đoán hình ảnh	6.33	4.85	1.0	**12.18**	
102	102	04220855	ĐINH VĂN TÂY	Nam	17/03/1995	TP Hải Phòng	Chẩn đoán hình ảnh	6.60	5.56		**12.16**	
103	103	04220744	BÙI MINH HOÀNG	Nam	21/12/1986	Tỉnh Thanh Hóa	Chẩn đoán hình ảnh	6.02	5.13	1.0	**12.15**	
104	104	04220512	PHAN THỊ GIANG	Nữ	01/09/1992	Tỉnh Bắc Giang	Chẩn đoán hình ảnh	6.56	5.52		**12.08**	

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm C.Ngành	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
105	105	04221210	NGUYỄN THỊ HẠNH	Nữ	10/08/1992	Tỉnh Hòa Bình	Chẩn đoán hình ảnh	6.67	5.40		**12.07**	
106	106	04220843	NGUYỄN VĂN THUẬN	Nam	27/01/1991	Tỉnh Hòa Bình	Chẩn đoán hình ảnh	5.73	5.33	1.0	**12.06**	
107	107	04220234	TRIỆU PHƯƠNG PHƯƠNG	Nữ	17/09/1991	Tỉnh Lạng Sơn	Chẩn đoán hình ảnh	6.17	5.40		**11.57**	
108	108	04220158	HOÀNG THỊ THUỲ	Nữ	20/09/1993	Tỉnh Bắc Giang	Chẩn đoán hình ảnh	5.58	5.94		**11.52**	
109	109	04220656	NGUYỄN QUANG HÙNG	Nam	18/04/1992	Tỉnh Ninh Bình	Chẩn đoán hình ảnh	6.79	4.69		**11.48**	
110	110	04221235	ĐẶNG THU THẢO	Nữ	03/03/1993	Tỉnh Thanh Hóa	Chẩn đoán hình ảnh	5.83	5.48		**11.31**	
111	111	04221226	GIÀNG THU HÀ	Nữ	30/11/1991	Tỉnh Lào Cai	Chẩn đoán hình ảnh	6.35	3.94	1.0	**11.29**	
112	112	04221324	DƯƠNG NGỌC BÍCH	Nữ	27/07/1991	TP Hà Nội	Chẩn đoán hình ảnh	5.10	6.10		**11.20**	
113	113	04221862	NGUYỄN QUANG ĐỨC	Nam	10/12/1990	TP Hà Nội	Chẩn đoán hình ảnh	6.21	4.98		**11.19**	
114	114	04220210	TRẦN MẠNH HÙNG	Nam	16/08/1980	TP Hà Nội	Chẩn đoán hình ảnh	5.67	5.29		**10.96**	
115	115	04220383	LÊ THỊ NHÀN	Nữ	05/09/1990	Tỉnh Thanh Hóa	Chẩn đoán hình ảnh	5.58	5.31		**10.89**	
116	116	04220020	PHẠM VĂN NGHỊ	Nam	24/06/1989	Tỉnh Nam Định	Chẩn đoán hình ảnh	6.48	4.29		**10.77**	
117	117	04220357	PHẠM ĐẮC THẮNG	Nam	20/11/1991	Tỉnh Thanh Hóa	Chẩn đoán hình ảnh	6.13	4.58		**10.71**	
118	118	04220092	NGUYỄN ĐÌNH LÊ	Nam	20/04/1985	Tỉnh Bắc Giang	Chẩn đoán hình ảnh	5.83	4.85		**10.68**	
119	119	04220387	NGUYỄN TIẾN KHOA	Nam	29/11/1988	Tỉnh Phú Thọ	Chẩn đoán hình ảnh	5.27	4.31	1.0	**10.58**	
120	120	04221328	NGUYỄN TRUNG PHONG	Nam	31/01/1985	TP Hà Nội	Chẩn đoán hình ảnh	5.44	4.98		**10.42**	
121	121	04221656	NGUYỄN QUANG KHẢI	Nam	15/06/1991	Tỉnh Vĩnh Phúc	Chẩn đoán hình ảnh	5.02	5.40		**10.42**	
122	122	04220482	SÙNG VĂN BÌNH	Nam	03/03/1990	Tỉnh Hà Giang	Chẩn đoán hình ảnh	4.94	4.40	1.0	**10.34**	
123	123	04220015	NGUYỄN QUANG CẬN	Nam	04/06/1988	TP Hà Nội	Chẩn đoán hình ảnh	6.00	4.31		**10.31**	
124	124	04221228	VÕ THỊ HUYỀN HẠNH	Nữ	03/09/1993	Tỉnh Lào Cai	Chẩn đoán hình ảnh	6.85	3.38		**10.23**	
125	125	04220654	TỐNG THỊ THƯỜNG	Nữ	17/05/1991	Tỉnh Thái Bình	Chẩn đoán hình ảnh	5.33	4.88		**10.21**	
126	126	04221817	ĐỖ VĂN LONG	Nam	11/09/1981	Tỉnh Thanh Hóa	Chẩn đoán hình ảnh	5.21	4.85		**10.06**	
127	127	04221892	VŨ MẠNH HÙNG	Nam	24/10/1987	Tỉnh Thái Bình	Chẩn đoán hình ảnh	5.75	4.17		**9.92**	
128	128	04221425	HOÀNG VĂN KHOA	Nam	19/10/1982	Tỉnh Hà Giang	Chẩn đoán hình ảnh	4.44	4.46	1.0	**9.90**	
129	129	04220572	LANG VĂN HUẤN	Nam	10/10/1990	Tỉnh Thanh Hóa	Chẩn đoán hình ảnh	4.42	4.00	1.0	**9.42**	
130	130	04220384	TRẦN THẾ TUÂN	Nam	17/06/1978	Tỉnh Bắc Giang	Chẩn đoán hình ảnh	5.31	3.94		**9.25**	
131	131	04220610	NGUYỄN THỊ TÂN	Nữ	26/06/1990	Tỉnh Phú Thọ	Chẩn đoán hình ảnh	4.58	4.63		**9.21**	

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm C.Ngành	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
132	132	04220481	LÊ MẠNH CƯỜNG	Nam	14/07/1991	Tỉnh Quảng Ninh	Chẩn đoán hình ảnh	4.98	4.04		**9.02**	
133	133	04221496	NGUYỄN THÙY DUNG	Nữ	21/11/1978	Tỉnh Hòa Bình	Chẩn đoán hình ảnh	4.04	3.92	1.0	**8.96**	
134	134	04220213	NGUYỄN VIỆT PHƯƠNG	Nam	10/09/1992	Tỉnh Hà Tĩnh	Chẩn đoán hình ảnh	4.83	3.92		**8.75**	
135	135	04221932	VŨ THỊ THU HUYỀN	Nữ	25/09/1990	Tỉnh Thanh Hóa	Chẩn đoán hình ảnh	4.88	3.35		**8.23**	
136	136	04220935	PHÙNG TUYẾT MAI	Nữ	12/10/1988	Tỉnh Thái Nguyê	Chẩn đoán hình ảnh	4.77	3.40		**8.17**	
137	137	04221326	HOÀNG THẾ TUÂN	Nam	18/08/1987	Tỉnh Sơn La	Chẩn đoán hình ảnh	3.79	3.21	1.0	**8.00**	
138	138	04220346	NGUYỄN THẾ LONG	Nam	16/10/1989	TP Hà Nội	Chẩn đoán hình ảnh	4.44	0.00		**4.44**	
139	139	04221546	LÊ XUÂN KHÁNH	Nam	15/04/1987	Tỉnh Thanh Hóa	Chẩn đoán hình ảnh	0.00	0.00	1.0	**1.00**	Không thi
140	140	04221878	NGUYỄN VIỆT THẮNG	Nam	27/09/1989	Tỉnh Thanh Hóa	Chẩn đoán hình ảnh	0.00	0.00	1.0	**1.00**	Không thi
141	141	04220543	PHẠM HỒNG NHUNG	Nữ	15/01/1990	Tỉnh Thái Bình	Chẩn đoán hình ảnh	0.00	0.00		**0.00**	Không thi
142	142	04221011	NGUYỄN THỊ THÙY	Nữ	13/02/1989	Tỉnh Thái Bình	Chẩn đoán hình ảnh	0.00	0.00		**0.00**	Không thi
143	143	04221381	ĐÀO TUẤN DUY	Nam	01/12/1985	Tỉnh Vĩnh Phúc	Chẩn đoán hình ảnh	0.00	0.00		**0.00**	Không thi
144	144	04221741	HỒ VĂN HỘI	Nam	28/10/1984	Tỉnh Hải Dương	Chẩn đoán hình ảnh	0.00	0.00		**0.00**	Không thi
145	145	04221200	NGUYỄN ĐỨC QUANG HUY	Nam	07/12/1994	TP Hà Nội	Chẩn đoán hình ảnh	0.00	0.00		**0.00**	Không thi
146	146	04220836	NGUYỄN ĐỨC TÂN	Nam	17/09/1986	Tỉnh Thanh Hóa	Chẩn đoán hình ảnh	0.00	0.00		**0.00**	Không thi
147	1	04221315	LÊ LAN ANH	Nữ	28/08/1990	Tỉnh Cao Bằng	Da liễu	8.81	7.48	1.0	**17.29**	
148	2	04220825	KIỀU THỊ HIỀN	Nữ	16/04/1988	Tỉnh Hưng Yên	Da liễu	8.88	7.88		**16.76**	
149	3	04220095	NGUYỄN THỊ THU HÀ	Nữ	02/12/1991	Tỉnh Hải Dương	Da liễu	8.44	8.17		**16.61**	
150	4	04220005	ĐINH KHẮC TUYÊN	Nam	13/09/1994	Tỉnh Quảng Ninh	Da liễu	8.69	7.71		**16.40**	
151	5	04220345	ĐẶNG THÙY DƯƠNG	Nữ	16/10/1993	Tỉnh Hải Dương	Da liễu	8.56	7.83		**16.39**	
152	6	04220159	NINH THỊ THƯƠNG	Nữ	02/06/1989	Tỉnh Thanh Hóa	Da liễu	7.71	7.67	1.0	**16.38**	
153	7	04220012	LÊ THỊ PHƯƠNG	Nữ	28/06/1992	Tỉnh Thanh Hóa	Da liễu	8.69	7.63		**16.32**	
154	8	04220160	NGUYỄN THỊ TUYẾT	Nữ	01/12/1990	Tỉnh Thái Bình	Da liễu	8.29	8.02		**16.31**	
155	9	04221909	NHẠC VĂN DIỆN	Nam	16/09/1986	Tỉnh Yên Bái	Da liễu	8.44	6.67	1.0	**16.11**	
156	10	04220401	TRẦN THỊ NGA	Nữ	23/02/1992	Tỉnh Nghệ An	Da liễu	8.73	7.33		**16.06**	
157	11	04220129	VŨ THỊ THU HẰNG	Nữ	26/12/1994	Tỉnh Vĩnh Phúc	Da liễu	8.52	7.48		**16.00**	
158	12	04220789	HOÀNG THỊ HOA	Nữ	23/12/1992	Tỉnh Nam Định	Da liễu	8.75	7.10		**15.85**	

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm C.Ngành	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
159	13	04221591	TRIỆU MAI NGA	Nữ	15/09/1991	Tỉnh Thái Nguyê	Da liễu	8.40	7.35		**15.75**	
160	14	04220269	LÊ THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	16/06/1991	Tỉnh Vĩnh Phúc	Da liễu	8.79	6.88		**15.67**	
161	15	04220013	NGUYỄN THÀNH THANH THIÊN	Nam	04/03/1995	Tỉnh Đắc Lắc	Da liễu	7.98	7.67		**15.65**	
162	16	04220932	NGUYỄN THỊ NGÂN	Nữ	23/02/1988	Tỉnh Hưng Yên	Da liễu	8.13	7.38		**15.51**	
163	17	04220865	NGUYỄN THỊ THÚY AN	Nữ	01/10/1994	TP Hà Nội	Da liễu	8.02	7.33		**15.35**	
164	18	04221029	TRIỆU NGỌC THÚY	Nữ	16/12/1990	Tỉnh Tuyên Quan	Da liễu	8.10	6.19	1.0	**15.29**	
165	19	04220030	TRẦN VĂN PHONG	Nam	20/03/1990	Tỉnh Ninh Bình	Da liễu	8.04	7.23		**15.27**	
166	20	04220899	PHẠM THỊ THANH HƯƠNG	Nữ	16/02/1990	Tỉnh Ninh Bình	Da liễu	7.73	7.54		**15.27**	
167	21	04221150	NGUYỄN VŨ NGÂN HÀ	Nữ	11/08/1993	Tỉnh Tuyên Quan	Da liễu	7.60	6.67	1.0	**15.27**	
168	22	04221539	CHU THỊ HƯƠNG THẢO	Nữ	05/09/1994	Tỉnh Nghệ An	Da liễu	8.42	6.73		**15.15**	
169	23	04220443	DIỆP THỊ HÀ MY	Nữ	17/01/1990	Tỉnh Quảng Bình	Da liễu	7.77	7.29		**15.06**	
170	24	04220271	TRƯƠNG THỊ MAI	Nữ	22/02/1993	Tỉnh Thanh Hóa	Da liễu	7.63	7.38		**15.01**	
171	25	04220183	NGÔ THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	14/05/1992	Tỉnh Bắc Kạn	Da liễu	8.10	6.88		**14.98**	
172	26	04220674	VÀNG THỊ SÙNG	Nữ	18/08/1992	Tỉnh Điện Biên	Da liễu	7.56	6.38	1.0	**14.94**	
173	27	04220494	NGUYỄN THỊ LAN ANH	Nữ	11/12/1995	Tỉnh Bắc Giang	Da liễu	7.60	7.31		**14.91**	
174	28	04221182	ĐỒNG THỊ MẪN	Nữ	03/03/1995	Tỉnh Hải Dương	Da liễu	8.08	6.75		**14.83**	
175	29	04221099	ĐỖ THỊ THU TRÀ	Nữ	03/08/1993	Tỉnh Bắc Ninh	Da liễu	7.79	7.04		**14.83**	
176	30	04220034	NGUYỄN VÂN ANH	Nữ	30/01/1991	TP Hà Nội	Da liễu	7.77	7.06		**14.83**	
177	31	04221494	TRẦN THỊ HƯỜNG	Nữ	28/11/1990	Tỉnh Điện Biên	Da liễu	7.60	6.19	1.0	**14.79**	
178	32	04221795	ĐẶNG ANH PHƯƠNG	Nữ	12/12/1991	Tỉnh Vĩnh Phúc	Da liễu	8.29	6.46		**14.75**	
179	33	04220672	PHẠM THỊ HUYỀN	Nữ	01/12/1994	Tỉnh Quảng Ninh	Da liễu	8.33	6.33		**14.66**	
180	34	04221841	VŨ HUYỀN MY	Nữ	27/12/1992	Tỉnh Lạng Sơn	Da liễu	7.40	6.25	1.0	**14.65**	
181	35	04221478	CAO THỊ THANH HẢI	Nữ	24/12/1993	Tỉnh Sơn La	Da liễu	7.52	5.94	1.0	**14.46**	
182	36	04220207	NGUYỄN THỊ TOÀN	Nữ	20/01/1995	Tỉnh Bắc Giang	Da liễu	7.77	6.65		**14.42**	
183	37	04220526	VƯƠNG THỊ UYÊN	Nữ	30/06/1983	Tỉnh Bắc Giang	Da liễu	8.19	6.19		**14.38**	
184	38	04220189	LÊ CÔNG TÂN	Nam	12/12/1985	Tỉnh Thái Bình	Da liễu	8.52	5.79		**14.31**	
185	39	04220588	PHẠM THỊ THƯƠNG	Nữ	07/08/1995	Tỉnh Điện Biên	Da liễu	7.73	6.54		**14.27**	

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm C.Ngành	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
186	40	04221711	ĐỖ HÀ NGỌC ANH	Nam	24/01/1993	Tỉnh Quảng Ninh	Da liễu	7.50	6.77		**14.27**	
187	41	04220689	NGUYỄN THỊ HUỆ	Nữ	16/07/1993	TP Hà Nội	Da liễu	7.58	6.67		**14.25**	
188	42	04221675	LÊ THỊ THU MINH	Nữ	25/09/1993	Tỉnh Thanh Hóa	Da liễu	7.94	6.02		**13.96**	
189	43	04221832	BÙI THÙY LINH GIANG	Nữ	06/10/1990	Tỉnh Thái Bình	Da liễu	7.63	6.29		**13.92**	
190	44	04220496	NGUYỄN THỊ ĐÔNG	Nữ	02/09/1992	Tỉnh Bắc Giang	Da liễu	8.08	5.77		**13.85**	
191	45	04220403	VŨ THỊ NGA	Nữ	07/03/1993	Tỉnh Thái Nguyê	Da liễu	7.65	6.13		**13.78**	
192	46	04221826	PHẠM THÀNH THÁI	Nam	23/03/1991	TP Hà Nội	Da liễu	7.35	6.10		**13.45**	
193	47	04221493	ĐINH XUÂN LỘC	Nữ	18/08/1993	Tỉnh Yên Bái	Da liễu	7.13	6.25		**13.38**	
194	48	04221153	NGUYỄN THU TRANG	Nữ	09/10/1994	Tỉnh Nam Định	Da liễu	6.58	6.77		**13.35**	
195	49	04220523	NGUYỄN THỊ VÂN	Nữ	21/09/1981	Tỉnh Nam Định	Da liễu	6.98	6.25		**13.23**	
196	50	04221212	LÊ THANH TUYỀN	Nữ	19/09/1995	TP Hà Nội	Da liễu	6.90	6.25		**13.15**	
197	51	04221553	VŨ THỊ TÚ HẰNG	Nữ	23/07/1990	Tỉnh Ninh Bình	Da liễu	6.94	6.17		**13.11**	
198	52	04220299	PHẠM HỒNG LƯU	Nam	28/05/1978	Tỉnh Nam Định	Da liễu	6.94	6.08		**13.02**	
199	53	04220503	PHẠM THỊ THO	Nữ	05/11/1987	TP Hà Nội	Da liễu	7.00	5.94		**12.94**	
200	54	04220589	NGUYỄN ANH ĐỨC LONG	Nam	29/05/1995	Tỉnh Nghệ An	Da liễu	6.85	6.04		**12.89**	
201	55	04220179	ĐẶNG TIẾN ANH	Nam	03/07/1991	Tỉnh Nam Định	Da liễu	7.65	5.19		**12.84**	
202	56	04221242	NGUYỄN HOÀNG THỌ	Nam	04/02/1995	TP Hồ Chí Minh	Da liễu	6.40	6.44		**12.84**	
203	57	04220295	NGUYỄN LINH PHƯƠNG	Nữ	29/08/1989	TP Hà Nội	Da liễu	6.83	6.00		**12.83**	
204	58	04220317	KHUẤT THỊ THU HƯƠNG	Nữ	14/06/1991	Tỉnh Hà Giang	Da liễu	6.67	5.94		**12.61**	
205	59	04221473	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	Nữ	04/03/1993	TP Hà Nội	Da liễu	6.96	5.52		**12.48**	
206	60	04220870	QUÁCH THỊ PHƯỢNG	Nữ	31/10/1991	Tỉnh Hòa Bình	Da liễu	6.27	5.15	1.0	**12.42**	
207	61	04220846	HOÀNG LINH GIANG	Nữ	03/09/1994	Tỉnh Hà Tĩnh	Da liễu	7.15	5.25		**12.40**	
208	62	04221039	NGUYỄN THỊ HOA	Nữ	27/03/1985	Tỉnh Vĩnh Phúc	Da liễu	6.54	5.79		**12.33**	
209	63	04220831	NGUYỄN ĐÌNH THÔNG	Nam	26/10/1984	TP Hà Nội	Da liễu	7.06	5.17		**12.23**	
210	64	04220568	LÊ THỊ HÒE	Nữ	24/02/1994	Tỉnh Thanh Hóa	Da liễu	6.27	5.81		**12.08**	
211	65	04220649	PHẠM HUY QUÝ	Nam	12/02/1978	Tỉnh Hải Dương	Da liễu	6.44	5.44		**11.88**	
212	66	04220211	NGUYỄN VĂN TRUNG	Nam	04/11/1990	Tỉnh Hải Dương	Da liễu	6.92	4.90		**11.82**	

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm C.Ngành	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
213	67	04221634	LƯU THỊ NGÂN	Nữ	11/02/1985	Tỉnh Hòa Bình	Da liễu	6.29	5.50		**11.79**	
214	68	04220248	NGUYỄN THỊ KIM OANH	Nữ	05/10/1989	Tỉnh Phú Thọ	Da liễu	6.92	4.63		**11.55**	
215	69	04220801	VŨ CẨM THẢO TRANG	Nữ	01/03/1993	Tỉnh Thanh Hóa	Da liễu	5.94	5.56		**11.50**	
216	70	04221590	NGUYỄN THỊ LINH	Nữ	05/09/1987	Tỉnh Bắc Ninh	Da liễu	6.79	4.50		**11.29**	
217	71	04220500	DƯƠNG THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	23/12/1987	Tỉnh Cao Bằng	Da liễu	4.83	5.10	1.0	**10.93**	
218	72	04220902	TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	29/08/1992	Tỉnh Nam Định	Da liễu	5.08	5.67		**10.75**	
219	73	04220334	NGUYỄN THỊ QUYÊN	Nữ	17/03/1986	Tỉnh Hải Dương	Da liễu	5.04	5.56		**10.60**	
220	74	04220264	NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG	Nữ	25/06/1995	Tỉnh Lào Cai	Da liễu	5.88	4.52		**10.40**	
221	75	04221097	KHỔNG THỊ KIM DUNG	Nữ	02/11/1993	Tỉnh Hòa Bình	Da liễu	4.94	4.92		**9.86**	
222	76	04220762	QUÁCH THỊ THỦY	Nữ	02/06/1992	Tỉnh Hòa Bình	Da liễu	4.04	4.52	1.0	**9.56**	
223	77	04221708	PHẠM VĂN HÒA	Nam	10/03/1986	Tỉnh Hải Dương	Da liễu	4.88	4.67		**9.55**	
224	78	04220347	NGUYỄN PHI HUY	Nam	17/01/1994	Tỉnh Thanh Hóa	Da liễu	4.71	4.10		**8.81**	
225	79	04220457	LÊ VĂN MINH	Nam	28/09/1987	Tỉnh Lạng Sơn	Da liễu	0.00	0.00	1.0	**1.00**	Không thi
226	80	04220660	HOÀNG THỊ HƯỜNG	Nữ	15/02/1992	Tỉnh Phú Thọ	Da liễu	0.00	0.00		**0.00**	Không thi
227	81	04221875	LÊ THỊ KIỀU OANH	Nữ	22/05/1995	Tỉnh Nghệ An	Da liễu	0.00	0.00		**0.00**	Không thi
228	82	04221729	LÊ HỮU TÂM	Nam	19/09/1985	TP Hà Nội	Da liễu	0.00	0.00		**0.00**	Không thi
229	1	04220043	VŨ THỊ HỒNG	Nữ	04/04/1993	Tỉnh Nam Định	Dị ứng - MDLS	6.60	7.04		**13.64**	
230	1	04220465	NGUYỄN THỊ LOAN	Nữ	08/08/1989	TP Hải Phòng	Dinh dưỡng	6.75	7.02		**13.77**	
231	1	04220066	HÀ MINH ĐỨC	Nam	26/12/1993	Tỉnh Thái Nguyê	Gây mê hồi sức	8.42	8.79		**17.21**	
232	2	04220866	NGUYỄN TIẾN HOÀNG	Nam	29/06/1991	TP Hà Nội	Gây mê hồi sức	8.10	8.79		**16.89**	
233	3	04220842	LÊ TUẤN ANH	Nam	05/04/1995	Tỉnh Yên Bái	Gây mê hồi sức	8.02	7.85	1.0	**16.87**	
234	4	04220480	LÊ LAN PHƯƠNG	Nữ	30/09/1994	Tỉnh Lạng Sơn	Gây mê hồi sức	7.58	9.19		**16.77**	
235	5	04221630	ĐINH THỊ MAI LOAN	Nữ	29/09/1994	Tỉnh Yên Bái	Gây mê hồi sức	7.63	8.13	1.0	**16.76**	
236	6	04221672	NGÔ THỊ PHƯƠNG	Nữ	08/10/1994	Tỉnh Thái Bình	Gây mê hồi sức	8.31	8.44		**16.75**	
237	7	04220145	BÙI HẢI YẾN	Nữ	16/05/1993	Tỉnh Sơn La	Gây mê hồi sức	7.58	8.10	1.0	**16.68**	
238	8	04220544	NGUYỄN BÁ VĨNH	Nam	10/01/1994	Tỉnh Thanh Hóa	Gây mê hồi sức	8.31	8.31		**16.62**	
239	9	04220815	BÙI VĂN TUYẾN	Nam	25/10/1992	Tỉnh Thái Nguyê	Gây mê hồi sức	8.04	8.54		**16.58**	

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm C.Ngành	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
240	10	04221387	LÊ THỊ MỸ TRANG	Nữ	12/02/1994	Tỉnh Hà Tĩnh	Gây mê hồi sức	8.25	8.29		**16.54**	
241	11	04220473	NGUYỄN ĐÌNH KỶ	Nam	05/05/1992	Tỉnh Nghệ An	Gây mê hồi sức	7.96	8.46		**16.42**	
242	12	04220068	TRẦN NGÔ MINH ĐỨC	Nam	23/07/1993	Tỉnh Tuyên Quan	Gây mê hồi sức	7.29	7.94	1.0	**16.23**	
243	13	04220483	NGÔ XUÂN NGHĨA	Nam	15/03/1991	Tỉnh Hải Dương	Gây mê hồi sức	7.73	8.44		**16.17**	
244	14	04221100	PHẠM THỊ KIM NGÂN	Nữ	16/04/1994	TP Hà Nội	Gây mê hồi sức	8.33	7.79		**16.12**	
245	15	04221502	PHAN THỊ NGỌC ANH	Nữ	03/09/1995	Tỉnh Nghệ An	Gây mê hồi sức	7.92	8.06		**15.98**	
246	16	04220182	NGUYỄN VĂN HÙNG	Nam	12/10/1988	Tỉnh Hà Giang	Gây mê hồi sức	7.81	7.17	1.0	**15.98**	
247	17	04220361	NGUYỄN DUY KHÁNH	Nam	08/02/1993	Tỉnh Thanh Hóa	Gây mê hồi sức	7.50	7.42	1.0	**15.92**	
248	18	04221505	TRẦN ĐÌNH ĐẠO	Nam	02/04/1992	Tỉnh Hà Tĩnh	Gây mê hồi sức	8.02	7.88		**15.90**	
249	19	04220023	NGUYỄN ĐẮC THỊNH	Nam	05/10/1988	Tỉnh Bắc Ninh	Gây mê hồi sức	7.92	7.96		**15.88**	
250	20	04220070	PHAN VĂN THẾ	Nam	13/05/1991	Tỉnh Nghệ An	Gây mê hồi sức	7.48	8.40		**15.88**	
251	21	04220665	PHẠM VĂN THỤY	Nam	26/07/1992	Tỉnh Thái Bình	Gây mê hồi sức	7.10	8.71		**15.81**	
252	22	04220116	DƯƠNG THẾ LỢI	Nam	08/09/1992	Tỉnh Hà Nam	Gây mê hồi sức	7.25	8.48		**15.73**	
253	23	04220922	NGUYỄN THỊ KIỀU NGÂN	Nữ	02/10/1993	TP Hà Nội	Gây mê hồi sức	7.33	8.33		**15.66**	
254	24	04221101	NGUYỄN THỊ HẢI BÌNH	Nữ	15/05/1993	Tỉnh Phú Thọ	Gây mê hồi sức	7.94	7.67		**15.61**	
255	25	04220673	NGUYỄN QUANG LỢI	Nam	22/09/1995	Tỉnh Hải Dương	Gây mê hồi sức	7.58	8.02		**15.60**	
256	26	04220756	PHAN MẠNH ĐÔNG	Nam	13/11/1994	Tỉnh Hưng Yên	Gây mê hồi sức	7.31	8.13		**15.44**	
257	27	04220273	NGUYỄN VĂN TIẾN	Nam	16/07/1993	Tỉnh Thanh Hóa	Gây mê hồi sức	7.08	8.33		**15.41**	
258	28	04221168	TỐNG NGỌC GIÁP	Nam	05/10/1988	Tỉnh Bắc Giang	Gây mê hồi sức	7.83	7.46		**15.29**	
259	29	04221455	TRƯƠNG MINH HOÀNG	Nam	18/05/1992	Tỉnh Thái Nguyê	Gây mê hồi sức	7.83	7.38		**15.21**	
260	30	04220185	BÙI CÔNG ĐỊNH	Nam	23/09/1992	Tỉnh Thanh Hóa	Gây mê hồi sức	7.81	7.40		**15.21**	
261	31	04220319	NÔNG KIM NGỌC	Nam	01/05/1993	Tỉnh Yên Bái	Gây mê hồi sức	6.44	7.77	1.0	**15.21**	
262	32	04220031	NGUYỄN THỊ OANH	Nữ	26/09/1994	Tỉnh Thanh Hóa	Gây mê hồi sức	6.98	8.10		**15.08**	
263	33	04220073	QUANG TUẤN ANH	Nam	01/10/1994	Tỉnh Nghệ An	Gây mê hồi sức	7.54	7.52		**15.06**	
264	34	04221677	PHẠM QUANG CHIẾN	Nam	17/10/1990	Tỉnh Hà Giang	Gây mê hồi sức	6.90	7.13	1.0	**15.03**	
265	35	04220760	VŨ THIÊN PHƯỢNG	Nữ	24/04/1995	TP Hải Phòng	Gây mê hồi sức	7.38	7.60		**14.98**	
266	36	04221798	NGUYỄN KHÁNH LY	Nữ	06/11/1993	Tỉnh Phú Thọ	Gây mê hồi sức	7.29	7.60		**14.89**	

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm C.Ngành	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
267	37	04221302	HOÀNG THỊ NGÁT	Nữ	22/10/1991	Tỉnh Bắc Giang	Gây mê hồi sức	7.50	7.38		**14.88**	
268	38	04220973	ĐÀM VĂN DU	Nam	13/06/1991	Tỉnh Bắc Ninh	Gây mê hồi sức	7.50	7.23		**14.73**	
269	39	04220956	LÝ CHÍ HÙNG	Nam	04/02/1992	Tỉnh Bắc Giang	Gây mê hồi sức	7.54	7.15		**14.69**	
270	40	04221301	NGUYỄN TUẤN ANH	Nam	25/01/1995	Tỉnh Nghệ An	Gây mê hồi sức	6.98	7.69		**14.67**	
271	41	04220459	PHẠM QUỐC THÀNH	Nam	09/11/1986	Tỉnh Sơn La	Gây mê hồi sức	6.52	7.10	1.0	**14.62**	
272	42	04220629	NGÔ VĂN THỔ	Nam	23/06/1990	TP Hà Nội	Gây mê hồi sức	7.13	7.33		**14.46**	
273	43	04221220	PHẠM QUANG BA	Nam	12/06/1991	Tỉnh Thanh Hóa	Gây mê hồi sức	7.40	6.98		**14.38**	
274	44	04220010	PHẠM VĂN CHIẾN	Nam	02/09/1990	Tỉnh Thanh Hóa	Gây mê hồi sức	6.98	6.38	1.0	**14.36**	
275	45	04220853	NGUYỄN XUÂN ĐIỆP	Nam	30/03/1991	Tỉnh Thái Bình	Gây mê hồi sức	7.23	7.10		**14.33**	
276	46	04220824	NGUYỄN THỊ THẢO	Nữ	02/07/1994	Tỉnh Hưng Yên	Gây mê hồi sức	6.83	7.50		**14.33**	
277	47	04220125	TRẦN NGUYỄN NHẬT	Nam	20/07/1984	Tỉnh Nam Định	Gây mê hồi sức	7.46	6.77		**14.23**	
278	48	04220440	TRẦN VĂN PHÚC	Nam	14/09/1988	Tỉnh Thái Bình	Gây mê hồi sức	6.81	7.29		**14.10**	
279	49	04220614	HỒ TRỌNG HIẾU	Nam	30/04/1993	Tỉnh Nghệ An	Gây mê hồi sức	6.71	7.38		**14.09**	
280	50	04220678	VŨ MẠNH CƯỜNG	Nam	17/11/1990	TP Hà Nội	Gây mê hồi sức	6.48	7.56		**14.04**	
281	51	04221515	NGUYỄN VĂN BAN	Nam	17/03/1992	Tỉnh Nghệ An	Gây mê hồi sức	7.17	6.85		**14.02**	
282	52	04220918	BÙI VĂN LƯỢNG	Nam	03/07/1994	Tỉnh Tuyên Quan	Gây mê hồi sức	7.21	6.58		**13.79**	
283	53	04221248	HOÀNG THỊ THU THẢO	Nữ	06/03/1995	Tỉnh Thanh Hóa	Gây mê hồi sức	7.60	6.15		**13.75**	
284	54	04220077	MAI HÙNG ĐỨC	Nam	15/04/1989	Tỉnh Phú Thọ	Gây mê hồi sức	6.79	6.96		**13.75**	
285	55	04221058	PHẠM THỊ THU	Nữ	10/12/1994	Tỉnh Quảng Ninh	Gây mê hồi sức	6.69	7.08		**13.77**	
286	56	04220793	HOÀNG HẢI VÂN	Nữ	20/12/1994	TP Hà Nội	Gây mê hồi sức	6.48	7.29		**13.77**	
287	57	04220244	NGUYỄN VĂN HIỀN	Nam	09/01/1991	Tỉnh Bắc Giang	Gây mê hồi sức	6.90	6.81		**13.71**	
288	58	04221469	ĐỖ VĂN KHUÊ	Nam	25/04/1991	Tỉnh Hưng Yên	Gây mê hồi sức	6.65	6.83		**13.48**	
289	59	04221224	PHẠM VĂN KHÁNH	Nam	03/11/1991	Tỉnh Thanh Hóa	Gây mê hồi sức	6.65	6.79		**13.44**	
290	60	04221509	TĂNG THỊ THU	Nữ	22/02/1993	Tỉnh Hải Dương	Gây mê hồi sức	7.08	6.35		**13.43**	
291	61	04220719	NGUYỄN THỊ THUỲ DƯƠNG	Nữ	23/08/1993	Tỉnh Phú Thọ	Gây mê hồi sức	7.60	5.71		**13.31**	
292	62	04221161	NGUYỄN THỊ HẰNG	Nữ	27/02/1992	Tỉnh Vĩnh Phúc	Gây mê hồi sức	6.48	6.75		**13.23**	
293	63	04220774	PHẠM ANH DUY	Nam	28/10/1993	Tỉnh Quảng Ninh	Gây mê hồi sức	6.10	6.92		**13.02**	

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm C.Ngành	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
294	64	04220934	TRỊNH ĐÌNH QUYẾT	Nam	27/06/1989	TP Hà Nội	Gây mê hồi sức	5.63	7.25		**12.88**	
295	65	04220126	THÂN VĂN TRƯỜNG	Nam	20/02/1992	Tỉnh Bắc Giang	Gây mê hồi sức	7.08	5.60		**12.68**	
296	66	04220946	VŨ DUY HƯNG	Nam	19/08/1987	Tỉnh Yên Bái	Gây mê hồi sức	6.44	5.02	1.0	**12.46**	
297	67	04221818	LÊ MINH LƯƠNG	Nam	10/08/1986	Tỉnh Nghệ An	Gây mê hồi sức	6.50	5.90		**12.40**	
298	68	04220448	TRẦN THỊ NỤ	Nữ	20/04/1990	TP Hà Nội	Gây mê hồi sức	6.29	5.94		**12.23**	
299	69	04220694	TRẦN VĂN NGHĨA	Nam	17/05/1981	Tỉnh Tuyên Quan	Gây mê hồi sức	5.65	5.15	1.0	**11.80**	
300	70	04220602	TRẦN TUẤN ANH	Nam	10/04/1987	Tỉnh Ninh Bình	Gây mê hồi sức	5.52	6.23		**11.75**	
301	71	04220909	VÕ THỊ THANH XUÂN	Nữ	30/10/1992	Tỉnh Nghệ An	Gây mê hồi sức	5.31	6.33		**11.64**	
302	72	04220304	LƯU THỊ NHƯ NGỌC	Nữ	19/11/1992	TP Hải Phòng	Gây mê hồi sức	5.27	5.94		**11.21**	
303	73	04221694	BÙI ĐỨC MẠNH	Nam	11/03/1992	Tỉnh Lạng Sơn	Gây mê hồi sức	6.23	4.92		**11.15**	
304	74	04221017	DƯƠNG THUỲ LINH	Nữ	28/08/1991	Tỉnh Thái Nguyê	Gây mê hồi sức	5.94	5.15		**11.09**	
305	75	04220647	NGUYỄN VĂN ÁNH	Nam	30/08/1972	TP Hà Nội	Gây mê hồi sức	5.79	5.15		**10.94**	
306	76	04220462	LÊ THỊ MẬN	Nữ	28/03/1987	Tỉnh Vĩnh Phúc	Gây mê hồi sức	5.50	5.35		**10.85**	
307	77	04221845	NGUYỄN VĂN HƯNG	Nam	15/03/1987	Tỉnh Vĩnh Phúc	Gây mê hồi sức	5.33	5.04		**10.37**	
308	78	04221159	NGUYỄN TỨ SƠN	Nam	28/08/1981	Tỉnh Lai Châu	Gây mê hồi sức	4.31	4.29	1.0	**9.60**	
309	79	04220578	HỒ THỊ HOÀI	Nữ	04/04/1995	Tỉnh Nghệ An	Gây mê hồi sức	4.15	5.15		**9.30**	
310	80	04220593	NGUYỄN ANH TIẾN	Nam	29/01/1982	Tỉnh Lai Châu	Gây mê hồi sức	3.02	5.25	1.0	**9.27**	
311	81	04220741	LÊ THỊ MINH	Nữ	06/10/1981	Tỉnh Thanh Hóa	Gây mê hồi sức	4.81	4.40		**9.21**	
312	82	04221623	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	Nữ	01/08/1990	Tỉnh Thanh Hóa	Gây mê hồi sức	4.27	3.79		**8.06**	
313	83	04220274	NGUYỄN TUẤN PHƯƠNG	Nam	27/05/1987	Tỉnh Tuyên Quan	Gây mê hồi sức	3.63	3.42	1.0	**8.05**	
314	84	04220786	TRẦN DUY KHÁNH	Nam	13/11/1988	Tỉnh Sơn La	Gây mê hồi sức	4.02	3.94		**7.96**	
315	85	04220437	TRIỆU THỊ LAI	Nữ	18/08/1983	Tỉnh Lai Châu	Gây mê hồi sức	0.00	0.00	1.0	**1.00**	Không thi
316	86	04221204	TRẦN ANH PHƯƠNG	Nam	22/12/1985	Tỉnh Hòa Bình	Gây mê hồi sức	0.00	0.00	1.0	**1.00**	Không thi
317	87	04221785	NGUYỄN TRUNG KIÊN	Nam	01/05/1995	Tỉnh Nghệ An	Gây mê hồi sức	0.00	0.00		**0.00**	Không thi
318	88	04220627	TẠ ĐÌNH MINH	Nam	10/07/1990	Tỉnh Nghệ An	Gây mê hồi sức	0.00	0.00		**0.00**	Không thi
319	1	04220488	PHAN THỊ THANH HÀ	Nữ	03/02/1991	Tỉnh Ninh Bình	Giải phẫu bệnh	9.48	9.29		**18.77**	
320	2	04220103	TRẦN THỊ DIỆU HUYỀN	Nữ	24/11/1992	Tỉnh Quảng Trị	Giải phẫu bệnh	9.27	9.06		**18.33**	

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm C.Ngành	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
321	3	04221361	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	10/08/1994	Tỉnh Nghệ An	Giải phẫu bệnh	9.13	9.08		**18.21**	
322	4	04221024	ĐINH PHƯƠNG LAN	Nữ	20/11/1991	Tỉnh Ninh Bình	Giải phẫu bệnh	9.29	7.73	1.0	**18.02**	
323	5	04221313	NGÔ ANH THẮNG	Nam	28/02/1990	Tỉnh Thanh Hóa	Giải phẫu bệnh	9.23	8.56		**17.79**	
324	6	04221571	HOÀNG THỊ THƠM	Nữ	04/04/1993	Tỉnh Vĩnh Phúc	Giải phẫu bệnh	8.90	7.52	1.0	**17.42**	
325	7	04221292	LẠI QUỲNH ANH	Nữ	06/12/1995	Tỉnh Bắc Giang	Giải phẫu bệnh	9.23	8.08		**17.31**	
326	8	04221575	NGUYỄN THỊ NGÂN	Nữ	26/09/1992	Tỉnh Thanh Hóa	Giải phẫu bệnh	8.90	7.52		**16.42**	
327	9	04221698	NGUYỄN THỊ HƯỜNG	Nữ	01/04/1993	TP Hà Nội	Giải phẫu bệnh	9.21	7.06		**16.27**	
328	10	04220018	PHÙNG THỊ LIÊN	Nữ	26/08/1987	Tỉnh Bắc Kạn	Giải phẫu bệnh	8.44	7.63		**16.07**	
329	11	04221020	ĐỖ THỊ THU	Nữ	27/12/1981	Tỉnh Vĩnh Phúc	Giải phẫu bệnh	8.96	6.63		**15.59**	
330	12	04220545	TRẦN THỊ HÀ	Nữ	13/07/1992	Tỉnh Thái Bình	Giải phẫu bệnh	8.31	7.10		**15.41**	
331	13	04220056	TRƯƠNG THỊ NGUYỆT	Nữ	10/10/1993	Tỉnh Hà Tĩnh	Giải phẫu bệnh	8.15	7.08		**15.23**	
332	14	04220975	BÙI VĂN CƯƠNG	Nam	01/10/1993	Tỉnh Nghệ An	Giải phẫu bệnh	9.02	6.15		**15.17**	
333	15	04221037	LÊ TUẤN ANH	Nam	27/07/1986	TP Hà Nội	Giải phẫu bệnh	7.69	6.83		**14.52**	
334	16	04220061	TRỊNH THỊ TRANG	Nữ	01/01/1992	Tỉnh Thanh Hóa	Giải phẫu bệnh	8.06	5.48		**13.54**	
335	17	04221880	NGÔ THẾ CƯỜNG	Nam	11/11/1994	TP Hà Nội	Giải phẫu bệnh	7.00	5.67		**12.67**	
336	18	04220601	PHẠM THANH NGA	Nữ	24/12/1984	TP Hà Nội	Giải phẫu bệnh	5.17	3.63		**8.80**	
337	1	04221261	TRẦN THỊ THỦY	Nữ	14/11/1993	Tỉnh Yên Bái	Hóa sinh Y học	7.19	6.88	1.0	**15.07**	
338	2	04221123	ĐINH THỊ PHƯƠNG BẢO	Nữ	14/11/1994	Tỉnh Cao Bằng	Hóa sinh Y học	7.85	6.81		**14.66**	
339	3	04221491	NGUYỄN THỊ HƯƠNG QUỲNH	Nữ	05/10/1994	Tỉnh Vĩnh Phúc	Hóa sinh Y học	7.31	6.29	1.0	**14.60**	
340	4	04221382	HOÀNG THỊ KIM LIÊN	Nữ	02/07/1991	Tỉnh Lào Cai	Hóa sinh Y học	6.10	5.04	1.0	**12.14**	
341	5	04221592	LÒ THỊ TÚ NGỌC	Nữ	29/01/1990	Tỉnh Lai Châu	Hóa sinh Y học	3.92	4.73	1.0	**9.65**	
342	6	04220489	PHẠM PHƯƠNG ANH	Nữ	19/04/1991	TP Hà Nội	Hóa sinh Y học	4.69	4.85		**9.54**	
343	7	04221903	NGUYỄN ĐỨC ĐẠT	Nam	22/10/1987	Tỉnh Yên Bái	Hóa sinh Y học	3.69	3.63	1.0	**8.32**	
344	8	04221723	NGUYỄN THỊ NGỌC TÚ	Nữ	17/07/1989	Tỉnh Sơn La	Hóa sinh Y học	3.10	5.06		**8.16**	
345	9	04221809	BÙI THỊ TRÂM	Nữ	05/07/1990	Tỉnh Thanh Hóa	Hóa sinh Y học	0.00	0.00	1.0	**1.00**	Không thi
346	1	04220284	ĐẶNG XUÂN THÀNH	Nam	21/02/1992	Tỉnh Ninh Bình	Hồi sức cấp cứu	8.94	8.40	1.0	**18.34**	
347	2	04220794	NGUYỄN THỊ MINH	Nữ	22/04/1993	Tỉnh Phú Thọ	Hồi sức cấp cứu	8.02	9.17	1.0	**18.19**	

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm C.Ngành	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
348	3	04220999	LÊ DOANH TÂM	Nam	07/11/1993	Tỉnh Thanh Hóa	Hồi sức cấp cứu	8.85	8.94		**17.79**	
349	4	04221464	NGUYỄN TẤN DƯƠNG	Nam	25/04/1995	Tỉnh Quảng Ngãi	Hồi sức cấp cứu	8.42	9.02		**17.44**	
350	5	04220157	CÀ VĂN KIÊN	Nam	10/07/1989	Tỉnh Sơn La	Hồi sức cấp cứu	7.77	8.40	1.0	**17.17**	
351	6	04220743	VŨ MINH NGHĨA	Nam	19/10/1995	Tỉnh Lai Châu	Hồi sức cấp cứu	7.56	8.60	1.0	**17.16**	
352	7	04220214	THIỀU THỊ THỦY	Nữ	21/08/1991	Tỉnh Thanh Hóa	Hồi sức cấp cứu	8.13	9.02		**17.15**	
353	8	04220669	PHẠM THỊ LINH NHÂM	Nữ	01/01/1994	Tỉnh Ninh Bình	Hồi sức cấp cứu	8.15	8.88		**17.03**	
354	9	04220767	NGUYỄN THỊ DUYÊN	Nữ	19/09/1993	Tỉnh Thái Bình	Hồi sức cấp cứu	8.79	8.19		**16.98**	
355	10	04221211	NGUYỄN SỸ HOÀNG	Nam	01/08/1991	Tỉnh Nghệ An	Hồi sức cấp cứu	8.40	8.38		**16.78**	
356	11	04220963	ĐOÀN THỊ THỦY	Nữ	09/10/1995	Tỉnh Nam Định	Hồi sức cấp cứu	7.75	8.92		**16.67**	
357	12	04221485	DƯƠNG TUẤN MINH	Nam	20/10/1992	Tỉnh Lạng Sơn	Hồi sức cấp cứu	7.77	7.88	1.0	**16.65**	
358	13	04220112	PHẠM THANH TÙNG	Nam	16/01/1990	Tỉnh Quảng Ninh	Hồi sức cấp cứu	8.08	8.56		**16.64**	
359	14	04221199	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	Nam	02/12/1994	Tỉnh Nam Định	Hồi sức cấp cứu	8.23	8.33		**16.56**	
360	15	04221195	HỨA THỊ THẮM	Nữ	22/04/1993	Tỉnh Yên Bái	Hồi sức cấp cứu	7.94	7.60	1.0	**16.54**	
361	16	04220782	VŨ TRỌNG BÌNH	Nam	11/07/1991	Tỉnh Hà Giang	Hồi sức cấp cứu	7.48	8.06	1.0	**16.54**	
362	17	04220620	ĐỖ KHÁNH HÀ	Nam	20/03/1994	Tỉnh Nam Định	Hồi sức cấp cứu	8.19	8.31		**16.50**	
363	18	04220084	DƯƠNG CÔNG HOÀN	Nam	10/12/1993	Tỉnh Nghệ An	Hồi sức cấp cứu	8.06	8.38		**16.44**	
364	19	04221353	HOÀNG THỊ THUẬN	Nữ	23/02/1994	Tỉnh Yên Bái	Hồi sức cấp cứu	6.85	8.58	1.0	**16.43**	
365	20	04221068	NGUYỄN VĂN PHÁI	Nam	20/04/1995	Tỉnh Nam Định	Hồi sức cấp cứu	8.02	8.40		**16.42**	
366	21	04220985	LÊ TIẾN VIỆN	Nam	27/03/1992	Tỉnh Nghệ An	Hồi sức cấp cứu	7.75	8.65		**16.40**	
367	22	04221280	NGUYỄN THỊ ANH THƠ	Nữ	29/09/1996	Tỉnh Nam Định	Hồi sức cấp cứu	8.00	8.29		**16.29**	
368	23	04220351	LÊ VĂN BÌNH	Nam	26/08/1985	TP Hà Nội	Hồi sức cấp cứu	7.90	8.38		**16.28**	
369	24	04221348	HOÀNG MINH HUY	Nam	17/08/1992	Tỉnh Quảng Bình	Hồi sức cấp cứu	7.69	8.52		**16.21**	
370	25	04220531	LÊ XUÂN HỢP	Nam	19/12/1994	Tỉnh Nghệ An	Hồi sức cấp cứu	8.69	7.46		**16.15**	
371	26	04220982	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	Nam	26/02/1985	Tỉnh Thanh Hóa	Hồi sức cấp cứu	7.96	8.19		**16.15**	
372	27	04221397	NÔNG QUỐC THIÊN	Nam	10/09/1994	Tỉnh Lạng Sơn	Hồi sức cấp cứu	7.02	8.10	1.0	**16.12**	
373	28	04220155	NGUYỄN NGỌC LỢI	Nam	09/12/1991	Tỉnh Sơn La	Hồi sức cấp cứu	7.58	7.48	1.0	**16.06**	
374	29	04220830	QUÁCH HỮU QUYẾT	Nam	06/09/1994	Tỉnh Nghệ An	Hồi sức cấp cứu	8.46	7.56		**16.02**	

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm C.Ngành	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
375	30	04220052	NGUYỄN THỊ THU THỦY	Nữ	19/04/1992	Tỉnh Thanh Hóa	Hồi sức cấp cứu	7.15	7.83	1.0	**15.98**	
376	31	04220272	NGUYỄN DUY LONG	Nam	29/04/1993	Tỉnh Phú Thọ	Hồi sức cấp cứu	7.42	7.54	1.0	**15.96**	
377	32	04221479	NGUYỄN ĐÌNH HOÀNG	Nam	10/12/1994	Tỉnh Hà Tĩnh	Hồi sức cấp cứu	7.48	8.46		**15.94**	
378	33	04221720	LĂNG KHẮC CƯỜNG	Nam	01/08/1993	Tỉnh Nghệ An	Hồi sức cấp cứu	7.38	8.52		**15.90**	
379	34	04220344	NGUYỄN THỊ THUẦN	Nữ	16/03/1992	TP Hà Nội	Hồi sức cấp cứu	8.06	7.83		**15.89**	
380	35	04220315	LÊ NGỌC THANH	Nam	03/02/1988	Tỉnh Thanh Hóa	Hồi sức cấp cứu	7.31	7.56	1.0	**15.87**	
381	36	04220978	PHẠM THỊ TÂN	Nữ	27/05/1990	Tỉnh Lai Châu	Hồi sức cấp cứu	7.02	7.81	1.0	**15.83**	
382	37	04221632	NGUYỄN VĂN KHỞI	Nam	01/10/1992	Tỉnh Thái Bình	Hồi sức cấp cứu	7.40	8.42		**15.82**	
383	38	04220208	NGUYỄN VĂN THÁI	Nam	20/12/1993	Tỉnh Thanh Hóa	Hồi sức cấp cứu	6.85	7.92	1.0	**15.77**	
384	39	04220100	NGUYỄN HỒNG HẠNH	Nam	06/10/1991	Tỉnh Thái Bình	Hồi sức cấp cứu	6.98	8.75		**15.73**	
385	40	04221320	NGUYỄN ĐỨC BẰNG	Nam	26/09/1992	Tỉnh Quảng Ninh	Hồi sức cấp cứu	7.63	8.06		**15.69**	
386	41	04220069	HOÀNG THỊ HOÀI THƯƠNG	Nữ	24/02/1991	Tỉnh Cao Bằng	Hồi sức cấp cứu	6.92	7.75	1.0	**15.67**	
387	42	04221646	NGUYỄN HOÀNG NAM	Nam	28/11/1993	Tỉnh Quảng Ninh	Hồi sức cấp cứu	7.63	8.02		**15.65**	
388	43	04220153	VŨ VĂN HỢP	Nam	20/09/1993	Tỉnh Thái Bình	Hồi sức cấp cứu	7.17	8.46		**15.63**	
389	44	04221268	HOÀNG HUY LONG	Nam	19/06/1991	Tỉnh Thanh Hóa	Hồi sức cấp cứu	7.83	7.79		**15.62**	
390	45	04220661	QUÁCH VĂN THẢO	Nam	05/12/1991	TP Hà Nội	Hồi sức cấp cứu	7.42	8.15		**15.57**	
391	46	04221744	NGUYỄN VĂN TÚ	Nam	09/04/1993	Tỉnh Hải Dương	Hồi sức cấp cứu	8.17	7.33		**15.50**	
392	47	04220270	PHAN QUỐC MINH	Nam	25/05/1990	Tỉnh Hưng Yên	Hồi sức cấp cứu	7.56	7.90		**15.46**	
393	48	04221222	LỘC VĂN DỊ	Nam	08/03/1992	Tỉnh Bắc Ninh	Hồi sức cấp cứu	7.69	7.63		**15.32**	
394	49	04221855	NGUYỄN THỊ HUỆ	Nữ	13/11/1988	Tỉnh Thái Bình	Hồi sức cấp cứu	7.40	7.81		**15.21**	
395	50	04220161	NGUYỄN VĂN TÙNG	Nam	03/07/1990	TP Hà Nội	Hồi sức cấp cứu	7.56	7.63		**15.19**	
396	51	04221547	PHẠM VĂN TÂM	Nam	18/10/1992	Tỉnh Thanh Hóa	Hồi sức cấp cứu	7.98	7.17		**15.15**	
397	52	04221462	LÊ THỊ HÒA	Nữ	01/01/1993	Tỉnh Nghệ An	Hồi sức cấp cứu	7.63	7.44		**15.07**	
398	53	04221265	NGUYỄN XUÂN THỦY	Nam	25/05/1990	Tỉnh Phú Thọ	Hồi sức cấp cứu	6.79	7.23	1.0	**15.02**	
399	54	04220692	VŨ XUÂN HẢI	Nam	23/11/1983	TP Hải Phòng	Hồi sức cấp cứu	6.56	8.42		**14.98**	
400	55	04220076	LÒ VĂN NAM	Nam	20/06/1989	Tỉnh Điện Biên	Hồi sức cấp cứu	6.92	7.00	1.0	**14.92**	
401	56	04220684	TRƯƠNG VĂN QUÝ	Nam	14/01/1990	Tỉnh Hà Tĩnh	Hồi sức cấp cứu	7.73	7.17		**14.90**	

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm C.Ngành	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
402	57	04221344	TRẦN ĐÌNH THĂNG	Nam	02/04/1992	TP Hà Nội	Hồi sức cấp cứu	7.83	7.06		**14.89**	
403	58	04220784	NGUYỄN ĐỨC TOÀN	Nam	16/11/1989	Tỉnh Hà Tĩnh	Hồi sức cấp cứu	7.08	7.69		**14.77**	
404	59	04221171	LÊ VĂN NHÂM	Nam	02/07/1990	TP Hà Nội	Hồi sức cấp cứu	7.85	6.88		**14.73**	
405	60	04221229	HUỲNH DUY THỨC	Nam	01/07/1994	Tỉnh Đồng Nai	Hồi sức cấp cứu	7.42	7.31		**14.73**	
406	61	04220737	TRẦN ĐÌNH ÂN	Nam	07/10/1990	Tỉnh Nghệ An	Hồi sức cấp cứu	7.38	7.31		**14.69**	
407	62	04221864	NGUYỄN TIẾN DŨNG	Nam	09/03/1994	Tỉnh Phú Thọ	Hồi sức cấp cứu	7.46	7.17		**14.63**	
408	63	04221165	TẠ THỊ PHƯƠNG	Nữ	14/08/1993	TP Hà Nội	Hồi sức cấp cứu	7.90	6.71		**14.61**	
409	64	04220733	LƯƠNG THANH HẢI	Nam	15/01/1987	Tỉnh Lai Châu	Hồi sức cấp cứu	7.17	6.40	1.0	**14.57**	
410	65	04221549	NGUYỄN ĐỨC HẢI	Nam	20/04/1990	Tỉnh Ninh Bình	Hồi sức cấp cứu	6.48	7.06	1.0	**14.54**	
411	66	04221054	NGUYỄN THỊ THU HÀ	Nữ	20/09/1992	Tỉnh Phú Thọ	Hồi sức cấp cứu	6.46	7.06	1.0	**14.52**	
412	67	04221620	VŨ QUANG CHUNG	Nam	10/11/1993	Tỉnh Hưng Yên	Hồi sức cấp cứu	8.27	6.19		**14.46**	
413	68	04221760	PHAN VĂN DỰC	Nam	13/09/1994	Tỉnh Hà Giang	Hồi sức cấp cứu	7.06	6.40	1.0	**14.46**	
414	69	04220623	NGUYỄN VĂN ANH	Nam	04/10/1989	Tỉnh Bắc Ninh	Hồi sức cấp cứu	7.65	6.75		**14.40**	
415	70	04220732	VÀNG A MA	Nam	17/04/1989	Tỉnh Sơn La	Hồi sức cấp cứu	5.96	7.38	1.0	**14.34**	
416	71	04220974	PHẠM TÀI ANH	Nam	03/11/1984	Tỉnh Sơn La	Hồi sức cấp cứu	6.15	7.04	1.0	**14.19**	
417	72	04220173	KHỔNG QUANG HUY	Nam	30/01/1982	Tỉnh Phú Thọ	Hồi sức cấp cứu	6.88	7.27		**14.15**	
418	73	04220696	PHẠM THỊ HỒNG VÂN	Nữ	28/09/1992	Tỉnh Ninh Bình	Hồi sức cấp cứu	7.00	6.08	1.0	**14.08**	
419	74	04221633	NGUYỄN HỮU THẠCH	Nam	23/10/1983	Tỉnh Hà Tĩnh	Hồi sức cấp cứu	7.75	6.31		**14.06**	
420	75	04221435	HỒ THỊ NGA	Nữ	02/03/1995	Tỉnh Nghệ An	Hồi sức cấp cứu	6.85	7.21		**14.06**	
421	76	04220096	PHẠM THANH TÙNG	Nam	23/09/1987	Tỉnh Quảng Ninh	Hồi sức cấp cứu	7.35	6.63		**13.98**	
422	77	04221933	HOÀNG THỊ QUYÊN	Nữ	30/11/1988	Tỉnh Bắc Kạn	Hồi sức cấp cứu	6.48	6.40	1.0	**13.88**	
423	78	04220517	NGUYỄN KẾ NGHIỆP	Nam	09/06/1993	Tỉnh Nam Định	Hồi sức cấp cứu	6.92	6.90		**13.82**	
424	79	04220566	NGUYỄN TÚ CHINH	Nữ	20/07/1994	Tỉnh Thái Bình	Hồi sức cấp cứu	6.96	6.63		**13.59**	
425	80	04221105	TRẦN VĂN TÚ	Nam	15/10/1993	Tỉnh Nghệ An	Hồi sức cấp cứu	6.75	6.65		**13.40**	
426	81	04220542	PHẠM TUẤN LỰC	Nam	02/06/1990	Tỉnh Hà Nam	Hồi sức cấp cứu	6.79	6.48		**13.27**	
427	82	04220309	BÙI ANH DŨNG	Nam	13/03/1993	Tỉnh Nghệ An	Hồi sức cấp cứu	6.69	6.58		**13.27**	
428	83	04220438	LÊ THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	30/06/1988	TP Hà Nội	Hồi sức cấp cứu	6.35	6.65		**13.00**	

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm C.Ngành	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
429	84	04220456	TRIỆU THỊ HIẾU	Nữ	07/07/1990	Tỉnh Bắc Kạn	Hồi sức cấp cứu	5.48	6.46	1.0	**12.94**	
430	85	04220256	NGUYỄN TRUNG ĐỨC	Nam	23/07/1991	Tỉnh Bắc Giang	Hồi sức cấp cứu	7.98	4.92		**12.90**	
431	86	04221258	LÒ QUANG VINH	Nam	31/10/1991	Tỉnh Sơn La	Hồi sức cấp cứu	5.38	6.40	1.0	**12.78**	
432	87	04221239	TẠ THỊ TUYẾT MAI	Nữ	26/04/1992	Tỉnh Yên Bái	Hồi sức cấp cứu	6.60	5.17	1.0	**12.77**	
433	88	04220035	PHẠM NGỌC SƠN	Nam	08/08/1987	Tỉnh Bắc Giang	Hồi sức cấp cứu	6.23	6.48		**12.71**	
434	89	04221065	VĂN CHUẨN	Nam	19/10/1995	Tỉnh Quảng Trị	Hồi sức cấp cứu	5.92	6.79		**12.71**	
435	90	04221311	LÂM THỊ HÀ	Nữ	14/03/1984	Tỉnh Quảng Ninh	Hồi sức cấp cứu	6.25	6.23		**12.48**	
436	91	04221901	NGUYỄN DUY THẮNG	Nam	08/12/1991	Tỉnh Hà Giang	Hồi sức cấp cứu	6.21	5.25	1.0	**12.46**	
437	92	04221030	NGUYỄN NGỌC HẢI	Nam	26/06/1988	Tỉnh Hà Giang	Hồi sức cấp cứu	6.23	5.02	1.0	**12.25**	
438	93	04221219	NGUYỄN CÔNG LƯỢNG	Nam	05/11/1987	TP Hải Phòng	Hồi sức cấp cứu	6.98	5.25		**12.23**	
439	94	04220113	PHẠM THỊ YẾN	Nữ	12/01/1989	Tỉnh Ninh Bình	Hồi sức cấp cứu	6.19	5.88		**12.07**	
440	95	04220953	PHẠM TUẤN VŨ	Nam	18/10/1992	Tỉnh Lào Cai	Hồi sức cấp cứu	6.06	4.94	1.0	**12.00**	
441	96	04221919	LƯƠNG THU NGÂN	Nữ	22/07/1990	Tỉnh Cao Bằng	Hồi sức cấp cứu	5.73	5.85		**11.58**	
442	97	04220286	CHU VĂN BẮC	Nam	28/06/1993	Tỉnh Nghệ An	Hồi sức cấp cứu	5.10	5.83		**10.93**	
443	98	04220050	PHAN THỊ NHẠN	Nữ	03/03/1989	Tỉnh Nam Định	Hồi sức cấp cứu	5.04	5.88		**10.92**	
444	99	04220731	PHAN MẠNH TRUNG	Nam	02/10/1993	Tỉnh Vĩnh Phúc	Hồi sức cấp cứu	5.25	4.81		**10.06**	
445	100	04220140	NGUYỄN VIẾT PHONG	Nam	24/10/1992	Tỉnh Thanh Hóa	Hồi sức cấp cứu	5.31	4.65		**9.96**	
446	101	04221295	NGUYỄN ANH DŨNG	Nam	30/10/1992	Tỉnh Hòa Bình	Hồi sức cấp cứu	4.69	4.23	1.0	**9.92**	
447	102	04221563	LƯƠNG THỊ THƠM	Nữ	20/08/1994	Tỉnh Hưng Yên	Hồi sức cấp cứu	6.17	3.65		**9.82**	
448	103	04221441	NGUYỄN THỊ TUYẾT	Nữ	20/01/1989	Tỉnh Thái Bình	Hồi sức cấp cứu	4.96	4.83		**9.79**	
449	104	04220415	PHU XÁ CÓ	Nam	22/01/1990	Tỉnh Lào Cai	Hồi sức cấp cứu	4.40	3.25	1.0	**8.65**	
450	105	04220833	TRẦN NGỌC NHẬT	Nam	10/05/1995	Tỉnh Nghệ An	Hồi sức cấp cứu	5.48	0.00		**5.48**	
451	106	04220959	CAO VĂN HIỀN	Nam	10/10/1990	Tỉnh Nghệ An	Hồi sức cấp cứu	1.40	0.00		**1.40**	
452	107	04220372	QUÁCH THÀNH LUÂN	Nam	06/05/1992	Tỉnh Hòa Bình	Hồi sức cấp cứu	0.00	0.00	1.0	**1.00**	Không thi
453	108	04221316	ĐINH CHÍ THIỆN	Nam	16/11/1986	Tỉnh Phú Thọ	Hồi sức cấp cứu	0.00	0.00	1.0	**1.00**	Không thi
454	109	04221868	TRẦN THỊ THU THẢO	Nữ	12/02/1994	TP Hà Nội	Hồi sức cấp cứu	0.00	0.00		**0.00**	Không thi
455	110	04221839	NGUYỄN VIỆT CƯỜNG	Nam	23/05/1994	TP Hà Nội	Hồi sức cấp cứu	0.00	0.00		**0.00**	Không thi

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm C.Ngành	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
456	111	04220811	TRẦN MẠNH HÙNG	Nam	10/07/1989	Tỉnh Thanh Hóa	Hồi sức cấp cứu	0.00	0.00		**0.00**	Không thi
457	112	04220942	VŨ ĐỨC NGỌC	Nam	09/06/1994	Tỉnh Hải Dương	Hồi sức cấp cứu	0.00	0.00		**0.00**	Không thi
458	113	04221246	HỒ NGỌC QUANG	Nam	02/06/1994	Tỉnh Nghệ An	Hồi sức cấp cứu	0.00	0.00		**0.00**	Không thi
459	114	04220323	NGUYỄN NHƯ TÚ	Nam	20/10/1991	Tỉnh Hải Dương	Hồi sức cấp cứu	0.00	0.00		**0.00**	Không thi
460	115	04220619	NGUYỄN QUỐC VĂN	Nam	15/01/1983	Tỉnh Hải Dương	Hồi sức cấp cứu	0.00	0.00		**0.00**	Không thi
461	1	04220550	BÙI NGỌC HOÀNG	Nam	04/05/1992	Tỉnh Quảng Trị	Huyết học - Truyền máu	8.15	8.63		**16.78**	
462	2	04220413	VŨ THỊ HIỀN	Nữ	24/02/1995	Tỉnh Yên Bái	Huyết học - Truyền máu	7.54	7.96	1.0	**16.50**	
463	3	04220391	HOÀNG THỊ HÀ ANH	Nữ	29/07/1989	Tỉnh Thái Bình	Huyết học - Truyền máu	8.56	7.46		**16.02**	
464	4	04221012	PHẠM THỊ NHUNG	Nữ	01/01/1986	Tỉnh Hải Dương	Huyết học - Truyền máu	8.29	7.63		**15.92**	
465	5	04220547	NGUYỄN THỊ CẨM THƠ	Nữ	25/09/1993	Tỉnh Nghệ An	Huyết học - Truyền máu	7.65	8.23		**15.88**	
466	6	04221129	TRẦN THỊ PHƯƠNG DUNG	Nữ	01/04/1993	Tỉnh Vĩnh Phúc	Huyết học - Truyền máu	7.98	7.73		**15.71**	
467	7	04220233	NGUYỄN PHƯƠNG HỒNG NGỌC	Nữ	08/05/1990	Tỉnh Yên Bái	Huyết học - Truyền máu	7.50	8.15		**15.65**	
468	8	04221183	TRẦN THỊ THU HUYỀN	Nữ	12/08/1993	Tỉnh Ninh Bình	Huyết học - Truyền máu	7.67	7.63		**15.30**	
469	9	04221935	ĐINH THỊ KIM LIÊN	Nữ	01/08/1987	TP Hà Nội	Huyết học - Truyền máu	7.98	7.21		**15.19**	
470	10	04221503	NGUYỄN DUY CHỨC	Nam	20/08/1992	TP Hà Nội	Huyết học - Truyền máu	7.81	7.10		**14.91**	
471	11	04221444	PHẠM QUỐC HỘI	Nam	29/06/1992	Tỉnh Nghệ An	Huyết học - Truyền máu	7.08	7.79		**14.87**	
472	12	04220441	NGUYỄN HỒNG HẢI	Nữ	29/07/1989	Tỉnh Hà Giang	Huyết học - Truyền máu	6.29	7.52	1.0	**14.81**	
473	13	04220333	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LAN	Nữ	29/01/1988	Tỉnh Nam Định	Huyết học - Truyền máu	7.44	7.15		**14.59**	
474	14	04221314	LƯƠNG HOÀI NAM	Nam	09/02/1986	TP Hà Nội	Huyết học - Truyền máu	8.29	6.19		**14.48**	
475	15	04220163	NGUYỄN THỊ THÚY	Nữ	06/04/1993	Tỉnh Thái Bình	Huyết học - Truyền máu	7.19	7.15		**14.34**	
476	16	04221649	NGUYỄN THỊ XUÂN	Nữ	05/03/1990	TP Hà Nội	Huyết học - Truyền máu	7.75	6.58		**14.33**	
477	17	04221408	NGUYỄN THỊ THU HÀ	Nữ	01/07/1991	Tỉnh Bắc Ninh	Huyết học - Truyền máu	7.13	7.15		**14.28**	
478	18	04220493	NGUYỄN THỊ HẢI	Nữ	09/05/1993	Tỉnh Nghệ An	Huyết học - Truyền máu	6.69	7.17		**13.86**	
479	19	04220976	NGUYỄN THỊ NGÁT	Nữ	07/09/1995	Tỉnh Thái Bình	Huyết học - Truyền máu	6.83	6.96		**13.79**	
480	20	04221059	BÀN THỊ DIN	Nữ	18/11/1994	Tỉnh Lào Cai	Huyết học - Truyền máu	5.98	6.31	1.0	**13.29**	
481	21	04221477	VŨ ĐÌNH HÙNG	Nam	05/09/1990	Tỉnh Thanh Hóa	Huyết học - Truyền máu	7.06	6.06		**13.12**	
482	22	04221073	LÊ THỊ THÙY DƯƠNG	Nữ	23/01/1987	Tỉnh Hưng Yên	Huyết học - Truyền máu	7.13	5.94		**13.07**	

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm C.Ngành	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
483	23	04221712	HOÀNG THỊ LAN PHƯƠNG	Nữ	10/11/1984	TP Hà Nội	Huyết học - Truyền máu	7.13	5.50		**12.63**	
484	24	04220429	PHẠM TRỌNG TUYỀN	Nam	07/10/1992	Tỉnh Hải Dương	Huyết học - Truyền máu	7.08	5.40		**12.48**	
485	25	04221848	PHẠM THỊ OANH	Nữ	21/05/1987	Tỉnh Vĩnh Phúc	Huyết học - Truyền máu	6.27	6.17		**12.44**	
486	26	04220646	LẠI QUỐC TUẤN	Nam	10/03/1988	Tỉnh Vĩnh Phúc	Huyết học - Truyền máu	5.69	6.75		**12.44**	
487	1	04220606	TRẦN VĂN CHUNG	Nam	25/07/1985	Tỉnh Yên Bái	Ký sinh trùng	6.15	4.08		**10.23**	
488	1	04220666	ĐỖ ĐÌNH XUÂN	Nam	22/06/1993	TP Hà Nội	Kỹ thuật y học CNXN	7.00	7.77		**14.77**	
489	2	04220655	NGUYỄN THỊ NHIÊN	Nữ	07/06/1989	Tỉnh Thái Bình	Kỹ thuật y học CNXN	7.56	7.19		**14.75**	
490	3	04220828	NGUYỄN THỊ VÂN	Nữ	24/06/1991	Tỉnh Nghệ An	Kỹ thuật y học CNXN	6.88	7.02		**13.90**	
491	4	04221631	BÙI THỊ TRÂM	Nữ	05/07/1990	Tỉnh Thanh Hóa	Kỹ thuật y học CNXN	6.02	5.58	1.0	**12.60**	
492	5	04221583	NGUYỄN THỊ QUÊ	Nữ	05/04/1989	Tỉnh Hà Giang	Kỹ thuật y học CNXN	5.81	4.92	1.0	**11.73**	
493	6	04221778	QUÁCH THỊ TÚ	Nữ	16/01/1992	Tỉnh Thanh Hóa	Kỹ thuật y học CNXN	5.52	4.46	1.0	**10.98**	
494	7	04220115	NGUYỄN ĐĂNG THÁI	Nam	19/09/1983	TP Hà Nội	Kỹ thuật y học CNXN	5.96	4.40		**10.36**	
495	8	04221120	TÔ ĐÌNH THI	Nam	26/03/1992	Tỉnh Nghệ An	Kỹ thuật y học CNXN	5.73	4.23		**9.96**	
496	9	04220296	PHÙNG VĂN PHÁP	Nam	19/05/1987	TP Hà Nội	Kỹ thuật y học CNXN	0.00	0.00		**0.00**	Không thi
497	1	04220416	PHẠM VĂN HIẾU	Nam	20/09/1992	Tỉnh Thái Bình	Lao và bệnh phổi	6.51	8.27		**14.78**	
498	2	04220995	TRẦN VĂN MẠNH	Nam	17/09/1994	Tỉnh Nam Định	Lao và bệnh phổi	6.87	6.79		**13.66**	
499	3	04221022	LÝ THỊ THƯƠNG	Nữ	18/03/1993	Tỉnh Thái Nguyê	Lao và bệnh phổi	6.41	6.94		**13.35**	
500	4	04220914	PHẠM BÁ THANH	Nam	25/01/1990	TP Hà Nội	Lao và bệnh phổi	6.32	6.19		**12.51**	
501	5	04221759	TRẦN THỊ THÚY	Nữ	28/03/1992	Tỉnh Nam Định	Lao và bệnh phổi	6.32	5.40		**11.72**	
502	6	04220104	NÔNG THỊ LIÊN	Nữ	29/12/1985	Tỉnh Hà Giang	Lao và bệnh phổi	4.10	3.44	1.0	**8.54**	
503	1	04221126	TRẦN DIỆU THUỲ	Nữ	20/10/1993	Tỉnh Lào Cai	Nội khoa	7.60	8.71	1.0	**17.31**	
504	2	04220449	LƯU QUANG ĐẠT	Nam	07/07/1993	Tỉnh Hà Giang	Nội khoa	7.81	8.42	1.0	**17.23**	
505	3	04220294	PHẠM QUANG HUÂN	Nam	14/03/1994	Tỉnh Nam Định	Nội khoa	7.69	8.92		**16.61**	
506	4	04220142	PHẠM THỊ THIÊN LÝ	Nữ	24/12/1994	Tỉnh Thanh Hóa	Nội khoa	8.19	8.10		**16.29**	
507	5	04220716	NGUYỄN THỊ HUỆ	Nữ	22/07/1991	Tỉnh Sơn La	Nội khoa	6.67	8.58	1.0	**16.25**	
508	6	04221297	VŨ THỊ HÀ	Nữ	17/07/1992	TP Hải Phòng	Nội khoa	7.63	8.46		**16.09**	
509	7	04220735	ĐÀO THỊ HƯƠNG	Nữ	01/04/1992	Tỉnh Thanh Hóa	Nội khoa	6.79	9.19		**15.98**	

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm C.Ngành	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
510	8	04220777	LÊ THỊ TỈNH	Nữ	25/12/1990	Tỉnh Thanh Hóa	Nội khoa	6.71	8.21	1.0	**15.92**	
511	9	04220206	NGUYỄN THỊ HUỆ	Nữ	20/04/1993	Tỉnh Nam Định	Nội khoa	6.94	8.94		**15.88**	
512	10	04221863	LÊ THỊ HỒNG HẠNH	Nữ	23/09/1994	Tỉnh Hà Nam	Nội khoa	7.60	8.27		**15.87**	
513	11	04221766	TRẦN THU HẰNG	Nữ	05/10/1993	Tỉnh Nghệ An	Nội khoa	7.42	8.42		**15.84**	
514	12	04220371	ĐINH THỊ HẰNG	Nữ	17/04/1993	Tỉnh Ninh Bình	Nội khoa	7.46	8.35		**15.81**	
515	13	04221445	NGUYỄN THỊ THANH	Nữ	20/12/1987	TP Hà Nội	Nội khoa	7.08	8.71		**15.79**	
516	14	04220219	TRỊNH THỊ THU HIỀN	Nữ	07/08/1992	Tỉnh Bắc Giang	Nội khoa	7.50	8.27		**15.77**	
517	15	04221685	NGUYỄN ĐÌNH KÍNH	Nam	20/03/1993	Tỉnh Thanh Hóa	Nội khoa	7.29	8.42		**15.71**	
518	16	04220038	NGUYỄN DUY SƠN	Nam	20/08/1990	Tỉnh Bắc Ninh	Nội khoa	7.85	7.85		**15.70**	
519	17	04221522	TRIỆU THỊ THÚY	Nữ	23/11/1989	Tỉnh Cao Bằng	Nội khoa	6.85	7.85	1.0	**15.70**	
520	18	04220329	NGUYỄN THU THỦY	Nữ	18/10/1994	Tỉnh Ninh Bình	Nội khoa	7.27	8.35		**15.62**	
521	19	04220102	NGUYỄN ĐÌNH ĐỨC	Nam	29/06/1995	Tỉnh Nghệ An	Nội khoa	7.50	8.10		**15.60**	
522	20	04221070	TRẦN THỊ HỒNG	Nữ	14/02/1993	Tỉnh Nghệ An	Nội khoa	7.67	7.90		**15.57**	
523	21	04220119	NGUYỄN HOÀNG	Nam	31/07/1992	Tỉnh Thái Bình	Nội khoa	7.35	8.17		**15.52**	
524	22	04220911	BÙI VĂN DŨNG	Nam	06/10/1994	Tỉnh Thanh Hóa	Nội khoa	7.65	7.83		**15.48**	
525	23	04220901	HỒ THỊ NGÂN HÀ	Nữ	25/04/1991	Tỉnh Nghệ An	Nội khoa	7.63	7.85		**15.48**	
526	24	04221430	NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH	Nữ	10/11/1989	TP Hà Nội	Nội khoa	6.79	8.69		**15.48**	
527	25	04221015	NGUYỄN THÀNH LUÂN	Nam	05/02/1985	Tỉnh Thanh Hóa	Nội khoa	6.90	8.56		**15.46**	
528	26	04221476	LÊ ĐÌNH MẠNH	Nam	09/05/1991	Tỉnh Thanh Hóa	Nội khoa	6.94	8.48		**15.42**	
529	27	04220201	ĐÀO THỊ LƯU LY	Nữ	23/01/1993	Tỉnh Ninh Bình	Nội khoa	7.60	7.79		**15.39**	
530	28	04221116	PHAN THỊ PHƯƠNG	Nữ	26/05/1994	Tỉnh Hưng Yên	Nội khoa	7.15	8.23		**15.38**	
531	29	04220177	NGUYỄN VIỆT SƠN	Nam	27/06/1992	Tỉnh Vĩnh Phúc	Nội khoa	7.15	8.23		**15.38**	
532	30	04221652	LÊ CHÍ BẢO	Nam	23/08/1993	Tỉnh Quảng Bình	Nội khoa	7.13	8.25		**15.38**	
533	31	04220426	KHƯƠNG THỊ THẢO	Nữ	01/09/1987	Tỉnh Hưng Yên	Nội khoa	6.92	8.44		**15.36**	
534	32	04220850	HOÀNG XUÂN NAM	Nam	09/05/1993	Tỉnh Ninh Bình	Nội khoa	6.92	8.44		**15.36**	
535	33	04220504	NGUYỄN THANH HUYỀN	Nữ	11/04/1994	TP Hà Nội	Nội khoa	7.00	8.33		**15.33**	
536	34	04220250	NGUYỄN MINH THÚY	Nữ	21/11/1995	Tỉnh Thái Bình	Nội khoa	7.21	8.10		**15.31**	

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm C.Ngành	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
537	35	04220581	DƯƠNG THỊ PHƯƠNG QUỲNH	Nữ	08/09/1991	TP Hà Nội	Nội khoa	6.69	7.56	1.0	**15.25**	
538	36	04221185	HOÀNG THỊ LƯ	Nữ	22/05/1995	Tỉnh Hà Nam	Nội khoa	7.50	7.73		**15.23**	
539	37	04220258	NGUYỄN PHƯƠNG HẠNH	Nữ	22/12/1989	Tỉnh Thanh Hóa	Nội khoa	6.77	8.46		**15.23**	
540	38	04221009	NGUYỄN THỊ LOAN	Nữ	24/02/1992	Tỉnh Bắc Giang	Nội khoa	7.42	7.79		**15.21**	
541	39	04221510	PHẠM THỊ THU HẰNG	Nữ	28/08/1992	Tỉnh Hà Giang	Nội khoa	6.29	7.92	1.0	**15.21**	
542	40	04221277	NGUYỄN THỊ HÒA	Nữ	11/01/1988	Tỉnh Thái Nguyê	Nội khoa	7.25	7.94		**15.19**	
543	41	04220630	VŨ THỊ HẰNG	Nữ	16/08/1989	Tỉnh Hải Dương	Nội khoa	6.48	7.71	1.0	**15.19**	
544	42	04221263	NGUYỄN THỊ NGOAN	Nữ	27/02/1992	Tỉnh Bắc Giang	Nội khoa	7.15	8.02		**15.17**	
545	43	04220032	ĐỖ XUÂN TOÀN	Nam	16/04/1991	Tỉnh Thanh Hóa	Nội khoa	7.38	7.75		**15.13**	
546	44	04220522	NGUYỄN BẢO THANH	Nam	28/09/1990	Tỉnh Thái Bình	Nội khoa	7.15	7.98		**15.13**	
547	45	04221429	TRẦN THANH HẢI	Nam	21/12/1991	Tỉnh Thái Nguyê	Nội khoa	6.77	8.33		**15.10**	
548	46	04221247	NGUYỄN THẾ HÙNG	Nam	28/04/1994	TP Hải Phòng	Nội khoa	6.67	8.42		**15.09**	
549	47	04221456	NGUYỄN HUY TIẾN	Nam	18/10/1993	TP Hà Nội	Nội khoa	7.10	7.96		**15.06**	
550	48	04221232	THÁI THỊ HƯƠNG	Nữ	17/10/1991	Tỉnh Nghệ An	Nội khoa	7.58	7.44		**15.02**	
551	49	04220164	NGUYỄN THỊ THU HÀ	Nữ	20/03/1993	Tỉnh Hải Dương	Nội khoa	7.00	8.02		**15.02**	
552	50	04220409	VĂN TIẾN TRƯỜNG	Nam	13/11/1992	Tỉnh Ninh Bình	Nội khoa	6.75	8.25		**15.00**	
553	51	04221270	LIÊU THỊ LOAN	Nữ	24/09/1992	Tỉnh Bắc Giang	Nội khoa	6.98	7.98		**14.96**	
554	52	04221141	ĐINH ĐỨC THUẬN	Nam	14/06/1993	Tỉnh Ninh Bình	Nội khoa	6.02	7.92	1.0	**14.94**	
555	53	04220204	NGUYỄN THỊ LIỄU	Nữ	08/12/1991	TP Hà Nội	Nội khoa	7.08	7.85		**14.93**	
556	54	04220267	VÕ VĂN TRÃI	Nam	14/08/1994	Tỉnh Quảng Bình	Nội khoa	7.25	7.65		**14.90**	
557	55	04220094	NGUYỄN THU HƯƠNG	Nữ	06/04/1992	Tỉnh Thái Bình	Nội khoa	7.21	7.69		**14.90**	
558	56	04220350	VŨ THỊ HẢI YẾN	Nữ	18/08/1994	Tỉnh Thái Bình	Nội khoa	6.73	8.17		**14.90**	
559	57	04220476	THÂN THỊ DIỄM TRANG	Nữ	02/05/1995	Tỉnh Thái Nguyê	Nội khoa	6.42	8.48		**14.90**	
560	58	04220969	KIM THỊ LỤA	Nữ	19/02/1991	TP Hà Nội	Nội khoa	6.75	8.08		**14.83**	
561	59	04220124	PHAN THỊ THỦY	Nữ	22/12/1993	Tỉnh Nam Định	Nội khoa	6.67	8.15		**14.82**	
562	60	04221133	NGUYỄN THỊ THÙY LIÊN	Nữ	22/09/1994	TP Hà Nội	Nội khoa	6.92	7.83		**14.75**	
563	61	04220590	VĂN HỮU THƯỜNG	Nam	26/04/1989	Tỉnh Bắc Giang	Nội khoa	7.56	7.15		**14.71**	

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm C.Ngành	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
564	62	04220597	NGÔ THỊ MAI	Nữ	02/01/1993	Tỉnh Nam Định	Nội khoa	7.06	7.65		**14.71**	
565	63	04221891	NGUYỄN THỊ NGA	Nữ	10/06/1995	Tỉnh Thanh Hóa	Nội khoa	6.83	7.88		**14.71**	
566	64	04221421	NGUYỄN DUY BÌNH	Nam	03/09/1991	Tỉnh Quảng Ninh	Nội khoa	6.83	7.88		**14.71**	
567	65	04221857	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	Nữ	13/08/1993	Tỉnh Nghệ An	Nội khoa	7.10	7.60		**14.70**	
568	66	04220683	HOÀNG THỊ NHIÊN	Nữ	25/08/1990	Tỉnh Hòa Bình	Nội khoa	6.35	7.35	1.0	**14.70**	
569	67	04221791	NGUYỄN ĐỨC HUYÊN	Nam	06/11/1993	Tỉnh Nam Định	Nội khoa	7.75	6.94		**14.69**	
570	68	04221686	PHẠM THÀNH ĐỒNG	Nam	16/08/1993	Tỉnh Thanh Hóa	Nội khoa	6.54	8.13		**14.67**	
571	69	04221612	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	Nữ	21/06/1992	Tỉnh Thanh Hóa	Nội khoa	7.23	7.42		**14.65**	
572	70	04220945	NGUYỄN THỊ THU UYÊN	Nữ	21/09/1993	Tỉnh Thanh Hóa	Nội khoa	6.79	7.85		**14.64**	
573	71	04221531	HOÀNG THỊ OANH	Nữ	26/10/1992	Tỉnh Nghệ An	Nội khoa	7.04	7.56		**14.60**	
574	72	04221545	NGUYỄN THỊ THÙY	Nữ	27/07/1996	Tỉnh Thanh Hóa	Nội khoa	7.13	7.46		**14.59**	
575	73	04221285	DIÊM CÔNG MINH	Nam	10/08/1991	Tỉnh Bắc Giang	Nội khoa	6.85	7.73		**14.58**	
576	74	04220958	PHẠM THỊ HÀ TRANG	Nữ	24/04/1993	Tỉnh Hà Tĩnh	Nội khoa	6.27	8.21		**14.48**	
577	75	04220600	BÙI THỊ HẢI CHÂU	Nữ	04/10/1990	Tỉnh Hòa Bình	Nội khoa	6.08	7.40	1.0	**14.48**	
578	76	04221202	ĐỖ TIẾN THUẬN	Nam	12/10/1981	TP Hà Nội	Nội khoa	6.29	8.17		**14.46**	
579	77	04220592	NGUYỄN THỊ HUỆ	Nữ	18/04/1991	Tỉnh Bắc Giang	Nội khoa	6.98	7.46		**14.44**	
580	78	04220288	TRẦN THỊ NGỌC	Nữ	23/12/1991	Tỉnh Nam Định	Nội khoa	6.73	7.71		**14.44**	
581	79	04220699	NGUYỄN THỊ XUYẾN	Nữ	29/09/1992	Tỉnh Nghệ An	Nội khoa	6.71	7.73		**14.44**	
582	80	04220734	HOÀNG THỊ SEN	Nữ	01/06/1989	Tỉnh Yên Bái	Nội khoa	5.96	7.44	1.0	**14.40**	
583	81	04221807	DOÃN THỊ THU HOÀI	Nữ	10/02/1990	TP Hà Nội	Nội khoa	7.29	7.10		**14.39**	
584	82	04220109	NGUYỄN THỊ TRANG	Nữ	18/01/1994	Tỉnh Nghệ An	Nội khoa	6.06	8.33		**14.39**	
585	83	04221111	NGUYỄN THỊ HOA	Nữ	01/06/1992	Tỉnh Thái Bình	Nội khoa	6.96	7.42		**14.38**	
586	84	04220253	NGUYỄN PHÚC SƠN	Nam	01/04/1995	TP Hà Nội	Nội khoa	6.75	7.63		**14.38**	
587	85	04220446	NGUYỄN THỊ NIỀM	Nữ	12/05/1989	Tỉnh Lạng Sơn	Nội khoa	6.38	6.98	1.0	**14.36**	
588	86	04220740	VŨ THỊ HỒNG	Nữ	08/12/1992	Tỉnh Hưng Yên	Nội khoa	7.42	6.92		**14.34**	
589	87	04221196	VĂN THỊ HUYỀN	Nữ	04/03/1994	Tỉnh Hà Nam	Nội khoa	6.42	6.90	1.0	**14.32**	
590	88	04220378	HOÀNG THỊ PHƯƠNG THANH	Nữ	22/09/1991	Tỉnh Nam Định	Nội khoa	6.33	7.96		**14.29**	

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm C.Ngành	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
591	89	04221137	ĐẶNG VIỆT PHONG	Nam	19/01/1994	TP Hà Nội	Nội khoa	6.35	7.92		**14.27**	
592	90	04220759	HOÀNG TIẾN DŨNG	Nam	15/10/1993	Tỉnh Quảng Ninh	Nội khoa	6.56	7.69		**14.25**	
593	91	04220178	NGUYỄN THỊ THÁI	Nữ	10/10/1991	TP Hải Phòng	Nội khoa	6.88	7.31		**14.19**	
594	92	04221040	PHẠM CÔNG VƯỢNG	Nam	05/06/1993	Tỉnh Hải Dương	Nội khoa	6.54	7.65		**14.19**	
595	93	04220937	NGUYỄN QUỲNH MAI	Nữ	13/05/1992	TP Hà Nội	Nội khoa	6.38	7.81		**14.19**	
596	94	04220045	ĐỖ TUẤN DŨNG	Nam	17/08/1990	Tỉnh Hà Giang	Nội khoa	6.23	6.94	1.0	**14.17**	
597	95	04220086	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	Nam	19/08/1991	Tỉnh Bắc Ninh	Nội khoa	7.40	6.71		**14.11**	
598	96	04221156	HOÀNG THỊ HUÊ	Nữ	27/12/1988	Tỉnh Bắc Giang	Nội khoa	6.83	7.27		**14.10**	
599	97	04220635	TRẦN THỊ DUNG	Nữ	20/11/1991	Tỉnh Quảng Bình	Nội khoa	6.27	7.81		**14.08**	
600	98	04220769	NGUYỄN THỊ NGA	Nữ	09/10/1993	Tỉnh Hải Dương	Nội khoa	6.15	7.92		**14.07**	
601	99	04221541	VŨ THANH BÌNH	Nam	28/05/1987	TP Hà Nội	Nội khoa	6.56	7.48		**14.04**	
602	100	04220617	LÝ THỊ CẨM NHUNG	Nữ	08/03/1993	Tỉnh Quảng Bình	Nội khoa	6.38	7.65		**14.03**	
603	101	04221352	TRỊNH VI HÀ THANH	Nữ	01/07/1996	Tỉnh Bắc Giang	Nội khoa	6.98	7.04		**14.02**	
604	102	04221186	ĐỖ KHẮC HƯỞNG	Nam	20/10/1995	Tỉnh Hải Dương	Nội khoa	6.67	7.33		**14.00**	
605	103	04221609	BÀN THỊ HÀ	Nữ	27/11/1991	Tỉnh Cao Bằng	Nội khoa	6.73	7.23		**13.96**	
606	104	04221086	HOÀNG THỊ NGỌC	Nữ	20/09/1991	Tỉnh Thanh Hóa	Nội khoa	6.23	7.73		**13.96**	
607	105	04221136	ĐẶNG QUỐC DŨNG	Nam	30/07/1985	Tỉnh Vĩnh Phúc	Nội khoa	6.60	7.35		**13.95**	
608	106	04220479	ĐÀO SINH THỂ	Nam	15/02/1991	Tỉnh Thái Bình	Nội khoa	6.40	7.52		**13.92**	
609	107	04220312	TRẦN THỊ TRANG	Nữ	13/10/1991	Tỉnh Hải Dương	Nội khoa	7.38	6.50		**13.88**	
610	108	04220650	ĐÀO PHƯƠNG DIỄM	Nữ	27/01/1992	Tỉnh Thái Bình	Nội khoa	6.67	7.21		**13.88**	
611	109	04220146	ĐỖ THỊ HẢI YẾN	Nữ	15/08/1986	Tỉnh Thái Bình	Nội khoa	6.69	7.15		**13.84**	
612	110	04220965	HÀ TRUNG THÀNH	Nam	21/11/1991	Tỉnh Bắc Ninh	Nội khoa	6.31	7.52		**13.83**	
613	111	04220510	NGUYỄN THỊ TUYẾT	Nữ	10/08/1992	Tỉnh Thanh Hóa	Nội khoa	7.08	6.73		**13.81**	
614	112	04220427	ĐẶNG THỊ BÍCH DIỆP	Nữ	30/05/1991	Tỉnh Nam Định	Nội khoa	6.35	7.46		**13.81**	
615	113	04220670	ĐÀO MINH TIẾN	Nam	11/12/1991	Tỉnh Hưng Yên	Nội khoa	6.27	7.54		**13.81**	
616	114	04221357	PHAN THỊ THU	Nữ	25/02/1993	Tỉnh Bắc Giang	Nội khoa	6.85	6.94		**13.79**	
617	115	04221052	DƯƠNG MINH CHÂU	Nữ	05/11/1990	Tỉnh Hà Giang	Nội khoa	6.71	7.08		**13.79**	

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm C.Ngành	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
618	116	04220083	LÒ THỊ NGỌC	Nữ	10/03/1994	Tỉnh Sơn La	Nội khoa	5.98	6.81	1.0	**13.79**	
619	117	04221004	HOÀNG HẢI NINH	Nam	02/03/1994	Tỉnh Nghệ An	Nội khoa	6.69	7.08		**13.77**	
620	118	04220659	NGUYỄN YÊN CHÍ	Nam	12/01/1992	Tỉnh Vĩnh Phúc	Nội khoa	6.04	7.69		**13.73**	
621	119	04221532	NGUYỄN THỊ QUỲNH	Nữ	24/11/1989	Tỉnh Thanh Hóa	Nội khoa	6.33	7.35		**13.68**	
622	120	04220856	BÙI HẢI SƠN	Nam	22/03/1986	TP Hà Nội	Nội khoa	6.50	7.17		**13.67**	
623	121	04221051	HUỲNH THỊ HOÀI TRANG	Nữ	21/02/1994	Tỉnh Nam Định	Nội khoa	6.15	7.46		**13.61**	
624	122	04221507	ĐẶNG MẠNH HÀ	Nam	21/03/1991	TP Hà Nội	Nội khoa	6.31	7.29		**13.60**	
625	123	04220487	TRƯƠNG THỊ MAI ANH	Nữ	17/06/1996	Tỉnh Thanh Hóa	Nội khoa	6.10	7.48		**13.58**	
626	124	04220432	LỆNH THỊ TÂN	Nữ	09/06/1989	Tỉnh Hà Giang	Nội khoa	5.81	6.77	1.0	**13.58**	
627	125	04220980	TRẦN BÙI MINH	Nam	20/06/1988	Tỉnh Thanh Hóa	Nội khoa	6.69	6.88		**13.57**	
628	126	04220816	ĐOÀN THỊ NGỌC QUYÊN	Nữ	14/07/1989	Tỉnh Thái Bình	Nội khoa	6.31	7.21		**13.52**	
629	127	04220580	MAI TÙNG LINH	Nam	20/01/1993	Tỉnh Thanh Hóa	Nội khoa	6.29	7.23		**13.52**	
630	128	04220628	NGUYỄN THỊ THU YÊN	Nữ	08/07/1988	Tỉnh Thanh Hóa	Nội khoa	5.92	7.56		**13.48**	
631	129	04220908	TRẦN THỊ THÙY LINH	Nữ	18/04/1993	Tỉnh Nghệ An	Nội khoa	6.98	6.46		**13.44**	
632	130	04220491	NGUYỄN NGỌC TẤN	Nam	14/02/1993	TP Hà Nội	Nội khoa	6.48	6.96		**13.44**	
633	131	04220287	NGUYỄN VĂN LINH	Nam	12/05/1993	Tỉnh Hà Tĩnh	Nội khoa	5.94	7.42		**13.36**	
634	132	04220915	NGUYỄN THỊ THU TRANG	Nữ	11/09/1991	TP Hà Nội	Nội khoa	6.00	7.35		**13.35**	
635	133	04220821	VƯƠNG THỊ HƯƠNG GIANG	Nữ	17/05/1995	Tỉnh Hải Dương	Nội khoa	6.44	6.88		**13.32**	
636	134	04220385	PHÓ THỊ PHƯƠNG THÙY	Nữ	29/05/1984	Tỉnh Quảng Ninh	Nội khoa	6.33	6.98		**13.31**	
637	135	04221233	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG OANH	Nữ	26/07/1988	Tỉnh Bắc Giang	Nội khoa	5.81	7.50		**13.31**	
638	136	04220709	NGUYỄN TUẤN MẠNH	Nam	24/05/1995	Tỉnh Hưng Yên	Nội khoa	6.10	7.19		**13.29**	
639	137	04221611	LỤC THỊ THẮM	Nữ	28/01/1990	Tỉnh Cao Bằng	Nội khoa	5.79	6.50	1.0	**13.29**	
640	138	04220715	NGUYỄN BÁ KHÁNH HÒA	Nam	12/08/1995	Tỉnh Nghệ An	Nội khoa	6.54	6.71		**13.25**	
641	139	04220108	LÊ THỊ MINH PHƯƠNG	Nữ	15/08/1992	Tỉnh Hưng Yên	Nội khoa	5.85	7.40		**13.25**	
642	140	04221025	NGUYỄN CHÍ CÔNG	Nam	08/01/1989	Tỉnh Hà Nam	Nội khoa	5.69	7.56		**13.25**	
643	141	04221525	HOÀNG TUẤN ANH	Nam	20/03/1989	Tỉnh Yên Bái	Nội khoa	6.15	6.08	1.0	**13.23**	
644	142	04221519	DƯƠNG THỊ NHUNG	Nữ	06/09/1993	Tỉnh Nghệ An	Nội khoa	6.42	6.79		**13.21**	

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm C.Ngành	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
645	143	04220399	NGUYỄN THỊ NGHĨA	Nữ	16/08/1991	Tỉnh Thanh Hóa	Nội khoa	5.92	7.29		**13.21**	
646	144	04220237	DƯƠNG VĂN TOÀN	Nam	16/07/1992	Tỉnh Thái Nguyê	Nội khoa	6.67	6.50		**13.17**	
647	145	04221152	TRẦN THỊ MAI HOA	Nữ	10/01/1981	TP Hà Nội	Nội khoa	5.71	7.46		**13.17**	
648	146	04221914	PHẠM THỊ NGUYỆT	Nữ	09/10/1986	Tỉnh Hà Nam	Nội khoa	6.10	6.98		**13.08**	
649	147	04221802	HOÀNG KIM TUYẾN	Nữ	30/08/1992	Tỉnh Tuyên Quan	Nội khoa	6.00	6.08	1.0	**13.08**	
650	148	04221147	NINH THỊ NGỌC HÀ	Nữ	20/08/1992	Tỉnh Ninh Bình	Nội khoa	5.77	7.31		**13.08**	
651	149	04221091	NGUYỄN THỊ NHUNG	Nữ	24/04/1992	Tỉnh Hưng Yên	Nội khoa	5.50	6.58	1.0	**13.08**	
652	150	04220642	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	Nữ	23/05/1993	Tỉnh Bắc Kạn	Nội khoa	5.48	6.56	1.0	**13.04**	
653	151	04221303	NGÔ THỊ HƯƠNG	Nữ	20/11/1989	Tỉnh Quảng Ninh	Nội khoa	5.88	7.15		**13.03**	
654	152	04220498	ĐÀO CÔNG THƯỜNG	Nam	20/04/1991	TP Hà Nội	Nội khoa	5.56	7.38		**12.94**	
655	153	04221390	PHẠM DIỆU LINH	Nữ	02/03/1994	TP Hà Nội	Nội khoa	5.69	7.23		**12.92**	
656	154	04220675	ĐỖ THỊ PHƯƠNG	Nữ	01/12/1993	Tỉnh Hải Dương	Nội khoa	5.94	6.94		**12.88**	
657	155	04220425	TRỊNH HUYỀN TRANG	Nữ	28/06/1989	Tỉnh Hòa Bình	Nội khoa	5.58	6.29	1.0	**12.87**	
658	156	04221078	LÊ HẢI YẾN	Nữ	01/04/1989	TP Hà Nội	Nội khoa	6.00	6.85		**12.85**	
659	157	04220798	NGÔ THỊ VÂN	Nữ	06/06/1991	Tỉnh Nghệ An	Nội khoa	6.17	6.65		**12.82**	
660	158	04220768	CAO VĂN HOÀI	Nam	12/07/1993	Tỉnh Nghệ An	Nội khoa	6.04	6.73		**12.77**	
661	159	04221747	VŨ THỊ PHƯƠNG	Nữ	12/03/1993	Tỉnh Bắc Giang	Nội khoa	5.35	6.33	1.0	**12.68**	
662	160	04220134	HOÀNG MINH ĐỨC	Nam	09/08/1992	Tỉnh Hưng Yên	Nội khoa	5.27	7.38		**12.65**	
663	161	04221584	TRẦN QUỐC CẦU	Nam	02/09/1994	Tỉnh Hưng Yên	Nội khoa	6.08	6.48		**12.56**	
664	162	04221388	NGUYỄN MINH NHẤT	Nam	18/11/1989	Tỉnh Bắc Giang	Nội khoa	6.44	6.10		**12.54**	
665	163	04220471	BÙI ĐỨC TÙNG	Nam	25/05/1994	TP Hải Phòng	Nội khoa	6.33	6.19		**12.52**	
666	164	04220147	ĐỖ THỊ PHƯƠNG HẢO	Nữ	18/07/1990	Tỉnh Bắc Kạn	Nội khoa	6.13	5.38	1.0	**12.51**	
667	165	04220419	NGUYỄN THỊ DUNG	Nữ	26/05/1992	TP Hà Nội	Nội khoa	6.29	6.19		**12.48**	
668	166	04220983	NGUYỄN THỊ THU THỦY	Nữ	10/12/1989	TP Hà Nội	Nội khoa	6.15	6.33		**12.48**	
669	167	04221104	NGUYỄN THỊ NGỌC LAN	Nữ	20/01/1989	Tỉnh Hải Dương	Nội khoa	5.92	6.56		**12.48**	
670	168	04220713	PHẠM VĂN BÌNH	Nam	27/09/1991	Tỉnh Thái Bình	Nội khoa	5.67	6.79		**12.46**	
671	169	04220722	QUÀNG THỊ KIM	Nữ	02/08/1987	Tỉnh Điện Biên	Nội khoa	5.35	6.08	1.0	**12.43**	

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm C.Ngành	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
672	170	04221906	NGÔ VĂN HẢI	Nam	21/10/1994	Tỉnh Hà Tĩnh	Nội khoa	6.83	5.54		**12.37**	
673	171	04221122	HOÀNG THỊ HỒNG ÁNH	Nữ	01/05/1993	Tỉnh Lạng Sơn	Nội khoa	5.27	6.10	1.0	**12.37**	
674	172	04220869	ĐỖ QUANG THIẾT	Nam	01/12/1992	TP Hà Nội	Nội khoa	5.90	6.46		**12.36**	
675	173	04220339	LƯƠNG THỊ TÂM	Nữ	22/12/1993	Tỉnh Nghệ An	Nội khoa	6.54	5.81		**12.35**	
676	174	04221132	NGUYỄN NGỌC TÂN	Nam	20/05/1991	Tỉnh Bắc Ninh	Nội khoa	5.02	7.29		**12.31**	
677	175	04220324	NGUYỄN NGỌC SƠN	Nam	09/07/1985	Tỉnh Vĩnh Phúc	Nội khoa	6.10	6.15		**12.25**	
678	176	04221755	VI THỊ HƯƠNG THANH	Nữ	16/06/1992	Tỉnh Hòa Bình	Nội khoa	5.00	7.21		**12.21**	
679	177	04220594	LÊ NGỌC MAI	Nữ	25/07/1992	Tỉnh Hưng Yên	Nội khoa	6.25	5.92		**12.17**	
680	178	04221140	HOÀNG THỊ HẰNG	Nữ	24/09/1986	Tỉnh Bắc Giang	Nội khoa	5.77	5.40	1.0	**12.17**	
681	179	04220490	NGUYỄN THỊ THẢO	Nữ	18/08/1995	TP Hải Phòng	Nội khoa	6.25	5.81		**12.06**	
682	180	04220363	LÊ VĂN THANH	Nam	25/10/1991	Tỉnh Hải Dương	Nội khoa	5.83	6.23		**12.06**	
683	181	04220640	ĐINH THỊ THÚY NGA	Nữ	12/12/1992	Tỉnh Bắc Kạn	Nội khoa	5.60	6.44		**12.04**	
684	182	04221655	NGUYỄN ĐÌNH THÀNH	Nam	06/05/1994	TP Hải Phòng	Nội khoa	6.04	5.96		**12.00**	
685	183	04221399	NGUYỄN TUẤN ANH	Nam	01/03/1986	Tỉnh Quảng Ninh	Nội khoa	5.35	6.63		**11.98**	
686	184	04220019	PHẠM ANH TUẤN	Nam	27/10/1989	TP Hà Nội	Nội khoa	4.83	7.15		**11.98**	
687	185	04221209	LÊ VĂN HƯNG	Nam	15/04/1992	Tỉnh Hưng Yên	Nội khoa	5.98	5.94		**11.92**	
688	186	04221739	LÊ HẢI MINH	Nam	16/11/1993	Tỉnh Điện Biên	Nội khoa	5.27	5.65	1.0	**11.92**	
689	187	04220781	NGUYỄN THỊ CÚC	Nữ	07/10/1992	Tỉnh Thái Nguyê	Nội khoa	5.13	6.75		**11.88**	
690	188	04221251	NGUYỄN THỊ THẮM	Nữ	23/12/1988	Tỉnh Thanh Hóa	Nội khoa	5.46	6.40		**11.86**	
691	189	04220753	PHẠM THỊ MAI LINH	Nữ	16/10/1996	Tỉnh Hà Nam	Nội khoa	5.88	5.96		**11.84**	
692	190	04220408	CẦM VĂN PHƯƠNG	Nam	27/07/1989	Tỉnh Sơn La	Nội khoa	5.50	5.31	1.0	**11.81**	
693	191	04220605	TRƯƠNG QUANG THÀNH	Nam	14/09/1992	Tỉnh Hải Dương	Nội khoa	5.06	6.75		**11.81**	
694	192	04221635	NGUYỄN THỊ THU	Nữ	02/02/1992	Tỉnh Lâm Đồng	Nội khoa	6.10	5.69		**11.79**	
695	193	04220838	LÊ THỊ TRÀ	Nữ	20/05/1994	Tỉnh Nghệ An	Nội khoa	5.71	6.08		**11.79**	
696	194	04221693	TRẦN VĂN MỸ	Nam	29/05/1994	Tỉnh Quảng Ngãi	Nội khoa	5.46	6.31		**11.77**	
697	195	04220477	NGUYỄN THỊ THUÝ HƯỜNG	Nữ	19/12/1993	Tỉnh Hưng Yên	Nội khoa	5.71	5.96		**11.67**	
698	196	04220857	PHẠM THỊ THANH TÙNG	Nữ	24/07/1992	Tỉnh Hà Tĩnh	Nội khoa	5.46	6.17		**11.63**	

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm C.Ngành	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
699	197	04221035	NGUYỄN THỊ LAN ANH	Nữ	30/08/1993	Tỉnh Nam Định	Nội khoa	5.38	6.10		**11.48**	
700	198	04220788	TÔ DUY THƯ	Nam	05/04/1986	Tỉnh Nam Định	Nội khoa	5.63	5.79		**11.42**	
701	199	04220029	HOÀNG HỒNG NHUNG	Nữ	14/06/1992	Tỉnh Hà Giang	Nội khoa	4.67	5.73	1.0	**11.40**	
702	200	04220829	HOÀNG HUYỀN TRANG	Nữ	28/09/1991	Tỉnh Bắc Kạn	Nội khoa	4.54	5.85	1.0	**11.39**	
703	201	04221033	PHẠM THỊ DUYÊN	Nữ	15/08/1993	Tỉnh Thanh Hóa	Nội khoa	5.27	6.10		**11.37**	
704	202	04221568	ĐỖ TRƯỜNG SƠN	Nam	08/08/1985	Tỉnh Điện Biên	Nội khoa	4.29	6.04	1.0	**11.33**	
705	203	04220420	NGUYỄN ĐÌNH DŨNG	Nam	11/11/1996	Tỉnh Hà Tĩnh	Nội khoa	5.67	5.63		**11.30**	
706	204	04221322	NGUYỄN THỊ NGỌC MAI	Nữ	03/08/1991	TP Hà Nội	Nội khoa	5.13	6.17		**11.30**	
707	205	04220750	PHẠM HỒNG NHUNG	Nữ	26/02/1989	Tỉnh Lào Cai	Nội khoa	5.31	4.98	1.0	**11.29**	
708	206	04220806	ĐOÀN VĂN HÙNG	Nam	20/07/1990	Tỉnh Ninh Bình	Nội khoa	4.71	6.58		**11.29**	
709	207	04221797	NGUYỄN HỒNG NHUNG	Nữ	18/02/1994	TP Hà Nội	Nội khoa	4.69	6.56		**11.25**	
710	208	04221376	ĐỖ THỊ VIỆT HÀ	Nữ	01/04/1987	Tỉnh Phú Thọ	Nội khoa	4.52	6.65		**11.17**	
711	209	04220311	ĐÀO QUỲNH TRANG	Nữ	15/10/1993	Tỉnh Hải Dương	Nội khoa	5.46	5.60		**11.06**	
712	210	04221799	BÙI CÔNG VINH	Nam	28/08/1989	Tỉnh Thanh Hóa	Nội khoa	5.08	5.98		**11.06**	
713	211	04221499	TRẦN QUỐC HƯNG	Nam	21/08/1989	Tỉnh Bắc Giang	Nội khoa	5.81	5.19		**11.00**	
714	212	04221642	NGÔ THỊ THU HUỆ	Nữ	07/02/1991	Tỉnh Bắc Ninh	Nội khoa	5.25	5.75		**11.00**	
715	213	04220928	NÔNG VIỆT ANH	Nam	24/10/1992	Tỉnh Thái Nguyê	Nội khoa	5.60	5.29		**10.89**	
716	214	04221860	LÊ THỊ PHƯƠNG LIÊN	Nữ	06/04/1992	TP Hà Nội	Nội khoa	4.98	5.88		**10.86**	
717	215	04221577	AN THU TRANG	Nữ	21/01/1993	Tỉnh Yên Bái	Nội khoa	4.35	5.38	1.0	**10.73**	
718	216	04220991	VŨ HỒNG NGUYÊN	Nam	03/06/1993	Tỉnh Ninh Bình	Nội khoa	4.73	5.94		**10.67**	
719	217	04220410	ĐINH THỊ THÙY LINH	Nữ	15/11/1991	Tỉnh Ninh Bình	Nội khoa	4.96	5.46		**10.42**	
720	218	04221289	LƯƠNG NGỌC DUY	Nam	15/12/1992	Tỉnh Bắc Giang	Nội khoa	4.96	5.46		**10.42**	
721	219	04221418	TRẦN HỮU PHÚ	Nam	02/05/1993	Tỉnh Hà Tĩnh	Nội khoa	5.19	5.21		**10.40**	
722	220	04220430	NGUYỄN CHIẾN THẮNG	Nam	02/06/1984	TP Hà Nội	Nội khoa	5.10	5.21		**10.31**	
723	221	04221307	NGUYỄN HẢI BÌNH	Nam	11/10/1988	Tỉnh Quảng Ninh	Nội khoa	5.04	5.27		**10.31**	
724	222	04221125	NGUYỄN ĐỨC THÀNH	Nam	12/04/1982	Tỉnh Thanh Hóa	Nội khoa	3.98	6.31		**10.29**	
725	223	04220200	VŨ THỊ VƯỢNG	Nữ	04/10/1993	TP Hà Nội	Nội khoa	4.60	5.60		**10.20**	

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm C.Ngành	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
726	224	04220747	HOÀNG NGỌC ÁNH	Nữ	08/11/1989	Tỉnh Ninh Bình	Nội khoa	5.21	4.98		**10.19**	
727	225	04220376	CHÌU QUAY NGẮN	Nam	08/05/1983	Tỉnh Quảng Ninh	Nội khoa	4.96	5.19		**10.15**	
728	226	04220290	NGUYỄN THỊ THƠM	Nữ	08/10/1991	Tỉnh Nam Định	Nội khoa	4.92	5.19		**10.11**	
729	227	04221558	NGUYỄN TRANG THU	Nữ	19/02/1993	Tỉnh Yên Bái	Nội khoa	3.98	5.06	1.0	**10.04**	
730	228	04221930	PHẠM HUY CƯỜNG	Nam	23/11/1982	Tỉnh Thái Bình	Nội khoa	4.38	5.65		**10.03**	
731	229	04221061	HOÀNG THỊ THU HIỀN	Nữ	16/09/1990	Tỉnh Hà Giang	Nội khoa	4.85	5.08		**9.93**	
732	230	04220841	HOÀNG NGỌC HUY	Nam	02/02/1991	Tỉnh Bắc Giang	Nội khoa	4.31	5.60		**9.91**	
733	231	04221345	VŨ ĐÌNH TÙNG	Nam	14/10/1993	Tỉnh Nam Định	Nội khoa	4.73	5.15		**9.88**	
734	232	04221225	NGUYỄN THỊ THỦY	Nữ	23/05/1991	Tỉnh Yên Bái	Nội khoa	4.54	4.19	1.0	**9.73**	
735	233	04220150	HÀ ĐỨC ANH	Nam	11/07/1991	Tỉnh Phú Thọ	Nội khoa	3.83	4.85	1.0	**9.68**	
736	234	04220193	PHẠM THỊ TRANG	Nữ	14/07/1989	TP Hà Nội	Nội khoa	4.83	4.69		**9.52**	
737	235	04220807	NGUYỄN TRẦN MINH	Nam	29/07/1981	Tỉnh Thanh Hóa	Nội khoa	3.63	5.67		**9.30**	
738	236	04221689	HÀ HẢI NAM	Nam	31/07/1990	TP Hà Nội	Nội khoa	4.19	5.00		**9.19**	
739	237	04221115	NGUYỄN QUỲNH NGA	Nữ	16/03/1992	TP Hà Nội	Nội khoa	4.63	4.52		**9.15**	
740	238	04221835	NGUYỄN THANH SƠN	Nam	20/02/1984	Tỉnh Yên Bái	Nội khoa	4.65	4.31		**8.96**	
741	239	04221201	NGUYỄN NGỌC SƠN	Nam	26/11/1992	Tỉnh Quảng Bình	Nội khoa	4.23	4.60		**8.83**	
742	240	04220458	HOÀNG THỊ MAI DUNG	Nữ	17/02/1982	TP Hà Nội	Nội khoa	4.00	4.63		**8.63**	
743	241	04221732	LÊ THANH HÀ	Nam	10/08/1988	Tỉnh Thanh Hóa	Nội khoa	3.94	4.50		**8.44**	
744	242	04221746	NGUYỄN THỊ THU TRANG	Nữ	04/12/1988	TP Hà Nội	Nội khoa	4.63	3.77		**8.40**	
745	243	04220314	LÊ ĐÌNH THẮNG	Nam	06/07/1988	Tỉnh Thanh Hóa	Nội khoa	3.85	4.17		**8.02**	
746	244	04221734	BÙI ĐỨC CHỈNH	Nam	01/07/1987	Tỉnh Yên Bái	Nội khoa	3.19	3.67	1.0	**7.86**	
747	245	04221245	LÊ VĂN HƯNG	Nam	19/11/1991	Tỉnh Hà Nam	Nội khoa	3.44	4.29		**7.73**	
748	246	04220508	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	Nữ	03/06/1989	Tỉnh Thanh Hóa	Nội khoa	0.00	0.00	1.0	**1.00**	Không thi
749	247	04221846	GIÀNG THỊ MAI	Nữ	05/07/1987	Tỉnh Hà Giang	Nội khoa	0.00	0.00	1.0	**1.00**	Không thi
750	248	04221197	HOÀNG THỊ NGUYÊN NHUNG	Nữ	27/05/1983	Tỉnh Yên Bái	Nội khoa	0.00	0.00	1.0	**1.00**	Không thi
751	249	04220726	HÀ NGỌC THUÝ	Nữ	13/12/1991	Tỉnh Phú Thọ	Nội khoa	0.00	0.00	1.0	**1.00**	Không thi
752	250	04220986	DƯƠNG THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	09/06/1991	Tỉnh Lạng Sơn	Nội khoa	0.00	0.00	1.0	**1.00**	Không thi

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm C.Ngành	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
753	251	04221306	NGUYỄN THỊ CẢNH	Nữ	13/09/1989	TP Hà Nội	Nội khoa	0.00	0.00		**0.00**	Không thi
754	252	04221790	CHU THỊ HÒA	Nữ	03/04/1986	Tỉnh Hòa Bình	Nội khoa	0.00	0.00		**0.00**	Không thi
755	253	04220511	TRIỆU THỊ LAN	Nữ	06/06/1993	Tỉnh Bắc Giang	Nội khoa	0.00	0.00		**0.00**	Không thi
756	254	04221859	THÁI THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	04/06/1993	Tỉnh Hà Tĩnh	Nội khoa	0.00	0.00		**0.00**	Không thi
757	255	04221383	NGUYỄN ĐÌNH PHÚC	Nam	12/06/1988	Tỉnh Nghệ An	Nội khoa	0.00	0.00		**0.00**	Không thi
758	256	04220808	PHẠM MINH THÀNH	Nam	20/11/1991	Tỉnh Thanh Hóa	Nội khoa	0.00	0.00		**0.00**	Không thi
759	257	04221684	HOÀNG ĐỨC TRUNG	Nam	13/08/1993	Tỉnh Lạng Sơn	Nội khoa	0.00	0.00		**0.00**	Không thi
760	1	04220461	TRẦN ĐÌNH TUẤN	Nam	03/08/1993	Tỉnh Quảng Bình	Nội Tim mạch	7.79	8.81		**16.60**	
761	2	04220535	HOÀNG THỊ TUYẾN	Nữ	08/04/1995	Tỉnh Hà Nam	Nội Tim mạch	7.92	8.60		**16.52**	
762	3	04220188	TRẦN THỊ HIỀN	Nữ	02/08/1989	Tỉnh Thanh Hóa	Nội Tim mạch	7.15	8.25	1.0	**16.40**	
763	4	04220190	BÙI VĂN HIỀN	Nam	25/06/1993	Tỉnh Nam Định	Nội Tim mạch	7.81	8.54		**16.35**	
764	5	04220676	TRẦN DUY THỰC	Nam	03/01/1994	Tỉnh Quảng Bình	Nội Tim mạch	7.65	8.44		**16.09**	
765	6	04221551	LÊ ĐỨC TÙNG	Nam	22/12/1994	Tỉnh Thanh Hóa	Nội Tim mạch	7.50	8.17		**15.67**	
766	7	04221259	HỒ HỮU TIẾN	Nam	01/10/1992	Tỉnh Nghệ An	Nội Tim mạch	7.67	7.75		**15.42**	
767	8	04221214	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	Nữ	20/03/1993	Tỉnh Nghệ An	Nội Tim mạch	7.17	8.21		**15.38**	
768	9	04220071	VŨ THỊ HỒNG	Nữ	05/01/1994	Tỉnh Nam Định	Nội Tim mạch	7.31	7.92		**15.23**	
769	10	04221627	NGUYỄN CÔNG DƯƠNG	Nam	25/09/1990	Tỉnh Điện Biên	Nội Tim mạch	6.63	7.31	1.0	**14.94**	
770	11	04220844	LÊ THỊ NGỌC TRANG	Nữ	03/08/1990	Tỉnh Thanh Hóa	Nội Tim mạch	7.31	7.56		**14.87**	
771	12	04220625	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	Nữ	20/02/1990	Tỉnh Hà Giang	Nội Tim mạch	6.35	7.50	1.0	**14.85**	
772	13	04220763	QUÁCH THỊ DIỆN	Nữ	20/05/1990	Tỉnh Thanh Hóa	Nội Tim mạch	6.40	7.29	1.0	**14.69**	
773	14	04221166	NGUYỄN ĐÌNH BẢNG	Nam	23/07/1989	Tỉnh Quảng Ninh	Nội Tim mạch	6.90	7.71		**14.61**	
774	15	04221626	NÔNG THỊ GIANG	Nữ	20/05/1992	Tỉnh Tuyên Quan	Nội Tim mạch	7.17	6.42	1.0	**14.59**	
775	16	04220577	CAO THỊ VÂN ANH	Nữ	05/11/1995	Tỉnh Thanh Hóa	Nội Tim mạch	6.50	8.08		**14.58**	
776	17	04221661	VŨ VĂN CÔNG	Nam	07/04/1992	Tỉnh Thanh Hóa	Nội Tim mạch	7.21	7.21		**14.42**	
777	18	04220246	NGUYỄN VĂN HIỀN	Nam	15/03/1986	TP Hải Phòng	Nội Tim mạch	7.08	7.27		**14.35**	
778	19	04220022	NGUYỄN THỊ THU	Nữ	08/10/1992	Tỉnh Thái Bình	Nội Tim mạch	6.54	7.77		**14.31**	
779	20	04221706	NGUYỄN SỸ LINH	Nam	19/05/1993	Tỉnh Thanh Hóa	Nội Tim mạch	6.54	7.46		**14.00**	

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm C.Ngành	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
780	21	04220106	PHẠM THỊ HUỆ	Nữ	21/08/1993	Tỉnh Thanh Hóa	Nội Tim mạch	6.75	7.13		**13.88**	
781	22	04221513	NGUYỄN HỒNG HẠNH	Nữ	06/12/1994	Tỉnh Hưng Yên	Nội Tim mạch	6.50	7.31		**13.81**	
782	23	04221565	NGUYỄN QUANG MẠNH	Nam	25/09/1990	Tỉnh Thái Nguyê	Nội Tim mạch	5.92	7.88		**13.80**	
783	24	04221819	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	Nam	25/05/1993	Tỉnh Vĩnh Phúc	Nội Tim mạch	6.46	6.92		**13.38**	
784	25	04221654	PHẠM DUY ANH	Nam	13/08/1995	Tỉnh Bắc Giang	Nội Tim mạch	6.42	6.77		**13.19**	
785	26	04221598	LÊ THỊ HUYỀN	Nữ	05/04/1992	Tỉnh Nghệ An	Nội Tim mạch	5.98	7.10		**13.08**	
786	27	04220191	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	Nữ	03/06/1989	Tỉnh Thanh Hóa	Nội Tim mạch	5.40	6.54	1.0	**12.94**	
787	28	04221087	ĐOÀN THỊ LAN ANH	Nữ	10/02/1991	Tỉnh Nam Định	Nội Tim mạch	5.33	6.92		**12.25**	
788	29	04221207	NGUYỄN TUẤN ANH	Nam	02/04/1988	Tỉnh Lai Châu	Nội Tim mạch	5.27	5.94	1.0	**12.21**	
789	30	04220989	NGUYỄN THÙY CHINH	Nữ	15/01/1989	TP Hà Nội	Nội Tim mạch	0.00	0.00		**0.00**	Không thi
790	1	04221622	PHẠM HẢI LONG	Nam	14/02/1994	Tỉnh Phú Thọ	Ngoại khoa	8.60	8.19	1.0	**17.79**	
791	2	04221339	NGUYỄN TIẾN DŨNG	Nam	27/10/1991	Tỉnh Bắc Giang	Ngoại khoa	8.90	7.73	1.0	**17.63**	
792	3	04221867	NGUYỄN TUẤN VĨ	Nam	18/07/1995	Tỉnh Thái Nguyê	Ngoại khoa	8.00	9.00		**17.00**	
793	4	04220596	PHÙNG MẠNH CHUNG	Nam	20/11/1993	Tỉnh Lào Cai	Ngoại khoa	7.96	7.98	1.0	**16.94**	
794	5	04221310	NGUYỄN TRỌNG NGHĨA	Nam	27/03/1990	TP Hà Nội	Ngoại khoa	8.21	8.71		**16.92**	
795	6	04221488	PHẠM TUẤN ANH	Nam	25/07/1993	Tỉnh Thanh Hóa	Ngoại khoa	8.58	8.15		**16.73**	
796	7	04221757	GIANG LÊ DUY	Nam	16/12/1991	Tỉnh Sơn La	Ngoại khoa	8.71	6.96	1.0	**16.67**	
797	8	04220321	TRƯƠNG VĂN HẢI	Nam	05/10/1991	Tỉnh Thanh Hóa	Ngoại khoa	7.81	8.77		**16.58**	
798	9	04221347	LÊ XUÂN THẮNG	Nam	23/05/1991	Tỉnh Bắc Giang	Ngoại khoa	8.04	8.48		**16.52**	
799	10	04220662	PHẠM VĂN LỘC	Nam	01/10/1988	Tỉnh Nghệ An	Ngoại khoa	7.85	7.65	1.0	**16.50**	
800	11	04220042	TRẦN VĂN TUYÊN	Nam	12/12/1994	Tỉnh Nam Định	Ngoại khoa	8.52	7.96		**16.48**	
801	12	04220475	TRIỆU QUANG GIÁM	Nam	25/10/1992	Tỉnh Hà Giang	Ngoại khoa	8.90	6.48	1.0	**16.38**	
802	13	04220156	NGUYỄN XUÂN CƯỜNG	Nam	12/03/1990	Tỉnh Sơn La	Ngoại khoa	8.33	7.00	1.0	**16.33**	
803	14	04220063	LÊ HOÀNG SƠN	Nam	24/07/1991	Tỉnh Thanh Hóa	Ngoại khoa	8.38	7.88		**16.26**	
804	15	04220738	HỒ TRỌNG KHIÊM	Nam	26/10/1993	Tỉnh Hải Dương	Ngoại khoa	8.48	7.73		**16.21**	
805	16	04220992	PHẠM VĂN CHUNG	Nam	23/02/1994	Tỉnh Phú Thọ	Ngoại khoa	7.96	7.19	1.0	**16.15**	
806	17	04221360	NGUYỄN THÀNH DUY	Nam	11/11/1993	Tỉnh Quảng Ninh	Ngoại khoa	8.19	7.85		**16.04**	

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm C.Ngành	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
807	18	04221695	TRẦN ĐÌNH THUẬN	Nam	24/12/1992	Tỉnh Bắc Ninh	Ngoại khoa	8.77	7.17		**15.94**	
808	19	04221269	NGUYỄN NGỌC CUNG	Nam	30/10/1994	Tỉnh Bắc Ninh	Ngoại khoa	8.02	7.69		**15.71**	
809	20	04220196	BÙI VĂN HUYÊN	Nam	25/03/1992	Tỉnh Hòa Bình	Ngoại khoa	7.98	6.73	1.0	**15.71**	
810	21	04221135	NGUYỄN ĐỨC HƯNG	Nam	10/10/1992	Tỉnh Thanh Hóa	Ngoại khoa	8.04	7.63		**15.67**	
811	22	04221420	PHAN VĂN QUÝ	Nam	20/04/1994	Tỉnh Hà Tĩnh	Ngoại khoa	8.81	6.81		**15.62**	
812	23	04221000	HÀ MỔ CHÍNH	Nam	15/10/1991	Tỉnh Sơn La	Ngoại khoa	7.65	6.96	1.0	**15.61**	
813	24	04220725	TRẦN QUỐC TRUNG	Nam	06/07/1983	Tỉnh Phú Thọ	Ngoại khoa	8.60	6.94		**15.54**	
814	25	04220221	HOÀNG VĂN DŨNG	Nam	26/08/1991	Tỉnh Ninh Bình	Ngoại khoa	8.25	7.29		**15.54**	
815	26	04221597	ĐÀM VĂN TÙNG	Nam	03/11/1991	Tỉnh Thái Bình	Ngoại khoa	7.67	7.85		**15.52**	
816	27	04221925	ĐỖ QUYẾT THẮNG	Nam	21/09/1993	TP Hà Nội	Ngoại khoa	7.13	8.27		**15.40**	
817	28	04221288	ĐỖ THẾ NGHĨA	Nam	19/02/1993	Tỉnh Yên Bái	Ngoại khoa	7.21	7.13	1.0	**15.34**	
818	29	04221752	MÃ VĂN ĐOÀN	Nam	10/11/1994	Tỉnh Bắc Kạn	Ngoại khoa	7.79	6.50	1.0	**15.29**	
819	30	04221275	ĐẶNG VĂN HIỆP	Nam	20/08/1988	Tỉnh Bắc Giang	Ngoại khoa	7.79	7.48		**15.27**	
820	31	04220366	PHẠM TIẾN THUẬN	Nam	02/08/1993	Tỉnh Thái Bình	Ngoại khoa	8.48	6.77		**15.25**	
821	32	04220904	KHUẤT VĂN PHÚC	Nam	20/03/1994	Tỉnh Lai Châu	Ngoại khoa	8.44	6.81		**15.25**	
822	33	04220379	TRẦN VĂN THỦY	Nam	23/03/1990	Tỉnh Thái Bình	Ngoại khoa	8.31	6.88		**15.19**	
823	34	04221108	LÊ XUÂN BẮC	Nam	31/10/1993	Tỉnh Sơn La	Ngoại khoa	7.31	6.85	1.0	**15.16**	
824	35	04221240	NGUYỄN VĂN HIẾU	Nam	01/01/1990	Tỉnh Bắc Giang	Ngoại khoa	7.27	7.81		**15.08**	
825	36	04221940	LÊ KIM VŨ	Nam	12/08/1990	Tỉnh Nghệ An	Ngoại khoa	8.19	6.75		**14.94**	
826	37	04220080	SẦM THỊ HOÀNG YẾN	Nữ	28/11/1987	Tỉnh Nghệ An	Ngoại khoa	7.85	7.00		**14.85**	
827	38	04221276	PHẠM TUẤN VŨ	Nam	31/12/1991	Tỉnh Bắc Ninh	Ngoại khoa	7.42	7.38		**14.80**	
828	39	04221090	HỒ TUẤN DŨNG	Nam	10/01/1992	Tỉnh Nghệ An	Ngoại khoa	8.50	6.29		**14.79**	
829	40	04221124	TRẦN VĂN THỊNH	Nam	15/06/1992	Tỉnh Vĩnh Phúc	Ngoại khoa	7.52	7.23		**14.75**	
830	41	04221217	NGUYỄN MINH ĐỨC	Nam	16/02/1990	TP Hà Nội	Ngoại khoa	8.27	6.40		**14.67**	
831	42	04220240	LÊ VĂN ĐẠI	Nam	10/03/1994	Tỉnh Hà Tĩnh	Ngoại khoa	7.69	6.98		**14.67**	
832	43	04221557	PHẠM HẢI ĐĂNG	Nam	28/11/1989	Tỉnh Hải Dương	Ngoại khoa	7.27	7.40		**14.67**	
833	44	04220695	NGUYỄN TIẾN THÀNH	Nam	18/11/1993	Tỉnh Bắc Giang	Ngoại khoa	8.56	6.08		**14.64**	

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm C.Ngành	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
834	45	04221538	LEO VĂN SÁNG	Nam	13/03/1992	Tỉnh Bắc Giang	Ngoại khoa	8.35	6.17		**14.52**	
835	46	04221060	PHẠM QUANG ĐẠI	Nam	29/11/1996	Tỉnh Nghệ An	Ngoại khoa	7.63	6.88		**14.51**	
836	47	04221007	HOÀNG VĂN TUẤN	Nam	07/12/1989	Tỉnh Thanh Hóa	Ngoại khoa	8.48	5.90		**14.38**	
837	48	04220421	HOÀNG VĂN TRƯỜNG	Nam	08/03/1993	Tỉnh Hà Giang	Ngoại khoa	7.25	7.06		**14.31**	
838	49	04221438	HOÀNG VĂN PHÚ	Nam	01/05/1994	Tỉnh Thanh Hóa	Ngoại khoa	7.88	6.31		**14.19**	
839	50	04221671	TRẦN VĂN HẢI	Nam	24/07/1992	Tỉnh Bắc Giang	Ngoại khoa	8.13	6.04		**14.17**	
840	51	04220509	NGUYỄN TRỌNG NGHĨA	Nam	22/06/1992	TP Hà Nội	Ngoại khoa	7.15	7.02		**14.17**	
841	52	04220057	NGUYỄN DUY CƯỜNG	Nam	20/10/1991	Tỉnh Hà Tĩnh	Ngoại khoa	7.88	6.19		**14.07**	
842	53	04221514	PHẠM ĐÌNH THÔNG	Nam	13/05/1993	Tỉnh Quảng Ninh	Ngoại khoa	7.27	6.60		**13.87**	
843	54	04220033	ĐINH ĐỨC SƠN	Nam	14/10/1989	Tỉnh Bắc Kạn	Ngoại khoa	7.98	5.88		**13.86**	
844	55	04220954	TRẦN KHÁNH THIỆN	Nam	25/07/1993	Tỉnh Hà Tĩnh	Ngoại khoa	7.35	6.46		**13.81**	
845	56	04221346	LÊ VĂN HOÀNG	Nam	15/10/1992	TP Hải Phòng	Ngoại khoa	7.10	6.69		**13.79**	
846	57	04221629	TRẦN VĂN HUY	Nam	18/09/1993	Tỉnh Bắc Giang	Ngoại khoa	7.13	6.48		**13.61**	
847	58	04221750	TRẦN VĂN MÙI	Nam	27/04/1991	Tỉnh Phú Thọ	Ngoại khoa	6.17	6.42	1.0	**13.59**	
848	59	04221709	NGUYỄN VĂN HẢI	Nam	05/07/1991	Tỉnh Nghệ An	Ngoại khoa	6.31	6.98		**13.29**	
849	60	04221142	VŨ HUY TÚ	Nam	17/01/1993	Tỉnh Nam Định	Ngoại khoa	7.58	5.67		**13.25**	
850	61	04220105	TRỊNH VĂN THANH	Nam	13/08/1982	Tỉnh Yên Bái	Ngoại khoa	7.21	4.98	1.0	**13.19**	
851	62	04221169	TRẦN THỊ THANH LOAN	Nữ	26/07/1990	TP Hà Nội	Ngoại khoa	6.79	6.38		**13.17**	
852	63	04220688	ĐINH CHÍ CÔNG	Nam	10/02/1992	Tỉnh Ninh Bình	Ngoại khoa	7.25	5.90		**13.15**	
853	64	04220618	LÔ ANH TUẤN	Nam	29/06/1992	Tỉnh Nghệ An	Ngoại khoa	6.90	5.25	1.0	**13.15**	
854	65	04220053	NGUYỄN HỒNG NAM	Nam	22/12/1992	Tỉnh Nghệ An	Ngoại khoa	7.60	5.48		**13.08**	
855	66	04221250	ĐẶNG THANH HIỆP	Nam	09/09/1991	Tỉnh Thanh Hóa	Ngoại khoa	6.19	6.85		**13.04**	
856	67	04220121	TRẦN VĂN HIẾU	Nam	15/08/1993	Tỉnh Nghệ An	Ngoại khoa	6.10	5.88	1.0	**12.98**	
857	68	04221395	MAI VĂN NAM	Nam	25/02/1994	Tỉnh Thanh Hóa	Ngoại khoa	7.71	5.25		**12.96**	
858	69	04220752	VŨ ANH TUẤN	Nam	16/06/1987	Tỉnh Hưng Yên	Ngoại khoa	7.65	5.31		**12.96**	
859	70	04220114	HÀ VĂN THƯƠNG	Nam	17/05/1991	Tỉnh Thanh Hóa	Ngoại khoa	6.92	5.96		**12.88**	
860	71	04221533	QUÁCH THẾ VƯƠNG	Nam	24/06/1988	Tỉnh Thanh Hóa	Ngoại khoa	6.33	5.50	1.0	**12.83**	

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm C.Ngành	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
861	72	04220631	ĐINH NGUYÊN KẾ	Nam	16/07/1979	Tỉnh Phú Thọ	Ngoại khoa	7.73	5.00		**12.73**	
862	73	04220171	LƯƠNG MẠNH CƯỜNG	Nam	27/11/1989	Tỉnh Ninh Bình	Ngoại khoa	6.94	5.77		**12.71**	
863	74	04221516	TRẦN XUÂN HIỆP	Nam	03/05/1995	Tỉnh Thái Bình	Ngoại khoa	7.35	5.27		**12.62**	
864	75	04220993	TRẦN ANH TUẤN	Nam	10/07/1991	Tỉnh Thanh Hóa	Ngoại khoa	6.21	5.40	1.0	**12.61**	
865	76	04221572	LƯU TUẤN NGHĨA	Nam	01/05/1994	Tỉnh Vĩnh Phúc	Ngoại khoa	7.54	5.06		**12.60**	
866	77	04221762	BẾ ÍCH SƯỚNG	Nam	13/12/1994	Tỉnh Bắc Kạn	Ngoại khoa	6.65	4.94	1.0	**12.59**	
867	78	04220613	LÊ NGỌC SƠN	Nam	26/11/1993	Tỉnh Hải Dương	Ngoại khoa	6.94	5.60		**12.54**	
868	79	04220840	PHAN TIẾN HÙNG	Nam	26/02/1993	Tỉnh Nghệ An	Ngoại khoa	7.15	5.29		**12.44**	
869	80	04221098	LÊ THÀNH CHUNG	Nam	06/11/1983	Tỉnh Lào Cai	Ngoại khoa	6.81	4.60	1.0	**12.41**	
870	81	04221768	TRẦN ĐINH TỰ CƯỜNG	Nam	02/08/1985	Tỉnh Hà Nam	Ngoại khoa	7.48	4.92		**12.40**	
871	82	04220060	NGUYỄN THẾ THIÊM	Nam	17/07/1989	Tỉnh Tuyên Quan	Ngoại khoa	6.50	4.67	1.0	**12.17**	
872	83	04221343	TRẦN QUANG MINH	Nam	26/01/1993	Tỉnh Nghệ An	Ngoại khoa	5.71	6.38		**12.09**	
873	84	04220243	HOÀNG VĂN CHÁNH	Nam	22/05/1994	Tỉnh Nghệ An	Ngoại khoa	5.69	6.40		**12.09**	
874	85	04221704	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	Nam	08/02/1990	Tỉnh Thái Bình	Ngoại khoa	6.35	5.71		**12.06**	
875	86	04221001	DƯƠNG VĂN TÙNG	Nam	29/11/1992	Tỉnh Bắc Giang	Ngoại khoa	6.40	5.60		**12.00**	
876	87	04221332	HÁN KIM HUẤN	Nam	14/10/1990	Tỉnh Yên Bái	Ngoại khoa	6.27	4.69	1.0	**11.96**	
877	88	04221941	PHAM NGỌC HIẾU	Nam	08/10/1987	TP Hà Nội	Ngoại khoa	6.69	5.17		**11.86**	
878	89	04221358	HOÀNG TIẾN HẢI	Nam	22/02/1990	Tỉnh Hà Giang	Ngoại khoa	6.17	4.67	1.0	**11.84**	
879	90	04220551	PHẠM CÔNG ĐỨC	Nam	18/12/1995	Tỉnh Sơn La	Ngoại khoa	5.65	5.08	1.0	**11.73**	
880	91	04221495	PHÙNG MINH LONG	Nam	17/05/1991	TP Hà Nội	Ngoại khoa	5.48	6.21		**11.69**	
881	92	04220365	NGUYỄN THẾ DŨNG	Nam	30/05/1993	TP Kiev, Ucraina	Ngoại khoa	6.35	5.29		**11.64**	
882	93	04221334	VÕ TRỌNG QUANG	Nam	01/12/1992	Tỉnh Nghệ An	Ngoại khoa	6.29	5.23		**11.52**	
883	94	04221806	ĐÀO XUÂN VŨ	Nam	22/08/1992	Tỉnh Bắc Giang	Ngoại khoa	6.63	4.85		**11.48**	
884	95	04221333	TRƯƠNG XUÂN HIẾU	Nam	15/03/1994	Tỉnh Nghệ An	Ngoại khoa	6.00	5.44		**11.44**	
885	96	04221554	DỊP TIẾN PHÚC	Nam	16/06/1989	Tỉnh Quảng Ninh	Ngoại khoa	6.46	4.85		**11.31**	
886	97	04221569	NGUYỄN ĐỨC HÒA	Nam	07/03/1984	Tỉnh Thanh Hóa	Ngoại khoa	6.83	4.42		**11.25**	
887	98	04220143	LÊ LONG NGỌC	Nam	28/08/1995	Tỉnh Thái Nguyê	Ngoại khoa	6.58	4.65		**11.23**	

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm C.Ngành	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
888	99	04221368	LÊ TUẤN LINH	Nam	19/06/1993	Tỉnh Hà Nam	Ngoại khoa	7.04	4.10		**11.14**	
889	100	04220775	NGHIÊM TRƯỜNG MINH	Nam	19/05/1994	Tỉnh Lạng Sơn	Ngoại khoa	6.19	3.94	1.0	**11.13**	
890	101	04220671	HOÀNG HÀ VINH	Nam	02/04/1991	Tỉnh Bắc Kạn	Ngoại khoa	6.02	4.06	1.0	**11.08**	
891	102	04220708	NGUYỄN VĂN HẢI	Nam	01/03/1987	TP Hà Nội	Ngoại khoa	5.65	5.42		**11.07**	
892	103	04220701	TỐNG QUYỀN LINH	Nam	03/10/1993	Tỉnh Sơn La	Ngoại khoa	5.58	4.44	1.0	**11.02**	
893	104	04220501	HOÀNG TUẤN ANH	Nam	09/11/1991	Tỉnh Thái Nguyê	Ngoại khoa	6.23	4.73		**10.96**	
894	105	04221042	NGUYỄN TIẾN MẠNH	Nam	21/10/1984	TP Hà Nội	Ngoại khoa	6.54	4.40		**10.94**	
895	106	04220486	LÊ QUANG QUÂN	Nam	20/01/1990	Tỉnh Thanh Hóa	Ngoại khoa	6.52	4.08		**10.60**	
896	107	04220536	NGUYỄN ĐỨC PHIÊN	Nam	15/01/1993	Tỉnh Bắc Ninh	Ngoại khoa	6.58	3.94		**10.52**	
897	108	04221853	VŨ ĐẠI DƯƠNG	Nam	17/08/1990	Tỉnh Bắc Giang	Ngoại khoa	6.19	4.29		**10.48**	
898	109	04221947	LỤC HUY BÌNH	Nam	01/04/1984	Tỉnh Hà Giang	Ngoại khoa	5.35	3.92	1.0	**10.27**	
899	110	04221187	NGUYỄN HỮU HUẤN	Nam	23/04/1982	TP Hà Nội	Ngoại khoa	5.13	5.10		**10.23**	
900	111	04221915	DƯƠNG THẾ ĐỨC	Nam	03/05/1990	Tỉnh Thanh Hóa	Ngoại khoa	6.19	3.90		**10.09**	
901	112	04220235	PHẠM VĂN THẮNG	Nam	13/09/1993	TP Hà Nội	Ngoại khoa	5.92	3.40		**9.32**	
902	113	04220170	NGUYỄN ANH TUẤN	Nam	09/02/1984	Tỉnh Bắc Giang	Ngoại khoa	4.60	4.15		**8.75**	
903	114	04221437	NGUYỄN HOÀNG ANH	Nam	01/06/1994	Tỉnh Thanh Hóa	Ngoại khoa	0.00	0.00	1.0	**1.00**	Không thi
904	115	04220320	VƯƠNG VĂN ANH	Nam	14/05/1990	Tỉnh Hải Dương	Ngoại khoa	0.00	0.00		**0.00**	Không thi
905	116	04221714	NGUYỄN ĐÌNH MẠNH	Nam	23/07/1994	TP Hà Nội	Ngoại khoa	0.00	0.00		**0.00**	Không thi
906	117	04221362	THẠCH THỌ MẠNH	Nam	04/11/1990	TP Hà Nội	Ngoại khoa	0.00	0.00		**0.00**	Không thi
907	118	04220474	VŨ MẠNH TÀI	Nam	10/10/1989	Tỉnh Hải Dương	Ngoại khoa	0.00	0.00		**0.00**	Không thi
908	119	04220584	NGUYỄN ĐÌNH THẾ	Nam	22/01/1992	Tỉnh Thanh Hóa	Ngoại khoa	0.00	0.00		**0.00**	Không thi
909	120	04221789	CÙ ĐỨC TIẾN	Nam	19/12/1993	Tỉnh Nam Định	Ngoại khoa	0.00	0.00		**0.00**	Không thi
910	121	04221779	BẾ XUÂN TÌNH	Nam	14/10/1986	Tỉnh Hà Giang	Ngoại khoa	0.00	0.00		**0.00**	Không thi
911	1	04220331	PHẠM THỊ HOA	Nữ	15/07/1990	Tỉnh Ninh Bình	Nhãn khoa	8.00	8.98		**16.98**	
912	2	04220279	TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	12/03/1995	Tỉnh Nghệ An	Nhãn khoa	8.23	8.02		**16.25**	
913	3	04220520	PHẠM THỊ THẢO	Nữ	31/10/1990	Tỉnh Sơn La	Nhãn khoa	7.67	7.83		**15.50**	
914	4	04220195	ĐỖ MINH ĐỨC	Nam	11/05/1993	Tỉnh Thái Bình	Nhãn khoa	7.98	7.23		**15.21**	

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm C.Ngành	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
915	5	04221081	LÊ TRỌNG MẠNH	Nam	23/06/1992	Tỉnh Sơn La	Nhãn khoa	7.50	6.52	1.0	**15.02**	
916	6	04221151	NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	Nữ	29/05/1994	Tỉnh Bà Rịa-VT	Nhãn khoa	7.65	7.35		**15.00**	
917	7	04221673	HOÀNG THỊ PHƯƠNG	Nữ	14/08/1993	Tỉnh Tuyên Quan	Nhãn khoa	7.54	6.44	1.0	**14.98**	
918	8	04220686	THÁI THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	13/05/1994	Tỉnh Lào Cai	Nhãn khoa	7.65	7.17		**14.82**	
919	9	04220062	MAI THỊ THÚY	Nữ	17/12/1995	Tỉnh Nam Định	Nhãn khoa	7.38	7.23		**14.61**	
920	10	04220139	NGUYỄN THỊ KIỀU OANH	Nữ	30/07/1995	TP Hải Phòng	Nhãn khoa	6.85	7.75		**14.60**	
921	11	04221585	HỨA THỊ LƯỢNG	Nữ	12/09/1995	Tỉnh Thái Nguyê	Nhãn khoa	7.02	7.42		**14.44**	
922	12	04220431	HÀ THỊ THƠ	Nữ	20/06/1991	Tỉnh Thanh Hóa	Nhãn khoa	7.19	7.21		**14.40**	
923	13	04220555	TRẦN KIM PHƯỢNG	Nữ	02/07/1990	Tỉnh Quảng Ninh	Nhãn khoa	6.73	7.42		**14.15**	
924	14	04220634	TRẦN VĂN THẾ	Nam	08/05/1989	Tỉnh Bắc Ninh	Nhãn khoa	7.35	6.77		**14.12**	
925	15	04220478	NGUYỄN THỊ DIỆU HẰNG	Nữ	07/11/1995	Tỉnh Nghệ An	Nhãn khoa	7.35	6.73		**14.08**	
926	16	04221487	ĐINH THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	17/04/1987	Tỉnh Ninh Bình	Nhãn khoa	7.04	6.94		**13.98**	
927	17	04221560	LÊ DUY TUẤN	Nam	10/02/1991	Tỉnh Thanh Hóa	Nhãn khoa	6.71	7.25		**13.96**	
928	18	04220026	NGUYỄN THỊ XUÂN	Nữ	09/02/1994	Tỉnh Hưng Yên	Nhãn khoa	7.54	6.33		**13.87**	
929	19	04221453	DƯƠNG THỊ HẠ	Nam	14/02/1988	TP Hà Nội	Nhãn khoa	6.54	6.29	1.0	**13.83**	
930	20	04220373	ĐỖ THỊ VUI	Nữ	01/01/1990	Tỉnh Hưng Yên	Nhãn khoa	7.48	6.21		**13.69**	
931	21	04220497	PHẠM THỊ HUỆ	Nữ	26/02/1995	Tỉnh Bắc Giang	Nhãn khoa	6.73	6.79		**13.52**	
932	22	04220703	NGUYỄN THỊ DUNG	Nữ	05/07/1986	Tỉnh Ninh Bình	Nhãn khoa	6.75	5.71	1.0	**13.46**	
933	23	04221816	NGUYỄN ĐỨC QUANG	Nam	25/11/1977	TP Hà Nội	Nhãn khoa	6.21	7.17		**13.38**	
934	24	04220369	NGUYỄN THỊ LIỄU	Nữ	09/04/1987	Tỉnh Ninh Bình	Nhãn khoa	6.69	6.65		**13.34**	
935	25	04221402	NGUYỄN THỊ HẰNG	Nữ	23/02/1990	Tỉnh Hưng Yên	Nhãn khoa	7.27	6.06		**13.33**	
936	26	04220754	LÊ THỊ THU HÀ	Nữ	01/02/1994	TP Hải Phòng	Nhãn khoa	7.40	5.92		**13.32**	
937	27	04220847	NGUYỄN KHÁNH NGÂN	Nữ	08/05/1993	Tỉnh Nghệ An	Nhãn khoa	7.23	6.06		**13.29**	
938	28	04220349	LÊ THỊ THU HƯỜNG	Nữ	30/07/1993	Tỉnh Thái Bình	Nhãn khoa	6.79	6.46		**13.25**	
939	29	04220860	NGUYỄN NGỌC CHÂM	Nữ	15/12/1994	Tỉnh Ninh Bình	Nhãn khoa	7.60	5.63		**13.23**	
940	30	04220001	NGUYỄN BÌNH NAM	Nam	10/09/1989	Tỉnh Hải Dương	Nhãn khoa	7.08	6.08		**13.16**	
941	31	04221329	VŨ HỒNG PHONG	Nam	01/07/1994	Tỉnh Hải Dương	Nhãn khoa	6.96	6.19		**13.15**	

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm C.Ngành	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
942	32	04220704	TRẦN THỊ HƯỜNG	Nữ	14/10/1993	Tỉnh Bắc Giang	Nhãn khoa	6.92	6.15		**13.07**	
943	33	04220849	PHẠM QUỲNH TRANG	Nữ	30/05/1992	Tỉnh Lạng Sơn	Nhãn khoa	6.81	6.08		**12.89**	
944	34	04221770	ĐỖ ANH TUẤN	Nam	27/07/1985	Tỉnh Tuyên Quan	Nhãn khoa	7.75	5.04		**12.79**	
945	35	04220044	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	Nam	10/09/1993	Tỉnh Bắc Giang	Nhãn khoa	7.15	5.58		**12.73**	
946	36	04220771	TRẦN THỊ TRANG	Nữ	24/09/1988	Tỉnh Yên Bái	Nhãn khoa	5.54	6.17	1.0	**12.71**	
947	37	04220039	TRẦN NGỌC ANH	Nữ	20/05/1990	TP Hà Nội	Nhãn khoa	6.75	5.90		**12.65**	
948	38	04220538	ĐỖ THỊ HƯƠNG GIANG	Nữ	25/03/1989	Tỉnh Hà Giang	Nhãn khoa	6.56	5.06	1.0	**12.62**	
949	39	04220407	TRẦN BÍCH NGỌC	Nữ	01/05/1995	Tỉnh Bắc Ninh	Nhãn khoa	7.15	5.40		**12.55**	
950	40	04221440	KHUẤT THANH DUY	Nam	22/12/1992	TP Hà Nội	Nhãn khoa	7.29	5.21		**12.50**	
951	41	04221524	NGUYỄN THỊ KHUÊ	Nữ	25/12/1992	Tỉnh Bắc Giang	Nhãn khoa	6.94	5.56		**12.50**	
952	42	04221424	ĐỖ THỊ THÙY LINH	Nữ	22/11/1994	Tỉnh Bắc Giang	Nhãn khoa	7.04	5.33		**12.37**	
953	43	04220203	NGUYỄN THỊ HƯƠNG LAN	Nữ	02/02/1992	Tỉnh Hòa Bình	Nhãn khoa	5.90	5.38	1.0	**12.28**	
954	44	04221743	LÝ NGỌC THỦY	Nữ	15/05/1987	Tỉnh Lạng Sơn	Nhãn khoa	7.02	4.19	1.0	**12.21**	
955	45	04221146	ĐINH KHÁNH HUYỀN	Nữ	07/03/1992	Tỉnh Ninh Bình	Nhãn khoa	6.83	5.31		**12.14**	
956	46	04221157	DƯƠNG THỊ THẢO TRINH	Nữ	10/09/1993	Tỉnh Hải Dương	Nhãn khoa	6.75	5.35		**12.10**	
957	47	04220515	NGUYỄN THỊ NGỌC MINH	Nữ	01/08/1994	Tỉnh Thái Bình	Nhãn khoa	7.04	4.94		**11.98**	
958	48	04220867	PHẠM THỊ HẰNG	Nữ	24/05/1994	Tỉnh Bắc Giang	Nhãn khoa	6.96	4.83		**11.79**	
959	49	04220326	LÂM QUANG TÙNG	Nam	16/05/1994	Tỉnh Ninh Bình	Nhãn khoa	6.60	5.08		**11.68**	
960	50	04220327	NGUYỄN NGỌC GIANG	Nam	30/05/1985	Tỉnh Hà Nam	Nhãn khoa	6.29	5.33		**11.62**	
961	51	04221603	ĐỖ HỒNG NHUNG	Nữ	24/12/1990	Tỉnh Quảng Ninh	Nhãn khoa	6.52	4.81		**11.33**	
962	52	04220393	TRẦN LÊ ĐỨC TRÍ	Nam	05/04/1994	Tỉnh Bến Tre	Nhãn khoa	6.23	5.00		**11.23**	
963	53	04220548	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG OANH	Nữ	07/01/1990	Tỉnh Hòa Bình	Nhãn khoa	5.92	4.29	1.0	**11.21**	
964	54	04220573	DƯƠNG CẨM NHUNG	Nữ	01/11/1991	Tỉnh Tuyên Quan	Nhãn khoa	6.06	5.13		**11.19**	
965	55	04221508	NGUYỄN THUÝ QUỲNH	Nữ	17/08/1994	Tỉnh Yên Bái	Nhãn khoa	6.21	3.92	1.0	**11.13**	
966	56	04221884	NÔNG TRỌNG TRƯỜNG	Nam	02/06/1988	Tỉnh Hà Giang	Nhãn khoa	5.73	4.19	1.0	**10.92**	
967	57	04220180	LÊ BÁCH	Nam	22/01/1993	TP Hà Nội	Nhãn khoa	5.67	4.81		**10.48**	
968	58	04220579	PHẠM THỊ THU PHƯƠNG	Nữ	13/06/1989	Tỉnh Hà Giang	Nhãn khoa	5.94	3.44	1.0	**10.38**	

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm C.Ngành	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
969	59	04220819	BÙI VĂN NGHĨA	Nam	30/11/1991	Tỉnh Quảng Ninh	Nhãn khoa	5.92	4.40		**10.32**	
970	60	04220773	HOÀNG THỊ HỒNG	Nữ	06/10/1991	Tỉnh Thái Bình	Nhãn khoa	5.54	4.44		**9.98**	
971	61	04221253	NGHIÊM THỊ MẾN	Nữ	05/05/1988	TP Hà Nội	Nhãn khoa	5.88	3.90		**9.78**	
972	62	04220506	ĐẶNG THỊ THU ĐIỂM	Nữ	01/01/1990	Tỉnh Sơn La	Nhãn khoa	5.23	3.54	1.0	**9.77**	
973	63	04220268	LÊ TÚ OANH	Nữ	31/12/1988	Tỉnh Hà Giang	Nhãn khoa	5.85	3.75		**9.60**	
974	64	04221888	DƯƠNG THỊ DẠ NGÂN	Nữ	30/08/1986	Tỉnh Bắc Giang	Nhãn khoa	5.25	3.83		**9.08**	
975	65	04221067	QUÀNG THỊ HẠNH	Nữ	15/08/1987	Tỉnh Điện Biên	Nhãn khoa	4.65	3.13	1.0	**8.78**	
976	66	04220079	ĐÀO VIỆT HÙNG	Nam	27/02/1981	Tỉnh Hưng Yên	Nhãn khoa	4.52	4.21		**8.73**	
977	67	04220469	PHẠM XUÂN THÀNH	Nam	12/03/1991	Tỉnh Thái Bình	Nhãn khoa	4.31	3.06		**7.37**	
978	68	04220583	TRẦN THỊ TƯƠI	Nữ	09/11/1989	Tỉnh Hà Giang	Nhãn khoa	0.00	0.00	1.0	**1.00**	Không thi
979	69	04220485	ĐÀM THỊ CHÂU THƯƠNG	Nữ	04/06/1990	Tỉnh Quảng Bình	Nhãn khoa	0.00	0.00		**0.00**	Không thi
980	70	04220859	NGUYỄN CÔNG DỰ	Nam	17/08/1993	Tỉnh Phú Yên	Nhãn khoa	0.00	0.00		**0.00**	Không thi
981	1	04221637	LÝ THỊ LAN HƯƠNG	Nữ	05/08/1991	Tỉnh Tuyên Quan	Nhi khoa	7.96	8.15	1.0	**17.11**	
982	2	04221392	HOÀNG THỊ NGÀ	Nữ	30/01/1994	Tỉnh Hà Nam	Nhi khoa	7.92	9.13		**17.05**	
983	3	04221057	HỒ TRỌNG HOÀNG	Nam	02/08/1995	Tỉnh Nghệ An	Nhi khoa	8.02	8.94		**16.96**	
984	4	04221342	ĐẶNG VŨ MINH HUYỀN	Nữ	19/08/1991	TP Hà Nội	Nhi khoa	7.85	7.98	1.0	**16.83**	
985	5	04220081	VŨ THỊ THU	Nữ	22/07/1993	Tỉnh Nam Định	Nhi khoa	7.77	9.04		**16.81**	
986	6	04221379	NGUYỄN THỊ KIỀU OANH	Nữ	18/09/1990	Tỉnh Hòa Bình	Nhi khoa	7.50	8.17	1.0	**16.67**	
987	7	04220906	NGUYỄN THỊ NHÀN	Nữ	09/08/1989	Tỉnh Bắc Ninh	Nhi khoa	7.67	8.94		**16.61**	
988	8	04220839	NGUYỄN THUỲ DUNG	Nữ	12/08/1991	Tỉnh Thái Nguyê	Nhi khoa	7.83	8.69		**16.52**	
989	9	04220342	VŨ THỊ TỐ UYÊN	Nữ	03/12/1991	Tỉnh Quảng Ninh	Nhi khoa	8.15	8.35		**16.50**	
990	10	04221416	TRẦN VĂN THỌ	Nam	22/01/1990	Tỉnh Nam Định	Nhi khoa	8.04	8.42		**16.46**	
991	11	04220868	NGUYỄN THỊ NGỌC	Nữ	10/03/1993	Tỉnh Bắc Giang	Nhi khoa	7.98	8.46		**16.44**	
992	12	04220041	HOÀNG THỊ QUỲNH NHƯ	Nữ	08/10/1991	TP Hà Nội	Nhi khoa	7.75	8.58		**16.33**	
993	13	04220135	HOÀNG VĂN THẮNG	Nam	18/08/1992	Tỉnh Hà Tĩnh	Nhi khoa	7.88	8.44		**16.32**	
994	14	04221498	NGUYỄN THỊ THÙY NHUNG	Nữ	06/12/1986	Tỉnh Ninh Bình	Nhi khoa	7.96	8.27		**16.23**	
995	15	04221312	TRẦN THỊ HẬU	Nữ	03/08/1994	Tỉnh Phú Thọ	Nhi khoa	7.46	8.73		**16.19**	

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm C.Ngành	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
996	16	04221041	TRẦN THỊ KHÁNH HUYỀN	Nữ	09/11/1994	Tỉnh Vĩnh Phúc	Nhi khoa	7.42	8.77		**16.19**	
997	17	04221134	TRỊNH THỊ THỦY	Nữ	03/02/1982	Tỉnh Nam Định	Nhi khoa	7.58	8.56		**16.14**	
998	18	04220040	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	Nữ	11/08/1992	Tỉnh Nam Định	Nhi khoa	7.29	8.85		**16.14**	
999	19	04221484	VŨ THỊ TÂN MÙI	Nữ	30/05/1990	Tỉnh Ninh Bình	Nhi khoa	7.44	8.69		**16.13**	
1000	20	04221573	TRẦN THỊ HÀ	Nữ	21/09/1991	Tỉnh Bắc Giang	Nhi khoa	7.40	8.71		**16.11**	
1001	21	04221213	TRẦN THỊ PHÚ	Nữ	07/02/1987	TP Hà Nội	Nhi khoa	7.81	8.25		**16.06**	
1002	22	04221127	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THÚY	Nữ	10/02/1992	Tỉnh Phú Thọ	Nhi khoa	7.52	7.54	1.0	**16.06**	
1003	23	04220641	TRIỆU THỊ LINH	Nữ	28/10/1993	Tỉnh Bắc Kạn	Nhi khoa	6.96	8.10	1.0	**16.06**	
1004	24	04220259	PHẠM THÙY GIANG	Nữ	06/06/1993	Tỉnh Thái Bình	Nhi khoa	7.38	8.67		**16.05**	
1005	25	04220292	NGUYỄN HỒ DỊU	Nữ	30/05/1989	Tỉnh Phú Thọ	Nhi khoa	6.94	9.10		**16.04**	
1006	26	04221063	NGUYỄN THANH THỦY	Nữ	29/08/1990	Tỉnh Thanh Hóa	Nhi khoa	7.25	8.73		**15.98**	
1007	27	04220532	PHAN ANH DŨNG	Nam	03/02/1995	Tỉnh Hà Tĩnh	Nhi khoa	7.79	8.15		**15.94**	
1008	28	04221718	VŨ HẢI NAM	Nam	26/10/1992	Tỉnh Hưng Yên	Nhi khoa	7.63	8.31		**15.94**	
1009	29	04221215	ĐẶNG THỊ CHÂM	Nữ	16/02/1990	Tỉnh Phú Thọ	Nhi khoa	6.94	8.00	1.0	**15.94**	
1010	30	04220565	NGUYỄN THỊ QUYÊN	Nữ	16/10/1996	Tỉnh Hải Dương	Nhi khoa	7.21	8.60		**15.81**	
1011	31	04220667	LÊ VĂN KIÊN	Nam	10/09/1992	Tỉnh Vĩnh Phúc	Nhi khoa	8.21	7.56		**15.77**	
1012	32	04221046	NGUYỄN THỊ KHÁNH HUYỀN	Nữ	26/06/1992	Tỉnh Phú Thọ	Nhi khoa	6.40	8.33	1.0	**15.73**	
1013	33	04220377	ĐINH THỊ CHUẨN	Nữ	16/06/1988	Tỉnh Quảng Bình	Nhi khoa	6.81	7.90	1.0	**15.71**	
1014	34	04221404	NGUYỄN THỊ TUYẾT MINH	Nữ	11/08/1994	TP Hà Nội	Nhi khoa	7.56	7.98		**15.54**	
1015	35	04220691	KIỀU VĂN LONG	Nam	22/02/1995	Tỉnh Vĩnh Phúc	Nhi khoa	7.13	8.38		**15.51**	
1016	36	04220141	NGUYỄN ĐẶNG THỊ THU TRANG	Nữ	02/08/1991	Tỉnh Hải Dương	Nhi khoa	7.13	8.33		**15.46**	
1017	37	04220687	ÂU THỊ NGÂN GIANG	Nữ	11/10/1991	Tỉnh Bắc Kạn	Nhi khoa	6.77	7.69	1.0	**15.46**	
1018	38	04221069	PHẠM THỊ HẢI YẾN	Nữ	31/12/1993	Tỉnh Thái Bình	Nhi khoa	7.17	8.23		**15.40**	
1019	39	04221349	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	Nữ	09/04/1992	Tỉnh Phú Thọ	Nhi khoa	7.31	8.06		**15.37**	
1020	40	04221617	PHÙNG VĂN THẮNG	Nam	07/10/1993	Tỉnh Vĩnh Phúc	Nhi khoa	7.02	8.35		**15.37**	
1021	41	04221034	NGUYỄN NGỌC LAN	Nữ	09/12/1993	Tỉnh Hưng Yên	Nhi khoa	7.19	8.13		**15.32**	
1022	42	04220087	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	01/05/1990	Tỉnh Hòa Bình	Nhi khoa	7.00	8.23		**15.23**	

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm C.Ngành	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
1023	43	04221083	HOÀNG THỊ LIÊN	Nữ	02/07/1989	Tỉnh Bắc Giang	Nhi khoa	7.06	8.15		**15.21**	
1024	44	04221290	NGUYỄN THỊ HUẾ	Nữ	13/04/1989	Tỉnh Thanh Hóa	Nhi khoa	7.50	7.67		**15.17**	
1025	45	04221386	TRẦN THỊ HUYỀN	Nữ	10/10/1994	Tỉnh Nghệ An	Nhi khoa	7.17	8.00		**15.17**	
1026	46	04221561	NÔNG THỊ THUỶ	Nữ	19/01/1988	Tỉnh Cao Bằng	Nhi khoa	6.21	7.94	1.0	**15.15**	
1027	47	04221093	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	Nữ	05/09/1992	Tỉnh Thanh Hóa	Nhi khoa	7.19	7.94		**15.13**	
1028	48	04220936	LÊ THỊ HẰNG	Nữ	25/01/1988	Tỉnh Vĩnh Phúc	Nhi khoa	7.48	7.60		**15.08**	
1029	49	04220837	HOÀNG THỊ OANH	Nữ	20/06/1991	Tỉnh Thái Bình	Nhi khoa	7.04	8.04		**15.08**	
1030	50	04220364	NGUYỄN HẢI NAM	Nam	25/11/1993	Tỉnh Phú Thọ	Nhi khoa	7.17	7.88		**15.05**	
1031	51	04220657	LÊ TRƯƠNG TUYẾT MINH	Nữ	18/05/1989	Tỉnh Đắc Lắc	Nhi khoa	7.60	7.44		**15.04**	
1032	52	04221540	VŨ ĐÌNH THẮNG	Nam	29/09/1989	Tỉnh Ninh Bình	Nhi khoa	7.17	7.83		**15.00**	
1033	53	04221640	NGUYỄN LÊ QUÝ	Nam	07/03/1991	Tỉnh Hải Dương	Nhi khoa	7.54	7.35		**14.89**	
1034	54	04220835	NGUYỄN THỊ NGÂN	Nữ	17/11/1994	Tỉnh Nam Định	Nhi khoa	7.42	7.46		**14.88**	
1035	55	04221273	NGUYỄN MẠNH TƯỜNG	Nam	10/02/1993	Tỉnh Thái Bình	Nhi khoa	6.92	7.92		**14.84**	
1036	56	04220149	NGUYỄN THỊ NGUYÊN	Nữ	05/02/1992	Tỉnh Ninh Bình	Nhi khoa	7.15	7.67		**14.82**	
1037	57	04221144	NGUYỄN THỊ KIM LIÊN	Nữ	09/02/1991	Tỉnh Vĩnh Phúc	Nhi khoa	7.48	7.33		**14.81**	
1038	58	04221032	PHAN THỊ PHƯƠNG MAI	Nữ	27/11/1994	Tỉnh Phú Thọ	Nhi khoa	6.54	8.27		**14.81**	
1039	59	04221771	TRIỆU THỊ TRANG	Nữ	03/09/1990	Tỉnh Cao Bằng	Nhi khoa	7.10	6.67	1.0	**14.77**	
1040	60	04220335	TRẦN THỊ THU HUYỀN	Nữ	10/12/1993	Tỉnh Hà Nam	Nhi khoa	6.42	8.35		**14.77**	
1041	61	04221422	PHẠM THỊ THẢO	Nữ	28/12/1993	Tỉnh Hưng Yên	Nhi khoa	6.83	7.92		**14.75**	
1042	62	04220772	PHẠM THỊ LAN HƯƠNG	Nữ	09/11/1989	Tỉnh Quảng Ninh	Nhi khoa	6.69	8.02		**14.71**	
1043	63	04221243	NGUYỄN THỊ THANH TÂM	Nữ	14/06/1991	Tỉnh Thanh Hóa	Nhi khoa	7.15	7.50		**14.65**	
1044	64	04221419	PHẠM VĂN CHUYỂN	Nam	12/08/1990	Tỉnh Vĩnh Phúc	Nhi khoa	6.75	7.90		**14.65**	
1045	65	04220400	PHẠM THỊ HÀ	Nữ	19/04/1994	Tỉnh Nghệ An	Nhi khoa	6.38	7.21	1.0	**14.59**	
1046	66	04220325	PHAN KHÁNH HÒA	Nữ	10/10/1992	Tỉnh Hà Tĩnh	Nhi khoa	6.71	7.85		**14.56**	
1047	67	04221624	TRẦN THỊ LÊ	Nữ	06/09/1988	Tỉnh Ninh Bình	Nhi khoa	6.75	7.77		**14.52**	
1048	68	04220575	LƯƠNG THỊ TỐ UYÊN	Nữ	04/12/1992	Tỉnh Lạng Sơn	Nhi khoa	6.58	7.94		**14.52**	
1049	69	04220764	HOÀNG THỊ THIỆN	Nữ	27/11/1988	Tỉnh Nghệ An	Nhi khoa	7.15	7.35		**14.50**	

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm C.Ngành	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
1050	70	04221520	NGUYỄN THỊ AN TRANG	Nữ	22/12/1990	Tỉnh Ninh Bình	Nhi khoa	6.90	7.58		**14.48**	
1051	71	04221582	TRẦN THỊ THANH LAM	Nữ	06/09/1992	Tỉnh Bắc Giang	Nhi khoa	7.15	7.29		**14.44**	
1052	72	04221442	NGÔ THỊ PHƯƠNG HIỀN	Nữ	23/05/1987	Tỉnh Hà Nam	Nhi khoa	6.81	7.60		**14.41**	
1053	73	04221278	TRỊNH THỊ LÝ	Nữ	03/08/1989	Tỉnh Bắc Giang	Nhi khoa	6.96	7.40		**14.36**	
1054	74	04221599	NGUYỄN VĂN TOÀN	Nam	20/06/1986	Tỉnh Hưng Yên	Nhi khoa	7.08	7.27		**14.35**	
1055	75	04220582	NGUYỄN ANH TUẤN	Nam	11/10/1991	Tỉnh Phú Thọ	Nhi khoa	6.98	7.35		**14.33**	
1056	76	04220598	PHẠM XUÂN TRƯỜNG	Nam	03/09/1989	Tỉnh Bắc Ninh	Nhi khoa	7.10	7.19		**14.29**	
1057	77	04220374	HOÀNG THỊ THỦY	Nữ	27/06/1990	Tỉnh Sơn La	Nhi khoa	5.85	7.42	1.0	**14.27**	
1058	78	04221931	ĐÀM PHƯỢNG LY	Nữ	21/08/1992	Tỉnh Cao Bằng	Nhi khoa	6.38	6.85	1.0	**14.23**	
1059	79	04221107	NGUYỄN THỊ QUỲNH HOA	Nữ	01/09/1990	Tỉnh Thanh Hóa	Nhi khoa	7.21	6.96		**14.17**	
1060	80	04220381	NÔNG THỊ HẬU	Nữ	14/12/1993	Tỉnh Lạng Sơn	Nhi khoa	6.88	7.29		**14.17**	
1061	81	04220394	PHẠM THỊ THANH NGA	Nữ	04/08/1991	Tỉnh Bắc Ninh	Nhi khoa	6.73	7.42		**14.15**	
1062	82	04221198	PHẠM THỊ THÚY	Nữ	22/07/1991	Tỉnh Yên Bái	Nhi khoa	6.73	6.42	1.0	**14.15**	
1063	83	04220463	TÒNG THỊ MAI	Nữ	26/12/1990	Tỉnh Sơn La	Nhi khoa	5.94	7.21	1.0	**14.15**	
1064	84	04220862	LÊ THỊ HẢI VÂN	Nữ	08/12/1993	Tỉnh Nghệ An	Nhi khoa	6.90	7.23		**14.13**	
1065	85	04220455	NGÔ THUỲ TRANG	Nữ	09/10/1993	TP Hà Nội	Nhi khoa	7.65	6.46		**14.11**	
1066	86	04221049	ĐÀO THỊ SOI	Nữ	13/06/1991	Tỉnh Hải Dương	Nhi khoa	6.46	7.65		**14.11**	
1067	87	04221639	NGUYỄN THỊ ĐÀO	Nữ	15/07/1992	Tỉnh Hà Tĩnh	Nhi khoa	6.13	7.94		**14.07**	
1068	88	04220960	LƯU THỊ LOAN	Nữ	17/11/1994	Tỉnh Hải Dương	Nhi khoa	6.71	7.35		**14.06**	
1069	89	04221544	PHẠM TIẾN ĐỨC	Nam	22/08/1990	Tỉnh Vĩnh Phúc	Nhi khoa	6.52	7.54		**14.06**	
1070	90	04220576	PHẠM VĂN HOÀ	Nam	01/10/1990	Tỉnh Hà Giang	Nhi khoa	6.60	6.42	1.0	**14.02**	
1071	91	04220300	VŨ TRƯỜNG SINH	Nam	02/09/1993	Tỉnh Nam Định	Nhi khoa	6.35	7.65		**14.00**	
1072	92	04220990	PHẠM THỊ PHƯƠNG	Nữ	18/03/1987	TP Hà Nội	Nhi khoa	6.77	7.21		**13.98**	
1073	93	04220962	LƯƠNG THỊ VINH	Nữ	23/10/1989	Tỉnh Tuyên Quan	Nhi khoa	6.40	6.58	1.0	**13.98**	
1074	94	04220648	LÝ THỊ THU	Nữ	12/07/1988	Tỉnh Cao Bằng	Nhi khoa	6.69	6.27	1.0	**13.96**	
1075	95	04221662	ĐỖ MẠNH QUANG	Nam	06/08/1990	Tỉnh Thanh Hóa	Nhi khoa	6.42	7.50		**13.92**	
1076	96	04220450	TRẦN ĐỨC VƯƠNG	Nam	03/01/1992	Tỉnh Hà Nam	Nhi khoa	6.58	7.27		**13.85**	

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm C.Ngành	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
1077	97	04221190	DƯƠNG THỊ HƯỜNG	Nữ	31/08/1991	Tỉnh Thái Nguyê	Nhi khoa	6.81	7.00		**13.81**	
1078	98	04220595	NGUYỄN DUY THÁI	Nam	23/03/1991	Tỉnh Tuyên Quar	Nhi khoa	5.96	6.75	1.0	**13.71**	
1079	99	04220228	NGUYỄN VĂN TUẤN	Nam	07/09/1993	TP Hà Nội	Nhi khoa	6.71	6.96		**13.67**	
1080	100	04221767	NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH	Nữ	10/08/1994	Tỉnh Nghệ An	Nhi khoa	6.15	7.52		**13.67**	
1081	101	04221094	LÊ THỊ THU HOÀI	Nữ	26/01/1995	Tỉnh Vĩnh Phúc	Nhi khoa	6.98	6.65		**13.63**	
1082	102	04220723	ĐỖ KHẮC TOÁN	Nam	02/08/1993	Tỉnh Thái Bình	Nhi khoa	6.56	7.04		**13.60**	
1083	103	04220940	NGUYỄN THỊ THỊNH	Nữ	12/07/1986	Tỉnh Bắc Giang	Nhi khoa	6.50	7.08		**13.58**	
1084	104	04221738	TRẦN VĂN ĐỒNG	Nam	15/10/1990	Tỉnh Vĩnh Phúc	Nhi khoa	7.54	6.00		**13.54**	
1085	105	04221728	ĐÀM THỊ THU GIANG	Nữ	12/03/1983	Tỉnh Phú Thọ	Nhi khoa	5.98	6.56	1.0	**13.54**	
1086	106	04221854	HOÀNG THỊ THANH HUYỀN	Nữ	10/01/1993	Tỉnh Yên Bái	Nhi khoa	5.94	6.58	1.0	**13.52**	
1087	107	04221327	NGUYỄN NGỌC THẮNG	Nam	11/04/1993	TP Hà Nội	Nhi khoa	6.25	7.25		**13.50**	
1088	108	04220611	LẠI THỊ NHUNG	Nữ	25/05/1992	Tỉnh Thanh Hóa	Nhi khoa	5.46	7.04	1.0	**13.50**	
1089	109	04221066	PHẠM THỊ QUỲNH	Nữ	16/12/1991	Tỉnh Thanh Hóa	Nhi khoa	6.88	6.60		**13.48**	
1090	110	04221733	HOÀNG HẢI YẾN	Nữ	03/05/1994	Tỉnh Lạng Sơn	Nhi khoa	5.98	7.44		**13.42**	
1091	111	04220779	PHẠM THỊ TRANG	Nữ	15/10/1992	Tỉnh Nghệ An	Nhi khoa	6.60	6.79		**13.39**	
1092	112	04221873	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	13/12/1990	TP Hà Nội	Nhi khoa	5.29	8.02		**13.31**	
1093	113	04221837	VŨ ĐỨC THÁI	Nam	06/06/1991	Tỉnh Vĩnh Phúc	Nhi khoa	5.83	7.38		**13.21**	
1094	114	04221279	NGUYỄN THỊ NGỌC MAI	Nữ	05/12/1989	TP Hà Nội	Nhi khoa	5.75	7.42		**13.17**	
1095	115	04220984	HOÀNG XUÂN HẠNH	Nam	07/07/1991	Tỉnh Bắc Giang	Nhi khoa	5.85	7.29		**13.14**	
1096	116	04221062	ĐỖ THỊ HỒNG	Nữ	01/05/1989	Tỉnh Thanh Hóa	Nhi khoa	5.65	7.48		**13.13**	
1097	117	04220370	LÊ PHƯƠNG HỒNG	Nữ	07/10/1991	Tỉnh Thanh Hóa	Nhi khoa	6.73	6.27		**13.00**	
1098	118	04221596	TRẦN PHƯƠNG THÚY	Nữ	20/11/1991	Tỉnh Cao Bằng	Nhi khoa	6.10	6.83		**12.93**	
1099	119	04220553	HỒ THỊ CẨM TÚ	Nữ	14/09/1990	Tỉnh Nghệ An	Nhi khoa	6.44	6.46		**12.90**	
1100	120	04220916	VŨ THỊ HƯƠNG	Nữ	03/04/1993	Tỉnh Bắc Giang	Nhi khoa	5.27	7.50		**12.77**	
1101	121	04221174	NGUYỄN THỊ HIỀN	Nữ	19/06/1990	Tỉnh Thanh Hóa	Nhi khoa	5.94	6.79		**12.73**	
1102	122	04220810	NGUYỄN THÚC MẠNH	Nam	16/12/1992	Tỉnh Vĩnh Phúc	Nhi khoa	5.10	7.60		**12.70**	
1103	123	04221574	KIỀU THÚY NGÂN	Nữ	05/11/1990	Tỉnh Phú Thọ	Nhi khoa	6.67	6.02		**12.69**	

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm C.Ngành	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
1104	124	04221616	VŨ THỊ HUYỀN	Nữ	04/07/1991	TP Hà Nội	Nhi khoa	5.38	7.13		**12.51**	
1105	125	04220636	TRỊNH THỊ HOA	Nữ	12/08/1988	Tỉnh Thái Bình	Nhi khoa	6.29	6.13		**12.42**	
1106	126	04220266	PHẠM THI HOA	Nữ	23/09/1990	Tỉnh Thanh Hóa	Nhi khoa	5.83	6.56		**12.39**	
1107	127	04221216	NGUYỄN THỊ VÂN TRANG	Nữ	15/07/1991	TP Hà Nội	Nhi khoa	5.81	6.58		**12.39**	
1108	128	04220608	TRẦN THỊ PHƯƠNG BÌNH	Nữ	05/08/1989	TP Hà Nội	Nhi khoa	5.54	6.85		**12.39**	
1109	129	04221113	NGUYỄN ĐỨC LUẬN	Nam	21/10/1992	TP Hải Phòng	Nhi khoa	5.35	7.04		**12.39**	
1110	130	04220395	CAO THỊ MƠ	Nữ	10/08/1993	Tỉnh Hà Giang	Nhi khoa	5.71	6.50		**12.21**	
1111	131	04220533	CHU THỊ THU HƯỜNG	Nữ	04/12/1991	Tỉnh Nghệ An	Nhi khoa	6.10	6.08		**12.18**	
1112	132	04221109	NGUYỄN THỊ HƯỜNG	Nữ	28/10/1991	Tỉnh Phú Thọ	Nhi khoa	5.40	5.71	1.0	**12.11**	
1113	133	04221463	NÔNG THỊ LAN	Nữ	06/04/1989	Tỉnh Hà Giang	Nhi khoa	4.94	6.17	1.0	**12.11**	
1114	134	04220386	TRẦN THỊ ANH THÁI	Nữ	12/11/1989	Tỉnh Nghệ An	Nhi khoa	6.17	5.77		**11.94**	
1115	135	04220405	ĐỖ BÁ TIẾN	Nam	18/08/1993	Tỉnh Hải Dương	Nhi khoa	5.38	6.56		**11.94**	
1116	136	04221378	ĐỖ THU HIỀN	Nữ	23/11/1992	Tỉnh Thanh Hóa	Nhi khoa	5.60	6.25		**11.85**	
1117	137	04221337	NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG	Nữ	19/10/1992	Tỉnh Nghệ An	Nhi khoa	6.13	5.69		**11.82**	
1118	138	04221849	LÊ THỊ NGỌC THƯƠNG	Nữ	07/05/1986	Tỉnh Phú Thọ	Nhi khoa	5.02	6.69		**11.71**	
1119	139	04221223	ĐỖ VĂN HIẾU	Nam	25/11/1989	TP Hà Nội	Nhi khoa	5.85	5.69		**11.54**	
1120	140	04220681	ĐOÀN THỊ TRÀ MY	Nữ	09/06/1990	Tỉnh Hải Dương	Nhi khoa	6.31	5.00		**11.31**	
1121	141	04221492	LÔ THỊ HUYỀN MY	Nữ	15/02/1990	Tỉnh Nghệ An	Nhi khoa	5.21	5.08	1.0	**11.29**	
1122	142	04221038	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	Nam	28/12/1995	TP Hà Nội	Nhi khoa	5.65	5.60		**11.25**	
1123	143	04221595	PHẠM VĂN GIÁP	Nam	10/02/1994	TP Hà Nội	Nhi khoa	5.08	6.08		**11.16**	
1124	144	04220912	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	Nữ	10/08/1991	Tỉnh Quảng Ninh	Nhi khoa	4.79	5.29	1.0	**11.08**	
1125	145	04221796	ĐẶNG THỊ HIỀN	Nữ	15/02/1991	Tỉnh Tuyên Quan	Nhi khoa	4.42	5.50	1.0	**10.92**	
1126	146	04220554	QUÀNG VĂN MINH	Nam	25/08/1987	Tỉnh Điện Biên	Nhi khoa	5.17	4.63	1.0	**10.80**	
1127	147	04221761	NGUYỄN THỊ HÀ TRANG	Nữ	10/03/1991	TP Hà Nội	Nhi khoa	5.35	5.35		**10.70**	
1128	148	04221192	PHẠM THỊ NHUNG	Nữ	18/07/1993	Tỉnh Thanh Hóa	Nhi khoa	5.19	5.44		**10.63**	
1129	149	04220468	BÙI THỊ NHƯ HOA	Nữ	01/02/1992	Tỉnh Hưng Yên	Nhi khoa	5.25	5.31		**10.56**	
1130	150	04220813	LÊ THỊ HẠNH	Nữ	10/07/1984	Tỉnh Thanh Hóa	Nhi khoa	4.83	5.54		**10.37**	

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm C.Ngành	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
1131	151	04221604	LÊ MINH DŨNG	Nam	11/02/1993	Tỉnh Hà Nam	Nhi khoa	5.06	5.29		**10.35**	
1132	152	04220604	NGUYỄN THỊ LỆ QUYÊN	Nữ	07/04/1995	Tỉnh Vĩnh Phúc	Nhi khoa	5.10	4.94		**10.04**	
1133	153	04221005	PHẠM CÔNG VIỆT	Nam	30/01/1992	Tỉnh Hòa Bình	Nhi khoa	5.71	4.25		**9.96**	
1134	154	04221323	LÒ THỊ NHUNG	Nữ	27/10/1988	Tỉnh Lai Châu	Nhi khoa	3.63	4.90		**8.53**	
1135	155	04221036	GIÀNG A LỘNG	Nam	22/05/1991	Tỉnh Sơn La	Nhi khoa	0.00	0.00	1.0	**1.00**	Không thi
1136	156	04220137	VŨ HẢI HÀ	Nữ	23/01/1987	Tỉnh Hải Dương	Nhi khoa	0.00	0.00		**0.00**	Không thi
1137	157	04221542	ĐẶNG THỊ HUYỀN	Nữ	10/10/1987	Tỉnh Vĩnh Phúc	Nhi khoa	0.00	0.00		**0.00**	Không thi
1138	158	04221934	NGUYỄN LỆ HUYỀN	Nữ	04/05/1984	Tỉnh Hà Nam	Nhi khoa	0.00	0.00		**0.00**	Không thi
1139	159	04220375	CHU THỊ BÍCH NGỌC	Nữ	03/05/1988	Tỉnh Hải Dương	Nhi khoa	0.00	0.00		**0.00**	Không thi
1140	160	04221053	LÊ MINH NGỌC	Nữ	25/05/1989	TP Hà Nội	Nhi khoa	0.00	0.00		**0.00**	Không thi
1141	161	04220067	NGÔ THỊ KIM THI	Nữ	14/11/1989	Tỉnh Thái Bình	Nhi khoa	0.00	0.00		**0.00**	Không thi
1142	162	04220130	NGUYỄN THỊ THOA	Nữ	20/12/1992	Tỉnh Hải Dương	Nhi khoa	0.00	0.00		**0.00**	Không thi
1143	163	04220717	HÀ TUẤN BẢO	Nam	16/11/1994	Tỉnh Hà Tĩnh	Nhi khoa	0.00	0.00		**0.00**	Không thi
1144	164	04221468	VŨ VĂN ĐẠI	Nam	23/08/1991	TP Hà Nội	Nhi khoa	0.00	0.00		**0.00**	Không thi
1145	165	04220209	NGUYỄN VIỆT HÙNG	Nam	10/10/1989	TP Hà Nội	Nhi khoa	0.00	0.00		**0.00**	Không thi
1146	166	04221205	NGUYỄN VĂN QUANG	Nam	22/02/1991	Tỉnh Hưng Yên	Nhi khoa	0.00	0.00		**0.00**	Không thi
1147	167	04221084	NGUYỄN HỮU TRUNG	Nam	19/02/1993	Tỉnh Hải Dương	Nhi khoa	0.00	0.00		**0.00**	Không thi
1148	168	04220402	TRẦN THANH TÙNG	Nam	25/10/1992	Tỉnh Hải Dương	Nhi khoa	0.00	0.00		**0.00**	Không thi
1149	1	04220220	PHẠM THẾ HIỂN	Nam	24/05/1995	Tỉnh Nam Định	Phẫu thuật tạo hình, thẩm mỹ	8.54	8.81		**17.35**	
1150	2	04221836	TRẦN XUÂN BÁCH	Nam	11/07/1995	Tỉnh Bắc Giang	Phẫu thuật tạo hình, thẩm mỹ	8.25	8.63		**16.88**	
1151	3	04221912	NGUYỄN QUỐC PHONG	Nam	09/03/1992	Tỉnh Thái Bình	Phẫu thuật tạo hình, thẩm mỹ	8.65	7.33		**15.98**	
1152	4	04220755	LÊ NGUYỄN HOÀNG ANH	Nam	17/09/1995	TP Hải Phòng	Phẫu thuật tạo hình, thẩm mỹ	7.35	8.15		**15.50**	
1153	5	04220280	DƯƠNG HỒNG QUÂN	Nam	04/12/1993	Tỉnh Bắc Giang	Phẫu thuật tạo hình, thẩm mỹ	8.00	7.10		**15.10**	
1154	6	04221071	ĐỖ THỊ THƯƠNG	Nữ	15/11/1993	Tỉnh Hưng Yên	Phẫu thuật tạo hình, thẩm mỹ	8.38	5.44	1.0	**14.82**	
1155	7	04220380	LÊ BÁ DUY	Nam	01/11/1992	TP Hà Nội	Phẫu thuật tạo hình, thẩm mỹ	7.25	7.33		**14.58**	
1156	8	04221318	TRỊNH CÔNG CƯƠNG	Nam	19/12/1994	Tỉnh Hải Dương	Phẫu thuật tạo hình, thẩm mỹ	8.08	5.73		**13.81**	
1157	9	04220332	LÊ TUẤN LINH	Nam	15/10/1995	Tỉnh Thanh Hóa	Phẫu thuật tạo hình, thẩm mỹ	7.40	6.35		**13.75**	

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm C.Ngành	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
1158	10	04221409	NGUYỄN VĂN BẢY	Nam	31/08/1989	TP Hà Nội	Phẫu thuật tạo hình, thẩm mỹ	7.52	5.71		**13.23**	
1159	11	04221801	LƯU VĂN THANH	Nam	21/05/1988	Tỉnh Thanh Hóa	Phẫu thuật tạo hình, thẩm mỹ	7.67	5.31		**12.98**	
1160	12	04220705	PHAN VĂN ĐẠI	Nam	20/08/1991	Tỉnh Nghệ An	Phẫu thuật tạo hình, thẩm mỹ	6.67	6.15		**12.82**	
1161	13	04221528	BÙI THỊ THỦY	Nữ	13/03/1987	Tỉnh Lai Châu	Phẫu thuật tạo hình, thẩm mỹ	7.29	5.15		**12.44**	
1162	14	04221467	SA HOÀNG LONG	Nam	16/12/1994	Tỉnh Yên Bái	Phẫu thuật tạo hình, thẩm mỹ	5.71	6.54		**12.25**	
1163	15	04221786	ĐỖ ĐỨC QUÝ	Nam	14/04/1993	TP Hà Nội	Phẫu thuật tạo hình, thẩm mỹ	7.00	5.04		**12.04**	
1164	16	04220957	NGUYỄN MINH HIỀN	Nữ	16/03/1987	TP Hà Nội	Phẫu thuật tạo hình, thẩm mỹ	6.56	4.77		**11.33**	
1165	17	04220534	HỨA MINH PHƯƠNG	Nam	07/04/1990	Tỉnh Tuyên Quan	Phẫu thuật tạo hình, thẩm mỹ	5.67	5.21		**10.88**	
1166	18	04221412	NGUYỄN HOÀNG BẢO GIANG	Nam	17/01/1989	Tỉnh Bắc Giang	Phẫu thuật tạo hình, thẩm mỹ	5.13	3.50		**8.63**	
1167	19	04220698	DƯƠNG NGUYỄN VIỆT ANH	Nam	19/09/1991	TP Hà Nội	Phẫu thuật tạo hình, thẩm mỹ	5.38	0.00		**5.38**	
1168	20	04220255	PHAN KIM NGỌC	Nữ	07/02/1994	Tỉnh Long An	Phẫu thuật tạo hình, thẩm mỹ	0.00	0.00		**0.00**	Không thi
1169	21	04221537	LÊ VĂN ƯỚC	Nam	15/07/1994	Tỉnh Hải Dương	Phẫu thuật tạo hình, thẩm mỹ	0.00	0.00		**0.00**	Không thi
1170	1	04220064	TRẦN THỊ TUYẾT MAI	Nữ	07/01/1992	CHLB Đức	Phục hồi chức năng	8.88	8.23		**17.11**	
1171	2	04221164	TRẦN THỊ NA	Nữ	10/02/1994	Tỉnh Nghệ An	Phục hồi chức năng	8.35	8.15		**16.50**	
1172	3	04220263	LÊ THỊ HẰNG	Nữ	25/01/1992	Tỉnh Thanh Hóa	Phục hồi chức năng	8.08	7.67		**15.75**	
1173	4	04220467	VŨ HOÀI THU	Nữ	26/12/1992	Tỉnh Tuyên Quan	Phục hồi chức năng	7.58	6.81	1.0	**15.39**	
1174	5	04221454	BÙI THỊ THÁI BÌNH	Nữ	23/08/1994	Tỉnh Hà Tĩnh	Phục hồi chức năng	8.06	7.31		**15.37**	
1175	6	04221064	BÙI THỊ HÀ GIANG	Nữ	27/06/1994	TP Hải Phòng	Phục hồi chức năng	8.13	7.23		**15.36**	
1176	7	04221905	CHẦU THỊ HƯƠNG	Nữ	10/10/1991	Tỉnh Tuyên Quan	Phục hồi chức năng	8.29	5.63	1.0	**14.92**	
1177	8	04220664	LÊ THỊ DUYÊN	Nữ	20/08/1991	Tỉnh Hà Giang	Phục hồi chức năng	7.81	6.08	1.0	**14.89**	
1178	9	04221436	CHẦU THỊ HẰNG	Nữ	20/06/1989	Tỉnh Tuyên Quan	Phục hồi chức năng	7.56	6.23	1.0	**14.79**	
1179	10	04220924	TRẦN THỊ KIM ANH	Nữ	11/09/1995	Tỉnh Thái Bình	Phục hồi chức năng	8.19	6.56		**14.75**	
1180	11	04221731	HOÀNG THỊ HƯƠNG GIANG	Nữ	18/11/1983	Tỉnh Thái Bình	Phục hồi chức năng	8.44	6.25		**14.69**	
1181	12	04221410	CHU PHẠM PHƯƠNG THẢO	Nữ	03/06/1995	Tỉnh Nghệ An	Phục hồi chức năng	7.92	6.58		**14.50**	
1182	13	04220172	HOÀNG THỊ KIM HƯỜNG	Nữ	09/09/1981	Tỉnh Phú Thọ	Phục hồi chức năng	7.42	5.85	1.0	**14.27**	
1183	14	04220637	BÙI THỊ NGÂN	Nữ	22/08/1994	TP Hải Phòng	Phục hồi chức năng	8.27	5.98		**14.25**	
1184	15	04220552	VI VIỆT KHA	Nam	09/07/1990	Tỉnh Bắc Kạn	Phục hồi chức năng	8.23	5.98		**14.21**	

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm C.Ngành	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
1185	16	04220639	PHẠM HẢI NAM	Nam	30/10/1988	Tỉnh Sơn La	Phục hồi chức năng	5.08	3.83	1.0	**9.91**	
1186	1	04221613	VI QUỐC HIẾU	Nam	02/08/1991	Tỉnh Phú Thọ	Răng - Hàm - Mặt	7.94	7.38	1.0	**16.32**	
1187	2	04221497	ĐINH THỊ THÚY AN	Nữ	10/07/1990	Tỉnh Ninh Bình	Răng - Hàm - Mặt	7.46	7.90		**15.36**	
1188	3	04220236	NGUYỄN DUY ĐỨC	Nam	22/08/1990	TP Hà Nội	Răng - Hàm - Mặt	7.17	7.94		**15.11**	
1189	4	04221512	TRẦN HƯƠNG LAM	Nữ	24/08/1990	Tỉnh Nghệ An	Răng - Hàm - Mặt	6.54	7.90		**14.44**	
1190	5	04220826	ĐÀO THỊ HIỀN ANH	Nữ	30/08/1994	TP Hà Nội	Răng - Hàm - Mặt	7.33	6.88		**14.21**	
1191	6	04221852	PHẠM HẢI YẾN	Nữ	27/02/1988	Tỉnh Hải Dương	Răng - Hàm - Mặt	7.13	6.90		**14.03**	
1192	7	04220812	HOÀNG THỊ HẠ	Nữ	26/10/1989	Tỉnh Hà Giang	Răng - Hàm - Mặt	6.29	6.52	1.0	**13.81**	
1193	8	04221588	NÔNG THỊ BÍCH PHƯƠNG	Nữ	13/02/1989	Tỉnh Lạng Sơn	Răng - Hàm - Mặt	6.94	5.81	1.0	**13.75**	
1194	9	04220556	NGUYỄN THỊ TRANG	Nữ	24/04/1996	Tỉnh Bắc Giang	Răng - Hàm - Mặt	7.58	5.48		**13.06**	
1195	10	04220852	PHẠM THỊ HƯỜNG	Nữ	20/10/1989	Tỉnh Hà Tĩnh	Răng - Hàm - Mặt	7.27	5.73		**13.00**	
1196	11	04221647	VŨ THỊ THU TRANG	Nữ	26/07/1990	Tỉnh Lào Cai	Răng - Hàm - Mặt	7.23	5.75		**12.98**	
1197	12	04221668	ĐÀO THỊ THU LINH	Nữ	05/02/1995	Tỉnh Hải Dương	Răng - Hàm - Mặt	6.56	5.94		**12.50**	
1198	13	04221651	PHẠM THU TRANG	Nữ	11/06/1990	Tỉnh Thanh Hóa	Răng - Hàm - Mặt	5.90	5.38	1.0	**12.28**	
1199	14	04221365	TRẦN THỊ QUỲNH NGA	Nữ	16/12/1986	Tỉnh Cao Bằng	Răng - Hàm - Mặt	5.92	5.31	1.0	**12.23**	
1200	15	04221008	TRẦN THỊ THÙY DƯƠNG	Nữ	26/09/1990	TP Hà Nội	Răng - Hàm - Mặt	7.02	5.13		**12.15**	
1201	16	04220359	TRỊNH THỊ ANH	Nữ	25/06/1993	Tỉnh Hải Dương	Răng - Hàm - Mặt	6.40	5.67		**12.07**	
1202	17	04220328	PHAN CAO THANH TÌNH	Nữ	02/06/1994	Tỉnh Thanh Hóa	Răng - Hàm - Mặt	6.98	5.00		**11.98**	
1203	18	04220278	NGUYỄN VĂN THẠCH	Nam	24/09/1988	Tỉnh Nam Định	Răng - Hàm - Mặt	6.19	5.71		**11.90**	
1204	19	04221274	NGUYỄN QUANG HÀ	Nam	08/10/1991	Tỉnh Nghệ An	Răng - Hàm - Mặt	6.02	5.42		**11.44**	
1205	20	04220524	BÙI TUẤN VŨ	Nam	22/03/1991	Tỉnh Hưng Yên	Răng - Hàm - Mặt	6.31	5.00		**11.31**	
1206	21	04220518	NGUYỄN HỮU LỘC	Nam	06/01/1993	Tỉnh Quảng Ngãi	Răng - Hàm - Mặt	6.50	4.73		**11.23**	
1207	22	04221299	NGUYỄN THU GIANG	Nữ	28/10/1990	TP Hà Nội	Răng - Hàm - Mặt	6.40	4.77		**11.17**	
1208	23	04221820	LÊ THỊ ĐÀO	Nữ	01/12/1992	TP Hà Nội	Răng - Hàm - Mặt	6.25	4.85		**11.10**	
1209	24	04221180	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LOAN	Nữ	10/04/1993	Tỉnh Hưng Yên	Răng - Hàm - Mặt	6.69	4.33		**11.02**	
1210	25	04220714	TRẦN THỊ PHƯƠNG	Nữ	18/01/1985	TP Hải Phòng	Răng - Hàm - Mặt	5.90	4.94		**10.84**	
1211	26	04221736	ĐÀO THUÝ HẰNG	Nữ	18/06/1996	Tỉnh Tuyên Quan	Răng - Hàm - Mặt	6.48	4.29		**10.77**	

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm C.Ngành	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
1212	27	04221587	TRẦN NGỌC SƠN	Nam	10/12/1991	Tỉnh Hà Tĩnh	Răng - Hàm - Mặt	6.21	4.02		**10.23**	
1213	28	04220098	NGUYỄN THỊ MINH LÝ	Nữ	06/02/1993	Tỉnh Phú Thọ	Răng - Hàm - Mặt	5.35	4.54		**9.89**	
1214	29	04220049	HÀ VĂN DU	Nam	20/02/1995	Tỉnh Thái Bình	Răng - Hàm - Mặt	5.44	3.88		**9.32**	
1215	30	04220827	TRẦN THỊ MINH	Nữ	22/02/1994	Tỉnh Thanh Hóa	Răng - Hàm - Mặt	5.92	3.31		**9.23**	
1216	31	04221131	HÀ THỊ NGUỒN	Nữ	19/08/1990	Tỉnh Thanh Hóa	Răng - Hàm - Mặt	5.17	3.96		**9.13**	
1217	32	04220212	BÙI QUANG ĐỒNG	Nam	28/12/1989	Tỉnh Thanh Hóa	Răng - Hàm - Mặt	5.50	3.58		**9.08**	
1218	33	04221176	NGUYỄN THỊ HÀ	Nữ	25/03/1993	Tỉnh Hải Dương	Răng - Hàm - Mặt	4.92	3.94		**8.86**	
1219	34	04220435	NGUYỄN MẠNH NGHĨA	Nam	15/12/1988	Tỉnh Thanh Hóa	Răng - Hàm - Mặt	4.25	3.96		**8.21**	
1220	35	04221298	NGÔ NGUYÊN TUẤN	Nam	18/01/1991	TP Hà Nội	Răng - Hàm - Mặt	4.77	3.10		**7.87**	
1221	36	04220389	CAO THỊ THANH TÂM	Nữ	14/01/1994	Tỉnh Nghệ An	Răng - Hàm - Mặt	0.00	0.00		**0.00**	Không thi
1222	37	04221050	LÊ THỊ THƯƠNG	Nữ	05/12/1989	Tỉnh Thanh Hóa	Răng - Hàm - Mặt	0.00	0.00		**0.00**	Không thi
1223	1	04220905	VŨ THỊ THU	Nữ	01/08/1995	Tỉnh Hà Nam	Sản phụ khoa	8.48	8.90		**17.38**	
1224	2	04220090	KIỀU VĂN CÔNG	Nam	25/12/1993	TP Hà Nội	Sản phụ khoa	8.06	7.98	1.0	**17.04**	
1225	3	04220434	BÙI THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	16/08/1993	Tỉnh Hòa Bình	Sản phụ khoa	7.81	7.90	1.0	**16.71**	
1226	4	04221384	LÊ NGỌC THỎA	Nam	23/06/1994	Tỉnh Phú Thọ	Sản phụ khoa	7.75	7.69	1.0	**16.44**	
1227	5	04220231	PHẠM THÀNH LUÂN	Nam	30/10/1990	Tỉnh Hưng Yên	Sản phụ khoa	7.96	8.40		**16.36**	
1228	6	04221480	PHAN THỊ QUÝ LINH	Nữ	26/11/1993	Tỉnh Hà Tĩnh	Sản phụ khoa	8.38	7.73		**16.11**	
1229	7	04220008	VŨ VĂN TÀI	Nam	02/01/1996	Tỉnh Hà Nam	Sản phụ khoa	8.13	7.90		**16.03**	
1230	8	04220091	NGUYỄN THỊ HƯƠNG VUI	Nữ	18/06/1991	Tỉnh Thanh Hóa	Sản phụ khoa	8.13	6.77	1.0	**15.90**	
1231	9	04220988	PHẠM THỊ HIÊN	Nữ	28/08/1992	Tỉnh Nam Định	Sản phụ khoa	7.90	7.88		**15.78**	
1232	10	04220242	LÊ VĂN THẮNG	Nam	26/01/1993	Tỉnh Hưng Yên	Sản phụ khoa	7.77	7.96		**15.73**	
1233	11	04220051	PHẠM ĐĂNG QUANG	Nam	31/10/1990	Tỉnh Bắc Ninh	Sản phụ khoa	8.17	7.52		**15.69**	
1234	12	04220845	MẠC ĐÌNH CẨM TÚ	Nữ	16/06/1995	Tỉnh Quảng Ninh	Sản phụ khoa	8.19	7.46		**15.65**	
1235	13	04221705	TRẦN THỊ THẢO	Nữ	20/09/1993	Tỉnh Thái Bình	Sản phụ khoa	7.81	7.79		**15.60**	
1236	14	04220123	HUỲNH THANH QUÂN	Nam	18/11/1990	Tỉnh Sơn La	Sản phụ khoa	7.71	6.88	1.0	**15.59**	
1237	15	04220058	NGUYỄN MẠNH TẦN	Nam	20/02/1991	Tỉnh Thái Bình	Sản phụ khoa	7.67	7.88		**15.55**	
1238	16	04220186	NGUYỄN DUY TUẤN	Nam	21/09/1991	Tỉnh Thanh Hóa	Sản phụ khoa	7.85	7.67		**15.52**	

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm C.Ngành	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
1239	17	04221923	PHẠM VĂN LƯỢNG	Nam	14/01/1990	TP Hà Nội	Sản phụ khoa	8.08	7.38		**15.46**	
1240	18	04220541	NGUYỄN VĂN SƠN	Nam	28/12/1991	Tỉnh Ninh Bình	Sản phụ khoa	7.44	7.92		**15.36**	
1241	19	04220194	NGUYỄN THỊ BÍCH NGÂN	Nữ	04/06/1993	Tỉnh Lào Cai	Sản phụ khoa	7.38	6.94	1.0	**15.32**	
1242	20	04221254	LÊ DUY NHẬT	Nam	25/01/1995	Tỉnh Thái Nguyê	Sản phụ khoa	7.60	7.69		**15.29**	
1243	21	04221581	VI VIỆT CHINH	Nam	15/09/1992	Tỉnh Lạng Sơn	Sản phụ khoa	7.75	6.52	1.0	**15.27**	
1244	22	04220184	NGUYỄN MẠNH HÙNG	Nam	18/08/1991	Tỉnh Vĩnh Phúc	Sản phụ khoa	7.96	7.15		**15.11**	
1245	23	04220025	NGUYỄN VĂN TÌNH	Nam	24/08/1992	Tỉnh Nam Định	Sản phụ khoa	7.75	7.29		**15.04**	
1246	24	04221082	PHẠM VĂN TUẤN	Nam	27/10/1995	Tỉnh Yên Bái	Sản phụ khoa	6.79	7.13	1.0	**14.92**	
1247	25	04221692	DƯƠNG THỊ HẠNH	Nữ	22/03/1995	TP Hà Nội	Sản phụ khoa	7.71	7.19		**14.90**	
1248	26	04221102	ĐẶNG THỊ THẢO LY	Nữ	12/11/1993	Tỉnh Nghệ An	Sản phụ khoa	7.73	7.15		**14.88**	
1249	27	04220306	HOÀNG NGỌC HÙNG	Nam	03/06/1993	Tỉnh Thanh Hóa	Sản phụ khoa	7.75	7.04		**14.79**	
1250	28	04220265	PHẠM THỊ HÀ	Nữ	25/07/1992	Tỉnh Hải Dương	Sản phụ khoa	7.44	7.31		**14.75**	
1251	29	04221707	LÊ ANH NGỌC	Nam	22/08/1994	Tỉnh Vĩnh Phúc	Sản phụ khoa	7.60	7.08		**14.68**	
1252	30	04221576	NGUYỄN THỊ HỒNG ÁNH	Nữ	22/08/1993	TP Hà Nội	Sản phụ khoa	7.77	6.88		**14.65**	
1253	31	04220009	LÊ VIẾT NGHĨA	Nam	22/03/1991	Tỉnh Bắc Ninh	Sản phụ khoa	7.58	7.00		**14.58**	
1254	32	04221291	VI VIỆT HÀ	Nữ	03/05/1993	Tỉnh Lạng Sơn	Sản phụ khoa	7.33	6.25	1.0	**14.58**	
1255	33	04220133	LÊ THỊ HẰNG	Nữ	21/03/1993	Tỉnh Nam Định	Sản phụ khoa	7.50	7.04		**14.54**	
1256	34	04220472	NGUYỄN THỊ KHÁNH HÒA	Nữ	01/12/1995	Tỉnh Nam Định	Sản phụ khoa	7.48	6.88		**14.36**	
1257	35	04220176	TRẦN LỆ THU	Nữ	06/07/1993	Tỉnh Thái Nguyê	Sản phụ khoa	7.54	6.81		**14.35**	
1258	36	04220724	NGUYỄN THỊ THANH HOÀN	Nữ	02/01/1993	Tỉnh Bắc Giang	Sản phụ khoa	7.92	6.42		**14.34**	
1259	37	04221154	NGUYỄN VĂN CÔNG	Nam	29/08/1990	Tỉnh Thanh Hóa	Sản phụ khoa	7.33	6.96		**14.29**	
1260	38	04221206	VŨ THUÝ LINH	Nữ	04/06/1994	TP Hà Nội	Sản phụ khoa	7.25	7.04		**14.29**	
1261	39	04221608	LẠI TRUNG ĐỨC	Nam	04/06/1991	Tỉnh Hòa Bình	Sản phụ khoa	7.23	6.00	1.0	**14.23**	
1262	40	04221481	TRẦN THỊ TRÂM	Nữ	14/12/1992	Tỉnh Thanh Hóa	Sản phụ khoa	7.23	6.98		**14.21**	
1263	41	04221271	ĐỖ THU HUYỀN	Nữ	27/08/1994	Tỉnh Hưng Yên	Sản phụ khoa	7.50	6.69		**14.19**	
1264	42	04221777	NGUYỄN ANH TUẤN	Nam	24/09/1993	Tỉnh Nghệ An	Sản phụ khoa	7.46	6.65		**14.11**	
1265	43	04221810	HỒ HẢI LINH	Nữ	24/12/1991	Tỉnh Thái Nguyê	Sản phụ khoa	7.44	6.67		**14.11**	

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm C.Ngành	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
1266	44	04220561	NGUYỄN THỊ THẮM	Nữ	15/06/1988	Tỉnh Bắc Ninh	Sản phụ khoa	7.92	6.17		**14.09**	
1267	45	04220337	HOÀNG VĂN SƠN	Nam	20/02/1992	Tỉnh Bắc Giang	Sản phụ khoa	6.88	7.19		**14.07**	
1268	46	04220078	ĐINH TRUNG VIỆT	Nam	15/05/1993	Tỉnh Bắc Giang	Sản phụ khoa	6.98	7.08		**14.06**	
1269	47	04221155	HOÀNG THỊ HẠNH	Nữ	19/02/1995	Tỉnh Hải Dương	Sản phụ khoa	7.13	6.92		**14.05**	
1270	48	04221249	HOÀNG THỊ BÍCH THIỆP	Nữ	12/05/1992	Tỉnh Phú Thọ	Sản phụ khoa	7.25	6.73		**13.98**	
1271	49	04220622	HOÀNG THỊ THU THỦY	Nữ	29/04/1993	Tỉnh Hải Dương	Sản phụ khoa	7.27	6.67		**13.94**	
1272	50	04220972	NGUYỄN THỊ MAI LINH	Nữ	23/05/1994	Tỉnh Nam Định	Sản phụ khoa	6.81	7.13		**13.94**	
1273	51	04221458	HOÀNG THỊ SƠN	Nữ	06/05/1991	Tỉnh Yên Bái	Sản phụ khoa	6.88	6.04	1.0	**13.92**	
1274	52	04221450	CAO VĂN VŨ	Nam	02/12/1990	Tỉnh Thanh Hóa	Sản phụ khoa	7.08	5.79	1.0	**13.87**	
1275	53	04220702	LÝ VĂN DƯƠNG	Nam	05/04/1990	Tỉnh Tuyên Quan	Sản phụ khoa	7.58	6.15		**13.73**	
1276	54	04221904	NGUYỄN HỒNG QUÂN	Nam	25/10/1990	Tỉnh Hà Giang	Sản phụ khoa	7.50	5.23	1.0	**13.73**	
1277	55	04220014	NGUYỄN NGỌC THƯƠNG	Nam	09/11/1989	Tỉnh Bắc Ninh	Sản phụ khoa	6.90	6.81		**13.71**	
1278	56	04221916	NGHIÊM XUÂN CHIẾN	Nam	03/09/1994	Tỉnh Vĩnh Phúc	Sản phụ khoa	7.31	6.35		**13.66**	
1279	57	04220585	NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	Nữ	13/03/1994	Tỉnh Hải Dương	Sản phụ khoa	7.73	5.92		**13.65**	
1280	58	04220168	PHẠM THẾ HÙNG	Nam	09/01/1992	Tỉnh Hải Dương	Sản phụ khoa	7.13	6.42		**13.55**	
1281	59	04221367	VŨ THỊ ĐÀO	Nữ	24/05/1990	Tỉnh Hà Nam	Sản phụ khoa	7.00	6.50		**13.50**	
1282	60	04220118	LỮ THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	26/10/1995	Tỉnh Nghệ An	Sản phụ khoa	6.54	5.96	1.0	**13.50**	
1283	61	04220643	BÙI THỊ HÀ	Nữ	02/07/1990	Tỉnh Cao Bằng	Sản phụ khoa	7.88	5.56		**13.44**	
1284	62	04220340	PHẠM TRUNG HIẾU	Nam	09/02/1992	Tỉnh Ninh Bình	Sản phụ khoa	7.77	5.67		**13.44**	
1285	63	04220923	NGUYỄN MẠNH TÙNG	Nam	24/09/1990	Tỉnh Hải Dương	Sản phụ khoa	7.35	6.06		**13.41**	
1286	64	04220591	ĐẶNG TIỂU MAI	Nữ	31/10/1991	Tỉnh Bắc Kạn	Sản phụ khoa	6.92	5.48	1.0	**13.40**	
1287	65	04220854	NGUYỄN THỊ HỒNG	Nữ	09/06/1987	Tỉnh Thanh Hóa	Sản phụ khoa	7.10	6.15		**13.25**	
1288	66	04221230	TẠ THỊ KHÁNH HÒA	Nữ	02/10/1994	Tỉnh Ninh Bình	Sản phụ khoa	7.58	5.65		**13.23**	
1289	67	04220919	TRƯƠNG KHÔI NGUYÊN	Nam	26/10/1993	Tỉnh Bắc Giang	Sản phụ khoa	7.88	5.21		**13.09**	
1290	68	04220749	ĐẶNG THỊ HỒNG THANH	Nữ	20/12/1987	Tỉnh Bắc Giang	Sản phụ khoa	7.06	5.92		**12.98**	
1291	69	04220072	MAI TRỌNG HIẾU	Nam	18/01/1988	Tỉnh Điện Biên	Sản phụ khoa	7.06	4.92	1.0	**12.98**	
1292	70	04221527	TRẦN HÀ TRANG	Nữ	01/05/1995	TP Hải Phòng	Sản phụ khoa	7.21	5.75		**12.96**	

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm C.Ngành	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
1293	71	04221763	NGUYỄN THỊ NHUNG	Nữ	25/09/1995	TP Hà Nội	Sản phụ khoa	7.71	5.23		**12.94**	
1294	72	04220558	ĐINH HỒNG ANH	Nam	26/04/1991	Tỉnh Bắc Ninh	Sản phụ khoa	7.40	5.52		**12.92**	
1295	73	04220444	TRỊNH THỊ VÂN	Nữ	12/09/1988	Tỉnh Lai Châu	Sản phụ khoa	7.13	4.75	1.0	**12.88**	
1296	74	04220318	TRẦN ĐỨC HÓA	Nam	02/06/1990	Tỉnh Hải Dương	Sản phụ khoa	7.02	5.85		**12.87**	
1297	75	04221414	NGUYỄN CHÍNH ĐƯỜNG	Nam	02/03/1992	TP Hà Nội	Sản phụ khoa	7.27	5.58		**12.85**	
1298	76	04221847	HÀ THỊ KIM	Nữ	24/04/1986	Tỉnh Tuyên Quan	Sản phụ khoa	7.21	4.58	1.0	**12.79**	
1299	77	04220791	NGUYỄN THỊ THU TRANG	Nữ	09/02/1993	Tỉnh An Giang	Sản phụ khoa	7.56	5.15		**12.71**	
1300	78	04221336	PHAN VIẾT THỐNG	Nam	19/05/1989	Tỉnh Nam Định	Sản phụ khoa	6.35	6.35		**12.70**	
1301	79	04220453	TRƯƠNG THỊ DINH	Nữ	14/05/1992	Tỉnh Thanh Hóa	Sản phụ khoa	6.79	5.90		**12.69**	
1302	80	04221550	LƯƠNG QUỐC TRỊNH	Nam	04/06/1994	Tỉnh Thái Nguyê	Sản phụ khoa	7.02	5.65		**12.67**	
1303	81	04220229	NGUYỄN NGỌC SƠN	Nam	26/08/1993	Tỉnh Hà Tĩnh	Sản phụ khoa	7.29	5.35		**12.64**	
1304	82	04221075	NGUYỄN HỮU VĂN	Nam	06/12/1990	Tỉnh Bắc Ninh	Sản phụ khoa	7.33	5.17		**12.50**	
1305	83	04220307	PHẠM BÁ THÀNH	Nam	10/01/1988	Tỉnh Ninh Bình	Sản phụ khoa	6.96	5.44		**12.40**	
1306	84	04220428	LÒ VĂN TÂM	Nam	31/12/1990	Tỉnh Điện Biên	Sản phụ khoa	6.48	4.88	1.0	**12.36**	
1307	85	04221364	NGUYỄN THỊ THỦY	Nữ	23/12/1982	TP Hà Nội	Sản phụ khoa	6.71	5.56		**12.27**	
1308	86	04221286	KHÚC THỊ PHƯỢNG	Nữ	27/07/1993	Tỉnh Thái Bình	Sản phụ khoa	7.21	4.96		**12.17**	
1309	87	04221167	HOÀNG THỊ HỒNG TRANG	Nữ	13/03/1992	Tỉnh Yên Bái	Sản phụ khoa	6.79	4.38	1.0	**12.17**	
1310	88	04220949	VŨ THỊ NGA	Nữ	02/11/1989	Tỉnh Bắc Giang	Sản phụ khoa	7.29	4.85		**12.14**	
1311	89	04221943	TRẦN THỊ KIM ANH	Nữ	06/01/1993	TP Hải Phòng	Sản phụ khoa	7.04	5.08		**12.12**	
1312	90	04220710	CAO THỊ THU HƯỜNG	Nữ	05/07/1991	Tỉnh Nghệ An	Sản phụ khoa	7.44	4.58		**12.02**	
1313	91	04221653	BÙI VŨ DŨNG	Nam	29/07/1993	Tỉnh Thái Bình	Sản phụ khoa	6.98	5.02		**12.00**	
1314	92	04221870	NGUYỄN TUẤN ANH	Nam	04/08/1987	Tỉnh Phú Thọ	Sản phụ khoa	6.67	4.33	1.0	**12.00**	
1315	93	04221398	HÁN THỊ LIÊN	Nữ	22/02/1990	Tỉnh Bắc Ninh	Sản phụ khoa	7.21	4.73		**11.94**	
1316	94	04221805	NGUYỄN THỊ BÌNH	Nữ	03/05/1990	Tỉnh Hà Nam	Sản phụ khoa	6.31	5.60		**11.91**	
1317	95	04220197	NÔNG KỲ SƠN	Nam	25/11/1990	Tỉnh Lào Cai	Sản phụ khoa	6.94	3.92	1.0	**11.86**	
1318	96	04221465	ĐẶNG VĂN HÀ	Nam	02/11/1994	Tỉnh Nghệ An	Sản phụ khoa	6.63	5.19		**11.82**	
1319	97	04221725	ĐỖ HỮU DŨNG	Nam	07/03/1995	Tỉnh Yên Bái	Sản phụ khoa	6.40	4.40	1.0	**11.80**	

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm C.Ngành	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
1320	98	04221363	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	Nữ	23/01/1996	Tỉnh Nam Định	Sản phụ khoa	6.46	5.31		**11.77**	
1321	99	04220748	NGUYỄN VIẾT TÙNG	Nam	16/01/1994	Tỉnh Thanh Hóa	Sản phụ khoa	6.17	5.56		**11.73**	
1322	100	04221669	TRẦN THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	25/10/1993	Tỉnh Thái Bình	Sản phụ khoa	7.58	4.08		**11.66**	
1323	101	04221177	NGUYỄN THỊ HUYỀN	Nữ	15/04/1990	Tỉnh Hà Giang	Sản phụ khoa	7.00	4.63		**11.63**	
1324	102	04220913	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	Nữ	20/11/1993	TP Hà Nội	Sản phụ khoa	7.02	4.60		**11.62**	
1325	103	04220977	CẦM THỊ MAI LOAN	Nữ	04/08/1993	Tỉnh Sơn La	Sản phụ khoa	6.79	3.79	1.0	**11.58**	
1326	104	04221264	NGUYỄN VĂN TRUNG THỰC	Nam	25/10/1992	Tỉnh Hải Dương	Sản phụ khoa	7.52	4.00		**11.52**	
1327	105	04220599	PHẠM THỊ QUỲNH ANH	Nữ	27/02/1991	Tỉnh Ninh Bình	Sản phụ khoa	6.94	4.54		**11.48**	
1328	106	04221683	TRẦN THỊ CHANH	Nữ	05/02/1990	Tỉnh Tuyên Quan	Sản phụ khoa	6.88	3.58	1.0	**11.46**	
1329	107	04221907	DIỆP THÙY LINH	Nữ	11/04/1995	Tỉnh Thái Nguyê	Sản phụ khoa	6.88	4.54		**11.42**	
1330	108	04221688	NGUYỄN VIỆT HÙNG	Nam	21/12/1993	Tỉnh Phú Thọ	Sản phụ khoa	7.35	4.02		**11.37**	
1331	109	04220175	KHUẤT THỊ HƯƠNG	Nữ	20/06/1988	TP Hà Nội	Sản phụ khoa	7.56	3.77		**11.33**	
1332	110	04221013	NGUYỄN THỊ BÍCH	Nữ	06/05/1995	Tỉnh Vĩnh Phúc	Sản phụ khoa	7.04	4.25		**11.29**	
1333	111	04221674	VŨ THẾ HOÀNG	Nam	10/02/1984	Tỉnh Hải Dương	Sản phụ khoa	6.69	4.46		**11.15**	
1334	112	04221096	NGUYỄN THỊ NGA	Nữ	21/05/1992	Tỉnh Hòa Bình	Sản phụ khoa	6.00	5.13		**11.13**	
1335	113	04220997	VŨ THỊ VÂN ANH	Nữ	06/03/1992	Tỉnh Bắc Giang	Sản phụ khoa	6.54	4.33		**10.87**	
1336	114	04221048	HỒ KHÁNH DUY	Nam	30/10/1995	Tỉnh Bắc Giang	Sản phụ khoa	6.73	3.88		**10.61**	
1337	115	04220075	NGUYỄN HẢI VÂN	Nữ	26/10/1993	TP Hải Phòng	Sản phụ khoa	6.85	3.75		**10.60**	
1338	116	04221754	DƯƠNG VIỆT BẮC	Nam	07/03/1991	Tỉnh Lạng Sơn	Sản phụ khoa	6.44	4.04		**10.48**	
1339	117	04221769	ĐÀO THỊ LOAN	Nữ	11/11/1990	Tỉnh Hải Dương	Sản phụ khoa	6.65	3.56		**10.21**	
1340	118	04221877	NGUYỄN THỊ THANH LAM	Nữ	21/08/1994	Tỉnh Thái Bình	Sản phụ khoa	6.75	3.44		**10.19**	
1341	119	04221238	ĐINH QUANG MINH HÒA	Nam	02/08/1987	Tỉnh Phú Thọ	Sản phụ khoa	6.35	3.75		**10.10**	
1342	120	04221606	NGÔ THỊ THU HOÀI	Nữ	01/05/1991	Tỉnh Bắc Ninh	Sản phụ khoa	6.56	3.50		**10.06**	
1343	121	04221139	NGUYỄN THIỀU THANH SƠN	Nam	28/04/1994	Tỉnh Bình Phước	Sản phụ khoa	6.08	3.94		**10.02**	
1344	122	04221018	HOÀNG THỊ VÂN	Nữ	27/01/1991	Tỉnh Thái Nguyê	Sản phụ khoa	5.85	3.19		**9.04**	
1345	123	04221691	NGUYỄN THỊ LÂM NGỌC	Nữ	25/09/1994	Tỉnh Lai Châu	Sản phụ khoa	5.31	3.63		**8.94**	
1346	124	04221019	NGUYỄN THỊ LAN ANH	Nữ	20/11/1984	TP Hà Nội	Sản phụ khoa	0.00	0.00		**0.00**	Không thi

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm C.Ngành	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
1347	125	04221764	TRẦN THỊ LÝ	Nữ	20/09/1985	Tỉnh Nghệ An	Sản phụ khoa	0.00	0.00		**0.00**	Không thi
1348	126	04221375	CHẢO THỊ THÚY NGA	Nữ	15/03/1986	Tỉnh Hà Giang	Sản phụ khoa	0.00	0.00		**0.00**	Không thi
1349	127	04221773	VÕ THỊ KIM SOA	Nữ	26/11/1992	Tỉnh Hà Tĩnh	Sản phụ khoa	0.00	0.00		**0.00**	Không thi
1350	128	04221702	PHAN THỊ THUẬN	Nữ	21/09/1994	Tỉnh Nghệ An	Sản phụ khoa	0.00	0.00		**0.00**	Không thi
1351	129	04220751	CAO THỊ YẾN	Nữ	03/03/1992	Tỉnh Nghệ An	Sản phụ khoa	0.00	0.00		**0.00**	Không thi
1352	1	04220088	VŨ QUỐC CƯỜNG	Nam	14/08/1996	Tỉnh Thái Bình	Tai - Mũi- Họng	8.77	9.38		**18.15**	
1353	2	04221552	LÊ MINH QUÂN	Nam	19/09/1994	Tỉnh Thanh Hóa	Tai - Mũi- Họng	8.85	8.33		**17.18**	
1354	3	04220739	MAI THỊ TÌNH	Nữ	11/02/1993	Tỉnh Thanh Hóa	Tai - Mũi- Họng	8.02	9.15		**17.17**	
1355	4	04220994	NGUYỄN THỊ NHUYẾN	Nữ	02/04/1992	Tỉnh Bắc Ninh	Tai - Mũi- Họng	8.63	8.48		**17.11**	
1356	5	04220215	LÊ XUÂN KHOA	Nam	11/01/1993	Tỉnh Thanh Hóa	Tai - Mũi- Họng	8.21	8.69		**16.90**	
1357	6	04220761	TRƯƠNG THỊ TÂM	Nữ	20/09/1991	Tỉnh Thanh Hóa	Tai - Mũi- Họng	8.29	7.56	1.0	**16.85**	
1358	7	04221256	NGUYỄN VĂN VIỆT	Nam	13/09/1992	Tỉnh Bắc Giang	Tai - Mũi- Họng	9.08	7.73		**16.81**	
1359	8	04220144	NGUYỄN CÔNG LƯƠNG	Nam	17/11/1981	TP Hà Nội	Tai - Mũi- Họng	7.65	8.13	1.0	**16.78**	
1360	9	04220796	DƯƠNG NHẬT ĐÔNG	Nam	08/01/1993	Tỉnh Hà Giang	Tai - Mũi- Họng	8.29	7.48	1.0	**16.77**	
1361	10	04221641	ĐỖ MINH HOÀN	Nam	16/06/1993	Tỉnh Phú Thọ	Tai - Mũi- Họng	8.50	8.19		**16.69**	
1362	11	04220227	NGUYỄN VĂN HẬU	Nam	24/01/1993	TP Hà Nội	Tai - Mũi- Họng	8.69	7.83		**16.52**	
1363	12	04221523	NGUYỄN KIM QUÂN	Nam	25/10/1992	Tỉnh Bắc Ninh	Tai - Mũi- Họng	8.21	7.94		**16.15**	
1364	13	04220607	PHẠM HUY BÌNH	Nam	05/11/1989	Tỉnh Hưng Yên	Tai - Mũi- Họng	8.58	7.56		**16.14**	
1365	14	04220224	THẾ THÙY LINH	Nữ	05/12/1993	TP Hà Nội	Tai - Mũi- Họng	8.56	7.31		**15.87**	
1366	15	04220097	NGUYỄN THỊ THU HÀ	Nữ	04/12/1992	TP Hà Nội	Tai - Mũi- Họng	8.02	7.60		**15.62**	
1367	16	04221489	TRẦN THU BÉ	Nữ	11/08/1993	Tỉnh Thái Nguyê	Tai - Mũi- Họng	7.94	7.63		**15.57**	
1368	17	04221369	NGUYỄN THỊ CẨM TRÀ	Nữ	12/04/1993	Tỉnh Hà Tĩnh	Tai - Mũi- Họng	8.71	6.85		**15.56**	
1369	18	04221221	TRIỆU ĐỨC TÚ	Nam	04/05/1992	Tỉnh Nam Định	Tai - Mũi- Họng	7.48	8.04		**15.52**	
1370	19	04220615	LƯƠNG THỊ BAN	Nữ	14/08/1991	Tỉnh Hà Giang	Tai - Mũi- Họng	7.42	6.73	1.0	**15.15**	
1371	20	04221293	TRẦN MINH TẤN	Nam	18/10/1985	Tỉnh Bắc Giang	Tai - Mũi- Họng	7.50	7.63		**15.13**	
1372	21	04220834	LƯƠNG ĐỨC TRUNG	Nam	15/02/1993	Tỉnh Yên Bái	Tai - Mũi- Họng	6.79	7.31	1.0	**15.10**	
1373	22	04220230	PHÙNG VĂN QUÝ	Nam	14/09/1994	Tỉnh Vĩnh Phúc	Tai - Mũi- Họng	7.33	7.69		**15.02**	

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm C.Ngành	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
1374	23	04220920	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	26/08/1989	Tỉnh Lào Cai	Tai - Mũi- Họng	7.38	6.63	1.0	**15.01**	
1375	24	04221403	TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	30/05/1994	TP Hà Nội	Tai - Mũi- Họng	8.48	6.50		**14.98**	
1376	25	04220291	HOÀNG MINH DƯƠNG	Nam	05/08/1995	Tỉnh Ninh Bình	Tai - Mũi- Họng	8.27	6.60		**14.87**	
1377	26	04220192	NGUYỄN THỊ HƯỜNG	Nữ	26/10/1990	Tỉnh Hà Giang	Tai - Mũi- Họng	8.35	6.50		**14.85**	
1378	27	04220939	LÊ BÁ HOÀN	Nam	04/11/1989	TP Hà Nội	Tai - Mũi- Họng	7.60	7.23		**14.83**	
1379	28	04220804	TRẦN THỊ KHÁNH HÒA	Nữ	19/12/1988	Tỉnh Bắc Giang	Tai - Mũi- Họng	7.58	7.19		**14.77**	
1380	29	04221267	TRẦN VĂN QUANG	Nam	01/09/1992	Tỉnh Nam Định	Tai - Mũi- Họng	7.85	5.85	1.0	**14.70**	
1381	30	04220341	CAO ĐỨC MẠNH	Nam	22/08/1995	Tỉnh Nghệ An	Tai - Mũi- Họng	6.85	7.83		**14.68**	
1382	31	04220016	NGÔ VIỆT LÀO	Nam	25/02/1990	Tỉnh Hưng Yên	Tai - Mũi- Họng	6.79	7.81		**14.60**	
1383	32	04220167	ĐỒNG THỊ UYÊN	Nữ	02/03/1994	Tỉnh Bắc Giang	Tai - Mũi- Họng	8.21	6.23		**14.44**	
1384	33	04220979	ĐỖ THỊ THOA	Nữ	18/06/1993	Tỉnh Hưng Yên	Tai - Mũi- Họng	7.27	7.17		**14.44**	
1385	34	04220495	NGUYỄN THỊ LƯƠNG	Nữ	11/02/1995	Tỉnh Bắc Giang	Tai - Mũi- Họng	7.60	6.81		**14.41**	
1386	35	04221281	PHẠM THỊ DIỄN	Nữ	31/10/1993	Tỉnh Hưng Yên	Tai - Mũi- Họng	8.50	5.88		**14.38**	
1387	36	04221118	PHAN QUÝ QUYỀN	Nam	15/07/1990	TP Hải Phòng	Tai - Mũi- Họng	7.96	6.40		**14.36**	
1388	37	04221788	ĐỒNG THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	12/08/1990	Tỉnh Hà Giang	Tai - Mũi- Họng	7.85	6.38		**14.23**	
1389	38	04221543	TRỊNH VĂN ĐẠI	Nam	18/08/1991	Tỉnh Hải Dương	Tai - Mũi- Họng	8.50	5.67		**14.17**	
1390	39	04220289	MAI CÔNG MINH TRÍ	Nam	20/11/1991	Tỉnh Hải Dương	Tai - Mũi- Họng	7.63	6.52		**14.15**	
1391	40	04221567	NGUYỄN KHẮC TRƯỜNG	Nam	19/05/1985	Tỉnh Bắc Ninh	Tai - Mũi- Họng	7.88	6.17		**14.05**	
1392	41	04221330	TRẦN KHÁNH TOÀN	Nam	23/12/1991	Tỉnh Hòa Bình	Tai - Mũi- Họng	7.63	5.42	1.0	**14.05**	
1393	42	04220226	NGUYỄN XUÂN DUY	Nam	18/10/1991	Tỉnh Thái Bình	Tai - Mũi- Họng	7.48	6.38		**13.86**	
1394	43	04220303	NGUYỄN HỮU DŨNG	Nam	04/11/1988	TP Hà Nội	Tai - Mũi- Họng	7.25	6.58		**13.83**	
1395	44	04220707	NGUYỄN VĂN DŨNG	Nam	10/03/1991	TP Hà Nội	Tai - Mũi- Họng	7.44	6.27		**13.71**	
1396	45	04221158	ĐÀO DUY MẠNH	Nam	09/10/1995	Tỉnh Thái Nguyê	Tai - Mũi- Họng	8.38	5.31		**13.69**	
1397	46	04220947	VŨ THỊ HÀ	Nữ	09/09/1987	Tỉnh Hải Dương	Tai - Mũi- Họng	6.92	5.60	1.0	**13.52**	
1398	47	04220925	LÊ MINH ĐỨC	Nam	25/05/1989	TP Hà Nội	Tai - Mũi- Họng	6.73	6.63		**13.36**	
1399	48	04220047	TRẦN THANH TOÀN	Nam	07/01/1991	Tỉnh Hòa Bình	Tai - Mũi- Họng	7.08	6.25		**13.33**	
1400	49	04221482	NGUYỄN HẢI YẾN	Nữ	10/10/1992	Tỉnh Phú Thọ	Tai - Mũi- Họng	7.46	5.83		**13.29**	

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm C.Ngành	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
1401	50	04220537	NGUYỄN TÚ ANH	Nữ	22/12/1994	TP Hà Nội	Tai - Mũi- Họng	7.90	5.38		**13.28**	
1402	51	04220559	LÊ THỊ KIỀU ANH	Nữ	21/05/1993	TP Hà Nội	Tai - Mũi- Họng	7.85	5.23		**13.08**	
1403	52	04220900	TRƯƠNG THỊ MY	Nữ	20/01/1994	Tỉnh Thanh Hóa	Tai - Mũi- Họng	7.15	5.77		**12.92**	
1404	53	04221172	PHẠM THỊ THU HUYỀN	Nữ	05/07/1991	Tỉnh Thanh Hóa	Tai - Mũi- Họng	7.58	5.29		**12.87**	
1405	54	04220527	TRẦN QUỐC ĐẠT	Nam	21/10/1993	Tỉnh Hưng Yên	Tai - Mũi- Họng	7.15	5.69		**12.84**	
1406	55	04220048	ĐỖ ĐỨC TÂM	Nam	13/02/1987	Tỉnh Điện Biên	Tai - Mũi- Họng	7.10	5.56		**12.66**	
1407	56	04220238	LÊ VIỆT DŨNG	Nam	13/09/1996	Tỉnh Thanh Hóa	Tai - Mũi- Họng	7.00	5.29		**12.29**	
1408	57	04220562	DƯƠNG NGỌC TUẤN	Nam	14/11/1993	Tỉnh Thái Bình	Tai - Mũi- Họng	7.65	4.56		**12.21**	
1409	58	04220765	ĐỖ THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	10/07/1994	Tỉnh Bắc Giang	Tai - Mũi- Họng	7.21	4.83		**12.04**	
1410	59	04220037	ĐỖ ĐÌNH KHẢI	Nam	25/10/1993	TP Hà Nội	Tai - Mũi- Họng	7.38	4.54		**11.92**	
1411	60	04221600	NGUYỄN VĂN QUANG	Nam	04/03/1993	Tỉnh Bắc Giang	Tai - Mũi- Họng	7.85	4.02		**11.87**	
1412	61	04221749	TRẦN HỒNG NHUNG	Nữ	08/06/1988	Tỉnh Lạng Sơn	Tai - Mũi- Họng	6.17	4.63	1.0	**11.80**	
1413	62	04221586	BÙI XUÂN HÒA	Nam	26/02/1987	Tỉnh Hà Giang	Tai - Mũi- Họng	7.13	3.56	1.0	**11.69**	
1414	63	04220305	LÊ VĂN TRUNG	Nam	01/06/1984	Tỉnh Hưng Yên	Tai - Mũi- Họng	6.98	4.63		**11.61**	
1415	64	04220452	PHẠM KHẮC HẢI	Nam	03/04/1989	Tỉnh Hải Dương	Tai - Mũi- Họng	7.08	4.48		**11.56**	
1416	65	04221680	NGUYỄN TRUNG ĐỨC	Nam	12/07/1992	TP Hà Nội	Tai - Mũi- Họng	7.04	4.52		**11.56**	
1417	66	04220981	TRẦN THỊ NHUNG QUẾ	Nữ	18/09/1990	Tỉnh Quảng Bình	Tai - Mũi- Họng	5.31	5.23	1.0	**11.54**	
1418	67	04221188	HÀ THỊ KIM MƯỜI	Nữ	14/01/1988	Tỉnh Yên Bái	Tai - Mũi- Họng	5.94	5.40		**11.34**	
1419	68	04221218	KHỔNG THỊ THIÊN HƯƠNG	Nữ	01/11/1992	Tỉnh Bắc Ninh	Tai - Mũi- Họng	6.15	5.13		**11.28**	
1420	69	04220941	ĐỖ ĐỨC ANH	Nam	11/12/1991	TP Hải Phòng	Tai - Mũi- Họng	6.85	4.02		**10.87**	
1421	70	04220343	ĐẶNG THỊ HUỆ	Nữ	20/04/1994	Tỉnh Thái Nguyê	Tai - Mũi- Họng	5.38	4.21	1.0	**10.59**	
1422	71	04220926	VŨ THANH THỦY	Nữ	01/03/1986	Tỉnh Thái Bình	Tai - Mũi- Họng	6.33	3.69		**10.02**	
1423	72	04220521	NGUYỄN MẠNH TUẤN	Nam	09/06/1987	Tỉnh Thanh Hóa	Tai - Mũi- Họng	5.50	3.94		**9.44**	
1424	73	04220668	LÂM THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	13/09/1987	Tỉnh Cao Bằng	Tai - Mũi- Họng	5.15	3.42		**8.57**	
1425	74	04221856	NGUYỄN TIẾN ĐỨC	Nam	30/04/1985	Tỉnh Phú Thọ	Tai - Mũi- Họng	4.81	3.31		**8.12**	
1426	75	04220417	TRẦN THẾ MẠNH	Nam	03/05/1995	Tỉnh Tuyên Quan	Tai - Mũi- Họng	5.75	2.33		**8.08**	
1427	76	04221148	NGUYỄN CHUNG THÀNH	Nam	17/04/1992	Tỉnh Sơn La	Tai - Mũi- Họng	0.00	0.00	1.0	**1.00**	Không thi

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm C.Ngành	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
1428	77	04221876	NGUYỄN HUYỀN TRANG	Nữ	14/05/1994	Tỉnh Thái Bình	Tai - Mũi- Họng	0.00	0.00		**0.00**	Không thi
1429	78	04220587	NGUYỄN MẠNH DŨNG	Nam	19/10/1984	Tỉnh Hải Dương	Tai - Mũi- Họng	0.00	0.00		**0.00**	Không thi
1430	79	04221917	PHẠM ANH DŨNG	Nam	24/03/1993	TP Hà Nội	Tai - Mũi- Họng	0.00	0.00		**0.00**	Không thi
1431	80	04220832	QUÁCH XUÂN LOAN	Nam	18/04/1985	TP Hải Phòng	Tai - Mũi- Họng	0.00	0.00		**0.00**	Không thi
1432	1	04221262	LÊ THỊ THU NGUYỆT	Nữ	17/09/1995	Tỉnh Thanh Hóa	Tâm thần	7.40	6.85		**14.25**	
1433	2	04220967	TRẦN THỊ HUẾ	Nữ	20/03/1984	Tỉnh Thanh Hóa	Tâm thần	6.85	6.19		**13.04**	
1434	3	04221231	NGUYỄN THỊ HUẾ	Nữ	25/09/1993	TP Hà Nội	Tâm thần	6.56	5.98		**12.54**	
1435	4	04221644	LÔI THỊ CHI	Nữ	31/10/1991	Tỉnh Bắc Kạn	Tâm thần	5.90	5.42	1.0	**12.32**	
1436	5	04220778	LÊ THÙY LINH	Nữ	07/03/1993	Tỉnh Thanh Hóa	Tâm thần	6.77	5.44		**12.21**	
1437	6	04221143	TRƯƠNG HỒNG VINH	Nam	13/11/1985	Tỉnh Quảng Ninh	Tâm thần	5.06	5.71	1.0	**11.77**	
1438	7	04220036	LÒ VĂN LÂM	Nam	27/09/1986	Tỉnh Điện Biên	Tâm thần	5.31	5.04	1.0	**11.35**	
1439	8	04221377	ĐINH VĂN QUANG	Nam	15/06/1966	TP Hà Nội	Tâm thần	5.75	4.60		**10.35**	
1440	9	04221085	TẠ THỊ PHƯƠNG LAN	Nữ	19/07/1993	TP Hà Nội	Tâm thần	5.10	5.08		**10.18**	
1441	10	04221160	ĐOÀN KIÊN CƯỜNG	Nam	14/05/1987	Tỉnh Quảng Ninh	Tâm thần	4.60	4.21	1.0	**9.81**	
1442	1	04221026	NGÔ THỊ NGỌC	Nữ	10/07/1992	Tỉnh Lào Cai	Thần kinh	9.52	7.96	1.0	**18.48**	
1443	2	04221490	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	Nữ	12/10/1988	Tỉnh Sơn La	Thần kinh	9.23	8.10	1.0	**18.33**	
1444	3	04221605	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	Nữ	28/02/1995	TP Hà Nội	Thần kinh	9.65	8.54		**18.19**	
1445	4	04220927	PHẠM THỊ LAN ANH	Nữ	08/12/1992	Tỉnh Ninh Bình	Thần kinh	9.60	7.79		**17.39**	
1446	5	04221121	NGUYỄN THANH TÙNG	Nam	02/05/1993	Tỉnh Nam Định	Thần kinh	9.44	7.90		**17.34**	
1447	6	04221570	BẾ THỊ HOÀI THƯƠNG	Nữ	21/01/1993	Tỉnh Quảng Ninh	Thần kinh	9.60	7.50		**17.10**	
1448	7	04221234	TRƯƠNG ĐÌNH THỐNG	Nam	24/08/1994	Tỉnh Nghệ An	Thần kinh	9.25	7.46		**16.71**	
1449	8	04220360	PHAN THỊ NHUNG	Nữ	03/12/1992	Tỉnh Ninh Bình	Thần kinh	8.92	7.75		**16.67**	
1450	9	04221287	TRẦN NGỌC QUANG	Nam	07/05/1992	Tỉnh Thái Bình	Thần kinh	9.33	7.04		**16.37**	
1451	10	04221401	NGUYỄN THỊ THU TRANG	Nữ	02/08/1991	Tỉnh Ninh Bình	Thần kinh	9.19	7.15		**16.34**	
1452	11	04221871	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	Nữ	29/04/1991	Tỉnh Bắc Giang	Thần kinh	9.02	7.13		**16.15**	
1453	12	04221092	PHẠM VĂN TUÂN	Nam	30/03/1989	Tỉnh Nam Định	Thần kinh	9.27	6.69		**15.96**	
1454	13	04220917	NGUYỄN HIỀN TRANG	Nữ	06/04/1995	Tỉnh Nghệ An	Thần kinh	8.94	6.56		**15.50**	

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm C.Ngành	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
1455	14	04221374	GIÀNG A CHỨ	Nam	08/04/1987	Tỉnh Điện Biên	Thần kinh	7.46	4.75	1.0	**13.21**	
1456	15	04221459	TRẦN QUỐC HUY	Nam	14/08/1994	Tỉnh Thái Nguyê	Thần kinh	7.02	5.56		**12.58**	
1457	1	04221950	HOÀNG THỊ THUÝ MAI	Nữ	27/06/1987	Tỉnh Lào Cai	Truyền nhiễm & CBNĐ	8.54	7.40	1.0	**16.94**	
1458	2	04220571	NGÔ THỊ THANH HUYỀN	Nữ	20/11/1993	Tỉnh Lào Cai	Truyền nhiễm & CBNĐ	8.90	7.90		**16.80**	
1459	3	04220966	NGUYỄN THỊ HIẾU	Nữ	26/12/1993	Tỉnh Hưng Yên	Truyền nhiễm & CBNĐ	8.83	7.73		**16.56**	
1460	4	04221351	PHẠM VĂN NGÀ	Nam	21/06/1990	Tỉnh Hải Dương	Truyền nhiễm & CBNĐ	8.81	7.46		**16.27**	
1461	5	04221181	DOÃN VŨ LINH	Nam	12/10/1988	Tỉnh Nam Định	Truyền nhiễm & CBNĐ	8.17	7.85		**16.02**	
1462	6	04221260	VŨ THỊ THANH HƯƠNG	Nữ	15/04/1993	Tỉnh Thái Nguyê	Truyền nhiễm & CBNĐ	7.98	7.77		**15.75**	
1463	7	04220398	LƯU HOÀI GIANG	Nữ	04/12/1993	Tỉnh Yên Bái	Truyền nhiễm & CBNĐ	7.88	6.83	1.0	**15.71**	
1464	8	04220624	TRẦN THỊ PHƯƠNG	Nữ	07/10/1985	Tỉnh Vĩnh Phúc	Truyền nhiễm & CBNĐ	7.73	7.67		**15.40**	
1465	9	04221483	TRỊNH THỊ THẢO	Nữ	30/06/1994	Tỉnh Nghệ An	Truyền nhiễm & CBNĐ	8.27	7.10		**15.37**	
1466	10	04221394	TRẦN VĂN NGHĨA	Nam	29/12/1994	Tỉnh Nghệ An	Truyền nhiễm & CBNĐ	8.33	6.60		**14.93**	
1467	11	04220645	TRẦN ĐỨC ĐIỀM	Nam	15/08/1984	Tỉnh Điện Biên	Truyền nhiễm & CBNĐ	7.83	6.08	1.0	**14.91**	
1468	12	04221423	ĐÀO TIẾN ĐIỆN	Nam	07/10/1993	Tỉnh Bắc Ninh	Truyền nhiễm & CBNĐ	8.17	6.69		**14.86**	
1469	13	04221427	LÊ THỊ NGỌC HOÀNG	Nữ	16/05/1984	Tỉnh Lạng Sơn	Truyền nhiễm & CBNĐ	7.48	6.33	1.0	**14.81**	
1470	14	04221548	NGUYỄN TRỌNG THÀNH	Nam	30/05/1991	TP Hà Nội	Truyền nhiễm & CBNĐ	8.25	6.21		**14.46**	
1471	15	04221696	ĐẶNG THỊ THANH TÂM	Nữ	02/01/1993	Tỉnh Phú Thọ	Truyền nhiễm & CBNĐ	7.21	7.21		**14.42**	
1472	16	04220632	CHU XUÂN ANH	Nam	01/11/1981	Tỉnh Hải Dương	Truyền nhiễm & CBNĐ	7.44	6.75		**14.19**	
1473	17	04221659	TRẦN THỊ DUNG	Nữ	02/09/1989	Tỉnh Thanh Hóa	Truyền nhiễm & CBNĐ	7.08	6.50		**13.58**	
1474	18	04220530	PHÙNG DANH ĐÀI	Nam	05/10/1984	Tỉnh Hải Dương	Truyền nhiễm & CBNĐ	6.98	6.52		**13.50**	
1475	19	04221697	ĐÀO THỊ NGUYÊN	Nữ	12/08/1986	Tỉnh Hưng Yên	Truyền nhiễm & CBNĐ	6.54	5.92	1.0	**13.46**	
1476	20	04221447	BÙI TRUNG VINH	Nam	05/07/1987	Tỉnh Hưng Yên	Truyền nhiễm & CBNĐ	7.15	6.06		**13.21**	
1477	21	04220800	QUÀNG THỊ KIỀU	Nữ	29/04/1992	Tỉnh Sơn La	Truyền nhiễm & CBNĐ	6.67	5.31	1.0	**12.98**	
1478	22	04220433	TÒNG VĂN NGOẠI	Nam	07/07/1988	Tỉnh Điện Biên	Truyền nhiễm & CBNĐ	6.67	5.31	1.0	**12.98**	
1479	23	04220685	NGUYỄN VĂN QUYỀN	Nam	03/07/1981	Tỉnh Thái Bình	Truyền nhiễm & CBNĐ	7.00	4.92	1.0	**12.92**	
1480	24	04221636	ĐỖ THỊ TƯƠI	Nữ	10/09/1983	Tỉnh Vĩnh Phúc	Truyền nhiễm & CBNĐ	6.88	5.96		**12.84**	
1481	25	04221433	HOÀNG THỊ DẦU	Nữ	27/12/1985	Tỉnh Tuyên Quan	Truyền nhiễm & CBNĐ	7.42	4.85		**12.27**	

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm C.Ngành	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
1482	26	04221415	HÀ MINH TUẤN	Nam	28/07/1984	Tỉnh Yên Bái	Truyền nhiễm & CBNĐ	6.27	5.00	1.0	**12.27**	
1483	27	04221391	DƯƠNG THỊ PHƯỢNG	Nữ	02/08/1985	Tỉnh Tuyên Quan	Truyền nhiễm & CBNĐ	6.65	4.60	1.0	**12.25**	
1484	28	04221448	MAI THẾ VIỆT	Nam	24/05/1980	TP Hà Nội	Truyền nhiễm & CBNĐ	6.69	4.25		**10.94**	
1485	29	04221748	NGUYỄN VĂN HÙNG	Nam	23/01/1980	TP Hà Nội	Truyền nhiễm & CBNĐ	5.71	3.75		**9.46**	
1486	1	04220492	NGUYỄN THỊ HỒNG NINH	Nữ	05/01/1990	Tỉnh Vĩnh Phúc	Ung thư	9.00	9.37		**18.37**	
1487	2	04221601	NGUYỄN HỮU ỨNG	Nam	16/10/1992	Tỉnh Hưng Yên	Ung thư	8.69	9.37		**18.06**	
1488	3	04221088	DƯƠNG THÙY TRANG	Nữ	10/03/1993	Tỉnh Thanh Hóa	Ung thư	8.25	9.37		**17.62**	
1489	4	04221472	NGUYỄN AN HẢI	Nữ	27/02/1985	Tỉnh Cao Bằng	Ung thư	7.04	9.37	1.0	**17.41**	
1490	5	04220148	NGUYỄN THỊ QUYÊN	Nữ	01/10/1986	TP Hà Nội	Ung thư	8.40	8.93		**17.33**	
1491	6	04221521	PHẠM QUANG PHÚC	Nam	25/12/1995	Tỉnh Bắc Giang	Ung thư	7.98	9.26		**17.24**	
1492	7	04221128	BÙI VĂN CHIỀU	Nam	02/06/1990	Tỉnh Thái Bình	Ung thư	8.15	8.99		**17.14**	
1493	8	04221191	BÙI THIÊN CƯỜNG	Nam	20/11/1995	Tỉnh Hà Tĩnh	Ung thư	8.27	8.70		**16.97**	
1494	9	04220563	PHẠM ĐÌNH QUANG	Nam	04/08/1994	Tỉnh Thanh Hóa	Ung thư	7.56	9.41		**16.97**	
1495	10	04220822	NGUYỄN THỊ KIM THÚY	Nữ	20/08/1987	Tỉnh Yên Bái	Ung thư	7.52	8.38	1.0	**16.90**	
1496	11	04220851	NGUYỄN HUY THÀNH	Nam	15/05/1993	TP Hà Nội	Ung thư	8.21	8.51		**16.72**	
1497	12	04220281	NGUYỄN THỊ THANH HOA	Nữ	31/10/1994	TP Hải Phòng	Ung thư	8.08	8.55		**16.63**	
1498	13	04220961	ĐOÀN THỊ QUYÊN	Nữ	13/04/1977	Tỉnh Bắc Giang	Ung thư	7.58	9.03		**16.61**	
1499	14	04220252	CHU ĐỨC HÙNG	Nam	28/09/1992	TP Hà Nội	Ung thư	7.35	9.22		**16.57**	
1500	15	04220181	NGUYỄN THỊ THẢO	Nữ	12/09/1990	Tỉnh Thanh Hóa	Ung thư	7.71	8.84		**16.55**	
1501	16	04220682	PHẠM THỊ PHƯƠNG	Nữ	23/12/1992	Tỉnh Ninh Bình	Ung thư	7.60	8.95		**16.55**	
1502	17	04220464	TRẦN BÙI TRỌNG THANH	Nam	24/05/1984	Tỉnh Nam Định	Ung thư	7.73	8.61		**16.34**	
1503	18	04220729	VŨ THỊ ĐỨC	Nữ	07/07/1989	Tỉnh Bắc Giang	Ung thư	8.00	8.24		**16.24**	
1504	19	04220907	NGUYỄN THỊ THỦY	Nữ	06/06/1992	Tỉnh Thanh Hóa	Ung thư	8.04	8.17		**16.21**	
1505	20	04220017	DƯƠNG THỊ MINH THIỆN	Nữ	03/11/1991	Tỉnh Nghệ An	Ung thư	7.58	8.61		**16.19**	
1506	21	04220442	MA KHÁNH TRƯỜNG	Nam	12/05/1994	Tỉnh Lạng Sơn	Ung thư	7.35	8.80		**16.15**	
1507	22	04221371	LÊ VĂN HÙNG	Nam	25/12/1993	Tỉnh Thanh Hóa	Ung thư	6.88	9.22		**16.10**	
1508	23	04220262	NGUYỄN THỊ LAN ANH	Nữ	05/10/1993	Tỉnh Thanh Hóa	Ung thư	6.92	8.91		**15.83**	

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm C.Ngành	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
1509	24	04220054	PHẠM THỊ THU HÀ	Nữ	30/10/1989	Tỉnh Phú Thọ	Ung thư	7.69	8.05		**15.74**	
1510	25	04220570	TRẦN VĂN DƯƠNG	Nam	08/03/1991	Tỉnh Hà Giang	Ung thư	6.85	7.86	1.0	**15.71**	
1511	26	04221407	NGUYỄN ĐỨC ANH	Nam	16/01/1992	Tỉnh Vĩnh Phúc	Ung thư	7.40	8.19		**15.59**	
1512	27	04221792	LÊ THỊ ĐỨC QUỲNH	Nữ	05/08/1995	Tỉnh Hà Tĩnh	Ung thư	7.60	7.96		**15.56**	
1513	28	04220499	ĐỖ VĂN THÀNH	Nam	21/01/1988	Tỉnh Hải Dương	Ung thư	7.00	8.55		**15.55**	
1514	29	04221821	TỐNG THỊ HUYỀN	Nữ	26/12/1992	TP Hà Nội	Ung thư	7.40	7.65		**15.05**	
1515	30	04221803	PHẠM VĂN HOÀN	Nam	05/10/1988	Tỉnh Ninh Bình	Ung thư	7.38	7.58		**14.96**	
1516	31	04221305	TRẦN THỊ CHÍNH	Nữ	03/06/1992	Tỉnh Bắc Giang	Ung thư	6.98	7.84		**14.82**	
1517	32	04221338	NGUYỄN HIẾU TRUNG	Nam	25/02/1990	Tỉnh Thái Bình	Ung thư	6.67	8.09		**14.76**	
1518	33	04221621	VŨ THỊ THỦY	Nữ	20/01/1993	Tỉnh Hưng Yên	Ung thư	7.10	7.52		**14.62**	
1519	34	04221031	NGUYỄN MẠNH LỢI	Nam	11/01/1994	Tỉnh Hưng Yên	Ung thư	7.56	6.81		**14.37**	
1520	35	04221858	VŨ DUY TÂN	Nam	01/11/1990	Tỉnh Bắc Giang	Ung thư	6.85	7.12		**13.97**	
1521	36	04221787	DƯƠNG KHÁNH CHI	Nữ	22/04/1991	Tỉnh Nam Định	Ung thư	6.77	6.83		**13.60**	
1522	37	04220260	TRẦN TUẤN ANH	Nam	23/10/1989	Tỉnh Nghệ An	Ung thư	6.42	6.83		**13.25**	
1523	38	04221815	KIỀU THỊ DIỄM THU	Nữ	08/01/1992	Tỉnh Tuyên Quan	Ung thư	6.29	5.57	1.0	**12.86**	
1524	39	04220787	HOÀNG THỊ OANH	Nữ	01/10/1979	Tỉnh Bắc Giang	Ung thư	6.44	5.46		**11.90**	
1525	40	04221021	NGUYỄN THÁI BẢO	Nam	27/10/1987	Tỉnh Hà Giang	Ung thư	4.71	4.89	1.0	**10.60**	
1526	41	04220680	VŨ NGỌC THỨC	Nam	26/01/1994	Tỉnh Ninh Bình	Ung thư	0.00	0.00		**0.00**	Không thi
1527	1	04221163	PHẠM THỊ THIẾT	Nữ	05/10/1992	Tỉnh Thanh Hóa	Vi sinh y học	7.46	5.88		**13.34**	
1528	2	04220679	CHU THỊ HUYỀN	Nữ	26/08/1992	Tỉnh Bắc Ninh	Vi sinh y học	7.02	6.19		**13.21**	
1529	3	04221518	CAO THỊ KIM BĂNG	Nữ	16/07/1992	Tỉnh Nghệ An	Vi sinh y học	6.54	5.98		**12.52**	
1530	4	04220795	PHẠM THÙY LINH	Nữ	10/12/1989	Tỉnh Hà Giang	Vi sinh y học	5.92	4.83	1.0	**11.75**	
1531	5	04220368	VŨ THANH HUYỀN	Nữ	24/05/1987	Tỉnh Hải Dương	Vi sinh y học	0.00	0.00		**0.00**	Không thi
1532	1	04221625	NGUYỄN THỊ XIÊM	Nữ	21/11/1992	Tỉnh Lai Châu	Y học cổ truyền	8.81	8.06	1.0	**17.87**	
1533	2	04220107	ĐÀO DUYÊN THẢO	Nữ	04/03/1994	Tỉnh Sơn La	Y học cổ truyền	8.65	7.75	1.0	**17.40**	
1534	3	04220027	ĐỖ THỊ LỆ QUYÊN	Nữ	22/11/1991	Tỉnh Ninh Bình	Y học cổ truyền	9.33	7.88		**17.21**	
1535	4	04220362	QUẾ VĂN HÙNG	Nam	16/11/1991	Tỉnh Nghệ An	Y học cổ truyền	9.06	7.92		**16.98**	

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm C.Ngành	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
1536	5	04221823	HOÀNG ĐỨC ĐẠT	Nam	05/12/1991	TP Hà Nội	Y học cổ truyền	8.85	7.98		**16.83**	
1537	6	04220505	NGUYỄN THỊ LUYẾN	Nữ	19/02/1991	Tỉnh Hải Dương	Y học cổ truyền	9.19	7.54		**16.73**	
1538	7	04221400	TRẦN THỊ ANH	Nữ	06/04/1993	Tỉnh Vĩnh Phúc	Y học cổ truyền	8.63	7.85		**16.48**	
1539	8	04220653	VŨ THỊ THANH LOAN	Nữ	22/12/1995	Tỉnh Thái Nguyê	Y học cổ truyền	8.81	7.27		**16.08**	
1540	9	04221138	LÊ THỊ THỦY	Nữ	21/11/1994	Tỉnh Thanh Hóa	Y học cổ truyền	8.54	7.44		**15.98**	
1541	10	04220411	NGUYỄN PHÚC TÙNG ANH	Nam	02/02/1996	Tỉnh Thái Nguyê	Y học cổ truyền	8.73	7.13		**15.86**	
1542	11	04221682	BÙI ĐỨC QUẢNG	Nam	14/07/1990	Tỉnh Nghệ An	Y học cổ truyền	8.27	7.38		**15.65**	
1543	12	04220783	HOÀNG THỊ THANH HUYỀN	Nữ	04/11/1989	TP Hà Nội	Y học cổ truyền	8.21	7.19		**15.40**	
1544	13	04221255	ĐÀO THỊ CÚC	Nữ	27/07/1986	Tỉnh Ninh Bình	Y học cổ truyền	8.54	6.75		**15.29**	
1545	14	04221727	ĐÀM THỊ BAN	Nữ	03/07/1991	Tỉnh Cao Bằng	Y học cổ truyền	7.79	6.48	1.0	**15.27**	
1546	15	04221366	DƯƠNG THỊ LY	Nữ	09/10/1987	Tỉnh Thái Nguyê	Y học cổ truyền	8.29	6.90		**15.19**	
1547	16	04220903	ĐỖ THÙY LINH	Nữ	27/09/1988	Tỉnh Hưng Yên	Y học cổ truyền	8.17	6.98		**15.15**	
1548	17	04220502	HOÀNG THỊ MINH CHI	Nữ	26/08/1991	Tỉnh Quảng Ninh	Y học cổ truyền	7.98	7.04		**15.02**	
1549	18	04220792	ĐỖ THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	24/01/1989	Tỉnh Thanh Hóa	Y học cổ truyền	8.33	6.67		**15.00**	
1550	19	04220757	BÙI THỊ THU HƯƠNG	Nữ	18/01/1991	Tỉnh Thái Bình	Y học cổ truyền	7.33	6.67	1.0	**15.00**	
1551	20	04221110	PHẠM MINH TẤN	Nam	13/10/1989	Tỉnh Phú Thọ	Y học cổ truyền	8.58	6.35		**14.93**	
1552	21	04221825	NGUYỄN BÌNH MINH	Nam	16/06/1996	Tỉnh Điện Biên	Y học cổ truyền	8.44	6.48		**14.92**	
1553	22	04220436	NGUYỄN TRỌNG HÀ	Nam	23/08/1994	TP Hà Nội	Y học cổ truyền	7.75	7.15		**14.90**	
1554	23	04220951	TRẦN BẢO QUỐC	Nam	04/06/1993	Tỉnh Quảng Bình	Y học cổ truyền	8.15	6.67		**14.82**	
1555	24	04221393	CHU VĂN HAI	Nam	02/12/1990	Tỉnh Phú Thọ	Y học cổ truyền	7.38	6.38	1.0	**14.76**	
1556	25	04221175	NGUYỄN THỊ NGỌC CHÂM	Nữ	04/10/1991	Tỉnh Bắc Ninh	Y học cổ truyền	8.46	6.17		**14.63**	
1557	26	04221282	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	Nữ	16/05/1987	TP Hà Nội	Y học cổ truyền	7.60	6.88		**14.48**	
1558	27	04221452	TRẦN VIẾT THÔNG	Nam	23/04/1992	Tỉnh Hà Tĩnh	Y học cổ truyền	8.00	6.13		**14.13**	
1559	28	04220863	NGUYỄN THỊ LOAN	Nữ	25/04/1995	Tỉnh Hưng Yên	Y học cổ truyền	8.06	5.81		**13.87**	
1560	29	04221530	NGÔ QUỐC THẮNG	Nam	21/03/1986	TP Hà Nội	Y học cổ truyền	7.02	6.79		**13.81**	
1561	30	04221355	ĐỖ SĨ VIỆT	Nam	28/01/1986	TP Hà Nội	Y học cổ truyền	7.67	5.94		**13.61**	
1562	31	04221236	LƯƠNG VĂN BẮC	Nam	21/12/1982	Tỉnh Hưng Yên	Y học cổ truyền	7.65	5.83		**13.48**	

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm C.Ngành	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
1563	32	04221526	PHẠM TRỌNG DU	Nam	10/03/1982	Tỉnh Hà Nam	Y học cổ truyền	7.08	5.40	1.0	**13.48**	
1564	33	04221335	LÊ ĐỨC ĐẠT	Nam	01/02/1994	Tỉnh Thanh Hóa	Y học cổ truyền	7.69	5.42		**13.11**	
1565	34	04221047	NGỤY THỊ THƯƠNG	Nữ	29/09/1988	Tỉnh Bắc Giang	Y học cổ truyền	7.44	5.46		**12.90**	
1566	35	04221266	PHẠM THÙY LINH	Nữ	03/03/1995	Tỉnh Thái Bình	Y học cổ truyền	7.69	5.04		**12.73**	
1567	36	04221887	LÊ NHƯ LONG	Nam	15/07/1985	Tỉnh Vĩnh Phúc	Y học cổ truyền	5.44	5.71	1.0	**12.15**	
1568	37	04220770	VŨ THÀNH LUÂN	Nam	08/09/1994	Tỉnh Thái Bình	Y học cổ truyền	5.94	5.75		**11.69**	
1569	38	04221756	NGUYỄN THỊ THU	Nữ	04/03/1994	Tỉnh Thái Bình	Y học cổ truyền	6.46	5.17		**11.63**	
1570	39	04221194	ĐỖ THỊ KIM LUYẾN	Nữ	09/09/1984	TP Hà Nội	Y học cổ truyền	6.04	4.44		**10.48**	
1571	40	04220257	LÊ ĐỨC TRUNG	Nam	25/07/1993	TP Hà Nội	Y học cổ truyền	5.88	4.31		**10.19**	
1572	41	04221804	ĐINH ĐỨC VƯƠNG	Nam	04/11/1993	TP Hà Nội	Y học cổ truyền	5.83	4.19		**10.02**	
1573	42	04221056	NGUYỄN VĂN BA	Nam	21/12/1981	Tỉnh Hà Giang	Y học cổ truyền	0.00	0.00	1.0	**1.00**	Không thi
1574	43	04221304	NGUYỄN HỮU ĐÁP	Nam	01/02/1991	Tỉnh Vĩnh Phúc	Y học cổ truyền	0.00	0.00		**0.00**	Không thi
1575	1	04221918	BÙI ĐỨC VƯƠNG	Nam	03/08/1988	Tỉnh Thanh Hóa	Y học dự phòng	6.33	7.65	1.0	**14.98**	
1576	2	04221827	NGUYỄN THI HÀO	Nam	05/02/1990	Tỉnh Bắc Ninh	Y học dự phòng	5.58	6.10		**11.68**	
1577	1	04221380	NGUYỄN DUY LINH	Nam	15/11/1991	TP Hà Nội	Y học gia đình	7.92	7.44		**15.36**	
1578	2	04221272	NGUYỄN DUY HÙNG	Nam	15/10/1992	Tỉnh Phú Thọ	Y học gia đình	6.33	7.98	1.0	**15.31**	
1579	3	04220697	HOÀNG THANH CHƯƠNG	Nam	14/12/1988	Tỉnh Thái Bình	Y học gia đình	7.08	7.94		**15.02**	
1580	4	04221886	PHẠM VĂN PHƯƠNG	Nam	09/01/1982	Tỉnh Hải Dương	Y học gia đình	7.25	6.75		**14.00**	
1581	5	04220169	LƯƠNG TRUNG THÀNH	Nam	06/05/1992	Tỉnh Vĩnh Phúc	Y học gia đình	7.33	6.58		**13.91**	
1582	6	04221742	NGUYỄN VĂN KHIÊM	Nam	09/08/1989	Tỉnh Nam Định	Y học gia đình	6.42	7.38		**13.80**	
1583	7	04220546	LÊ VĂN BÌNH	Nam	25/06/1990	Tỉnh Hà Nam	Y học gia đình	6.33	7.44		**13.77**	
1584	8	04220745	NGUYỄN THUỲ LINH	Nữ	20/04/1994	Tỉnh Thanh Hóa	Y học gia đình	5.58	7.88		**13.46**	
1585	9	04220089	ĐỖ CHÍ CÔNG	Nam	03/08/1992	TP Hà Nội	Y học gia đình	6.25	7.08		**13.33**	
1586	10	04220720	LÊ THỊ THU	Nữ	28/05/1994	Tỉnh Thanh Hóa	Y học gia đình	6.00	6.94		**12.94**	
1587	11	04221730	HOÀNG NGỌC SƠN	Nam	18/06/1992	Tỉnh Thái Bình	Y học gia đình	5.67	7.02		**12.69**	
1588	12	04221529	NGUYỄN THỊ MƠ	Nữ	19/03/1996	Tỉnh Thái Bình	Y học gia đình	6.50	5.67		**12.17**	
1589	13	04221385	VŨ ĐỨC DŨNG	Nam	20/04/1989	Tỉnh Hưng Yên	Y học gia đình	6.08	5.48		**11.56**	

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm C.Ngành	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
1590	14	04221431	ĐỖ VĂN HÀ	Nam	04/11/1994	Tỉnh Nam Định	Y học gia đình	6.17	5.29		**11.46**	
1591	1	04221800	TRẦN VŨ TRƯỜNG GIANG	Nam	02/05/1992	TP Hồ Chí Minh	Y học hạt nhân	8.42	7.06		**15.48**	
1592	2	04221184	TRẦN CƯỜNG MẠNH	Nam	18/06/1994	Tỉnh Thanh Hóa	Y học hạt nhân	8.50	6.77		**15.27**	
1593	3	04220397	ĐỖ VĂN HẢI	Nam	01/06/1986	TP Hà Nội	Y học hạt nhân	8.17	6.50		**14.67**	
1594	4	04220785	NGUYỄN LÊ THANH HẢI	Nam	26/01/1986	TP Đà Nẵng	Y học hạt nhân	7.92	6.50		**14.42**	
1595	5	04221504	LÊ PHẠM MỸ HẠNH	Nữ	07/02/1989	Tỉnh Tây Ninh	Y học hạt nhân	0.00	0.00		**0.00**	Không thi
1596	1	04220187	ĐINH VĂN TIẾN	Nam	16/08/1988	Tỉnh Bắc Giang	Y pháp	8.23	6.77		**15.00**	
1597	2	04220447	LÒ THỊ KIM TOÁN	Nữ	29/01/1985	Tỉnh Điện Biên	Y pháp	8.13	5.35	1.0	**14.48**	
1598	3	04220011	BÙI THỊ HẢI VÂN	Nữ	06/02/1989	Tỉnh Ninh Bình	Y pháp	7.67	5.52		**13.19**	
1599	4	04220803	NÔNG VĂN HUÂN	Nam	21/05/1983	Tỉnh Cao Bằng	Y pháp	6.73	4.98	1.0	**12.71**	
1600	5	04220516	GIANG VĂN HỒ	Nam	04/10/1981	Tỉnh Lạng Sơn	Y pháp	7.10	4.35	1.0	**12.45**	
1601	6	04220809	NGUYỄN CẢNH TRUNG	Nam	11/11/1985	Tỉnh Nghệ An	Y pháp	6.79	3.88		**10.67**	

Hà Nội, ngày tháng 8 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SĐH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI

Nguyễn Hữu Tú